

Tam Giới Toàn Thư 6

Tam Giới Toàn Thư

Quyển 6

Ấn bản lần thứ 4
Tháng 8, năm 2022

Tác giả: Thủy Liên Tử
Biên tập: Tĩnh Tâm, Thanh Thiên
Trình bày: Tĩnh Tâm
Hình bìa: Thủy Liên Tử

Lời tựa

G iữa biển đời bất tận, con thuyền từ thông dong nhẹ lướt cứu độ chúng sinh thoát khỏi trầm luân khổ hải, đưa chúng sinh về với bến bờ an lạc.

Chuyện cứu rỗi hay độ dẫn, là chuyện của người trên thuyền. Nhưng có chịu đưa tay để nắm lấy tay người trên thuyền hay không, lên thuyền rồi có chịu đồng lòng chung hướng đi chung hay không, lại là việc của kẻ đang chơi vơi trong dòng khổ. Thế nên mới nói Đạo độ chúng hữu tình, hữu duyên là vậy.

Lãng đãng phiêu bồng hồn lữ khách
Hòa mình trong tiếng hạc an linh
Thiên niên vui thú đưa thuyền Đạo
Giữa biển trầm luân độ hữu tình...

Chúng ta, cùng cố gắng tinh tấn mỗi ngày trong tinh thương đại đồng, an nhiên và tỉnh thức nhé.

Thủy Liên Tử
Tháng 1, năm 2020

Đào Viên

Đào Nguyên

Nguồn gốc

- Nơi Tọa Hóa Huyền Thiên, ở gần Dao Trì Cung có một vườn Đào Tiên rộng lớn vĩ đại vô cùng, do Đức Từ Mẫu vun trồng từ thuở Khai Thiên Lập Địa được gọi là Động Đào, Đào Viên hay Đào Nguyên.

- Đào Nguyên ở gần Dao Trì Cung của Đức Dao Trì Kim Mẫu, được Người chăm sóc cẩn thận, tán lá vươn rộng bao phủ khắp cả vùng trời Thiên Giới. Vậy nên nơi ngự của Người từ xa xưa cũng được gọi là Đào Nguyên vậy.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Những cây Đào Tiên ở nơi Đào Nguyên đều là những Thượng Cổ Linh Thụ Tiên vĩ đại, thân cao hàng ngàn trượng, cành tán lá có thể vươn rộng ra hàng vạn trượng. Những Linh Thụ ấy còn được gọi

là Bàn Đào để chỉ về sự hùng vĩ, tồn tại lâu đời từ thuở khởi nguyên vũ trụ. Họ có thể tự do đi lại, thi hiện thành thân ảnh Tiên Nhân, lão nhân, nam tử nữ nhân hay có khi biến hiện thành các vị Linh Thú, tòa nhà, hang động tùy thích.

- Nơi Đào Nguyên, có nhiều anh linh tu tập, hấp thụ linh khí Tiên Thiên của các Linh Thú Tiên phát tán ra để tịnh hóa tâm thức, tích tụ nguyên khí giúp chân hồn ngày càng tinh tấn. Vậy nên nơi này còn có tên gọi khác là Động Đào, Đào Tiên Động. Chư Thiên Ca, Thiên Nhạc và chim muông cầm thú vẫn thường hay quy tụ về đây ca múa, ngâm thi, khiến cảnh sắc nơi đây luôn mang một nét tươi vui.

- Những đóa hoa của Bàn Đào Tiên Thụ mãi khai lớn chùng lòng bàn tay, cánh hoa có màu thuần bạch thanh khiết, hoặc nghệ hồng cát tường. Đào Tiên Quả thì to hơn bàn tay một chút. Hương vị của hoa quả đều thanh nhẹ, dịu ngọt, chỉ cần được thưởng thức hương thơm này liền cảm thấy cõi lòng đủ đầy, thanh tịnh an nhiên đến lạ thường.

- Mỹ vị của các trân phẩm từ hoa quả Đào Tiên thì vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Những ai đủ duyên lành được thưởng thức sẽ có thể quên hết những tư niệm còn vướng mắc nơi tâm thức, tiêu dao tự tại, trí tuệ quang minh sáng suốt, tâm từ ái lan tỏa muôn phương, có thể lĩnh ngộ được những huyền vi ảo

nghĩa mà người bình thường có lẽ phải mất rất nhiều năm, nhiều kiếp mới cảm ngộ được.

- Đào Tiên Hoa, Đào Tiên Quả, Đào Tiên Tửu hay các món ẩm thực dùng cho yến tiệc được tinh chế từ Đào Tiên đều là những trân phẩm mà Đức Từ Mẫu ban ân cho các chân hồn cao trọng vừa được nhập vào Thánh Tịch, Tiên Tịch nơi Thượng Giới. Mỗi ngày trôi qua trong Đại Vũ Trụ có không ít số lượng các chân hồn tu tập nghiêm túc, mới được chuyển sinh về Thượng Giới. Họ được tham dự Hội Bàn Đào, được ban tặng Đào Tiên trân phẩm giúp cho thần thức thêm phần thanh tịnh, mạnh mẽ, dễ dàng hòa nhập với thanh khí tịnh yên nơi cõi Thiên. Ngoài ra, vào thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các chân hồn tuy chưa vào Thánh Tịch nhưng có tu tập đạo đức ở một mức độ nhất định cũng được tham dự Hội Bàn Đào một lần lúc chuyển sinh thoát xác.

Đào Nguyên trong các nền văn hóa, tín ngưỡng

*** Đào Tiên trong phim truyện và đời sống**

Đào Tiên Quả thường được mô tả xuất hiện với hình ảnh của Đức Nam Cực Tiên Ông, một vị Thiên Tiên đại biểu cho sự trường thọ, phúc lạc và tiêu dao tự tại. Nhãn hàng sữa Ông Thọ ở Việt Nam chính là

lấy hình ảnh của Đức Nam Cực Tiên Ông làm biểu tượng Ông Thọ.

Trong các tác phẩm phim ảnh hay sách truyện tiên hiệp, người ta thường nói về việc Đào Tiên Linh Thụ ở Đào Nguyên phải mất 3000 năm mới ra hoa một lần. Hoa ấy trường tồn suốt 3000 năm, đến khi đủ ngày giờ thì bắt đầu kết quả. Quả này phải trải qua 3000 năm nữa mới chín mọng viên mãn có thể dùng được. Người nào được dùng thì tự nhiên có thể trường sinh ngàn vạn năm, có thể tu thành Tiên, có thể nhập vào cõi Thiên. Từ đó xảy ra việc những chân hồn muốn đến Đào Nguyên hái trộm Đào Tiên Quả với mong cầu được thành Tiên, hay các tiên nhân đạo sĩ, yêu linh muốn trộm quả để trường sinh bất tử... Những chuyện được kể như trên đều là hoang đường lắm vậy.

Trước tiên, Đào Nguyên thuộc Tạo Hóa Huyền Thiên, là một cõi giới vô cùng thanh tịnh, là cảnh giới Niết Bàn, nằm rất gần với khối Đại Linh Quang Cội Đạo. Các sự tồn tại ở cõi này đều thanh tịnh vô cùng, muốn nhập được vào cũng phải thuộc hàng Tiên Hồn trọn lành, từ cấp 7 trở lên trong Cửu Phẩm Thần Tiên. Tiên Hồn, có thể trường tồn vĩnh cửu nơi Thượng Giới, không chịu luân hồi sinh tử chi phối tâm tình bởi nhân duyên nghiệp quả, có chăng là tự bản thân họ có thích đầu thai chuyển kiếp hay không mà thôi.

Vậy nên việc chân hồn đến đây hái trộm Đào Tiên để tu luyện là không có. Vì chỉ cần phát sinh một niệm bất thiện lấy trộm phẩm vật, thì Trầm Nê Ngư sẽ quán lấy họ, khiến họ sa đọa vào cõi Trung Giới hay Hạ Giới, không có cơ hội thực hiện hành vi trộm Đào Tiên Quả. Trầm Nê Ngư ẩn tàng khắp nơi trên Thượng Giới, đặc biệt ở các nơi có lùm cây, tán cây lớn. Bàn Đào Tiên Thụ lại có tán cây rộng lớn vĩ đại, Trầm Nê Ngư ở đó thành từng bầy đông đúc cũng giúp gìn giữ Đào Nguyên vậy.

Kể đến, ở Đào Nguyên có chư linh đang tu tập rất đông ở phẩm Tiên Hồn, bản thân Bàn Đào Tiên Thụ cũng là Tiên Tử, nên chuyện bị trộm là không bao giờ xảy ra được.

Thêm nữa, việc 3000 năm ra hoa, hoa nở 3000 năm và mất 3000 năm mới kết quả, rồi đợi 3000 năm để bắt đầu ra hoa lại. Một vòng chu kỳ mất 9000 năm mới có một đợt quả, việc này cũng không phải như thế. Bàn Đào Tiên Thụ đều là những vị Tiên Tử từ thuở khởi nguyên, trải qua quãng thời gian bất khả tư nghị hấp thu linh khí Tiên Thiên từ khối Đại Linh Quang, hiển nhiên có thể kết tinh linh khí thanh tịnh thuần lương của mình sản sinh thành Đào Tiên Hoa hay Đào Tiên Quả bất kỳ lúc nào nếu họ cần hay thích, không cần phải đợi 9000 năm như thế.

*** Đức Tây Vương Mẫu ban ân cho Đông Phương Sóc**

Thời Hán Vũ Đế ở nước Trung Hoa, khoảng năm 157 trước Công Nguyên đến 87 trước Công Nguyên. Học sĩ Đông Phương Sóc là người kỳ tài ở tỉnh Sơn Đông, là người tinh thông thiên văn địa lý, có học Tiên Thuật Đạo Gia. Vào một dịp lễ Tết Đoàn Viên Trung Thu, Hán Vũ Đế mong cầu trường sinh, phát nguyện làm một đàn tế Thiên, vọng cầu có thể được Thần Tiên ban cho thuốc trường sinh. Bấy giờ, Đông Phương Sóc đại diện lập đàn cầu khẩn Đức Cửu Thiên Huyền Nữ, chính là Đức Tây Vương Mẫu, Đức Từ Mẫu giáng lai chứng giám. Tuy Hán Vũ Đế không phải hành giả Đạo Gia, nhưng Đông Phương Sóc lại là người có tâm đức thiện lành, là một Đạo Gia ưu tú nên Đức Từ Mẫu giáng lai chứng đàn.

Giữa đêm trăng sáng, lễ nhạc cung đình đủ đầy, hương đăng hoa trà quả trên bàn tế đàn nghiêm trang. Sau khi Đông Phương Sóc khẩn nguyện với chư vị Tiên Gia, bỗng nhiên chim muông từ đâu xuất hiện kêu hót vang trời, mây lành ngũ sắc ẩn hiện giữa không trung. Từ thiên không bay xuống cặp Bạch Hạc và cặp Khổng Tước to lớn, múa lượn trong sân theo tiếng nhạc du dương. Trên bầu trời

trắng tròn viên mãn, khắp nơi đều có những cánh hoa thoảng bay trong làn gió mát, hương thơm ngào ngọt thanh khiết vô cùng. Dị tượng kỳ diệu ấy diễn ra trong khoảng một canh giờ, thế rồi chim muông liền rời đi, mùi hương trong gió cũng dần dịu lại rồi tắt hẳn. Vua cho truyền Đông Phương Sóc hỏi rõ sự tình vừa rồi, ngài mới thuật lại:

“Vừa rồi Đức Tây Vương Mẫu và chư vị thị giả của Người có giáng lai đến tế đàn của bộ hạ trong sơn. Người ở đây chốc lát, ban ân điển phước lành cho muôn sinh nên chim Hạc và chim Công mới đến múa ca chúc phúc. Người có ban điển lành vào mấy quả đào mà bản đạo dâng lễ trên tế đàn, nay kính dâng bộ hạ ngự dùng để hưởng hồng ân của Đức Tây Vương Mẫu ạ.”

Do Đông Phương Sóc là hành giả Đạo Gia nên có thể nhìn thấy được thân ảnh của chư vị lúc bấy giờ, còn lại tất cả triều đình chẳng ai thấy được sự kỳ diệu ấy ngoài việc thấy chim muông múa vui trong sơn. Hán Vũ Đế nhận mấy quả đào ấy thưởng thức, tuy không thành Thần Tiên, nhưng ông cũng được xem là một vị vua sống thọ trong lịch sử vua chúa. Ông qua đời năm 70 tuổi và ở ngại vàng được khoảng 54 năm, đất nước thái bình thịnh trị.

Về sau này, Đông Phương Sóc dâng Tiên sớm. Nhà vua do khát vọng được trường sinh bất tử mà

thiếu người dẫn duyên. Ông tin dùng các gian thần, phương thuật sĩ giảng hồ không có tu vi chân chính như Đông Phương Sóc, nên dẫn đến các bi kịch trong cung liên quan đến Luyện Đan Thuật.

* Thi văn, kinh điển

Đào Nguyên từng được nhắc đến trong các bài thi kinh tiêu biểu sau đây.

Vang tai nào kể tiếng đời than
Than trách lại qua bước nhộn nhàng
Nhàn hưởng Đào Nguyên yên lặng tánh
Tánh lành khuyên giữ thoát trần gian.

Đức Thái Bạch Kim Tinh

Kinh Đệ Nhị Cửu

Tây Vương Mẫu Vườn Đào ướm chín
Chén trường sinh có lệnh ngự ban
Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng
Chân Thần khá đến hội hàng chư Linh
Đã thấy đủ Thiên Đỉnh huyền pháp
Cõi giác thân lên đạ Ngân Kiều

Đầu Tinh chiếu thấu Nguyên Tiêu
Kim quang kiệu đỡ đến triều Ngọc Hư
Khí trong trẻo dường như băng tuyết
Thần im đìm dường nét thiêu quang
Xa chùng thế giới Địa Hoàn
Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳng.

Đức Nhị Nương Dao Trì Cung

Kinh Đệ Cửu Cửu

Vùng thoai khí Bát Hồn vận chuyển
Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng
Hội Bàn Đào, Diêu Trì Cung
Phục sinh đào hạnh, rượu hồng thưởng ban
Cung Bắc Đẩu xem căn quả số
Học triều nghi vào ở Linh Tiêu
Ngọc Hư Cung sắc lệnh kê
Thượng phong, trừng trị, phân điều đọa thẳng.

Đức Cửu Nương Dao Trì Cung

Đào Nguyên lại trở trái hai lần
Ai ngỡ Việt Thường đã thấy lân
Cung Đẩu vít xa gươm xích quý
Thiền Cung mở rộng cửa Hà Ngân
Xuân Thu định vững ngôi lương tể
Phát Chủ quét tan lũ nịnh thần
Thổi khí vĩnh sinh lau xả tặc
Mở đường quốc thể định phong vân.

Đức Bát Nương Dao Trì Cung

Hội Bàn Đào

Hội Yến Dao Trì Cung

Nguồn gốc

Hội Yến Dao Trì Cung hay Hội Bàn Đào là lễ yến hội được Đức Dao Trì Kim Mẫu khai mở định kỳ nơi Dao Trì Cung, bên dưới những tán cây Bàn Đào Linh Thụ Tiên ở cõi Niết Bàn, tầng Huyền Thiên Tạo Hóa.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Từ thuở Khai Thiên Lập Địa, Đức Từ Mẫu tạo tác nên hằng hà sa số chư Thần Thánh Tiên Phật, họ phân tán khắp Đại Vũ Trụ để lo phần độ hóa chúng sinh, giáo hóa các đẳng chân hồn khắp nơi ngày một tinh tấn. Lúc bấy giờ, chư Thần Thánh Tiên Phật vẫn thường xuyên nhớ về Đức Từ Mẫu, muốn về thăm nom vấn an Người, nên thỉnh thoảng các Đấng thiêng liêng ấy đã trở về thăm. Những buổi gặp gỡ giữa Đức Từ Mẫu và con cái của Người vô cùng

cảm động, hạnh phúc vô cùng nên Đức Từ Mẫu cho mở yến hội tiếp đón con cái mình.

- Về sau, yến hội này mở rộng hơn, tiếp đón các chân hồn vừa được nhập vào Thánh Tịch, Tiên Tịch, hoặc là các chân hồn ở phẩm Thần khi họ vừa vong thân mạng chuyển sinh về Trung Giới. Do họ chưa đủ công nghiệp nhập vào Thánh Tịch nên được các vị Thánh Tiên trợ duyên, đưa về Thượng Giới tham quan, ghé về thăm Đức Từ Phụ và Đức Từ Mẫu một lần nhằm tăng thêm tín tâm cũng như khai mở tâm từ bi, trí tuệ. Từ đó họ cố gắng tu tập tinh tấn, thực hành nhiều thiện nghiệp mà có thể nhập vào Thánh Tịch, Tiên Tịch về sau.

- Từ việc mở rộng yến hội như trên, Hội Bàn Đào hiện tại giống như là buổi ăn hằng ngày của chúng ta vậy. Do ở Thượng Giới không có khái niệm ngày đêm, luôn luôn là ánh sáng vi diệu ấm áp chan hòa như ánh nắng bình minh. Vậy nên tạm gọi các yến hội này là Triều Hội Đoàn Viên, cũng hiểu như là một ngày đoàn viên ở Thượng Giới. Các chân hồn là những đứa con xa nhà lâu năm, trở về nhà trong một buổi sớm mai gặp lại người mẹ hiền đã bao năm trông đợi con về.

- Việc chư Thần Thánh Tiên về thăm tùy ý sẽ khó lòng giữ được sự trật tự cân bằng của Tam Giới, thế nên hiện tại Hội Bàn Đào được chủ động tổ chức

định kỳ với việc sắp xếp người tham dự cụ thể. Mỗi một tộc, bộ Chánh Thần sẽ có khoảng thời gian hồi hướng về thăm Đức Từ Mẫu riêng biệt. Việc này nhằm tạo cơ hội cho các chân hồn ở cấp Thánh Hồn và Tiên Hồn đang hành thiện nghiệp trong khắp Tam Giới có dịp được về thăm Đức Từ Mẫu mỗi một nhiệm kỳ Can Chi, tức là 60 khắc luân chuyển kết hợp của Thiên Can và Địa Chi vận hành Đại Vũ Trụ.

- Mỗi một thời khắc của Thiên Can kết hợp với Địa Chi trôi qua, ta có thể hiểu như là một canh giờ ở Thượng Giới và Hạ Giới, cụ thể là Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão... đều có một số chân hồn chuyển sinh trong Cửu Phẩm Thần Tiên. Trong vũ trụ có bao nhiêu chân hồn chuyển sinh nhập vào Thần Tịch, Thánh Tịch, Tiên Tịch thì họ sẽ được các vị Chánh Thần phụ trách ở cõi Trung Giới đến chỗ họ gửi thiệp Phó Hội Bàn Đào. Sau đó, họ được chư vị Chánh Thần đưa đến nơi tập hợp ở giao điểm Trung Giới và Thượng Giới là cõi Thanh Thiên Bồng Lai Đảo.

- Chân hồn chuyển sinh, tức là có thể chân hồn ấy đang là một sinh vật sống có thân xác hữu hình rồi từ bỏ thân mạng, hoặc chân hồn đó đang ở Trung Giới là một âm linh vừa giải xong các nghiệp bất thiện chấp kiến của mình, tu tập tinh tấn mà đạt quả vị Chánh Thần rồi nhập vào Thần Tịch, Thánh Tịch

hay Tiên Tịch. Để đạt được quả vị trong Cửu Phẩm Thần Tiên không phải là việc dễ dàng, cho nên cả vũ trụ này mỗi một canh giờ trôi qua có ít chân hồn được chuyển sinh mà nhận thiếp Phó Hội Bàn Đào.

- Từ Bồng Lai Đảo, chân hồn được chỉ dạy các phép tắc lễ nghi nơi Thượng Giới, được nhận thêm một số pháp bảo đặc biệt hỗ trợ cho việc di chuyển trong Thượng Giới thuận lợi. Đối với các chân hồn đang còn trọng trọng bởi chấp niệm thì cần thêm thời gian hóa giải, buông xả chấp niệm ấy cho nhẹ nhàng mới nhập được vào Thượng Giới thuận tiện.

- 81 ngày là khoảng thời gian lý tưởng của một chân hồn được học hỏi, tinh tấn, trải nghiệm khảo đảo thử thách và vượt qua các bài thi. Nếu như còn vướng mắc không vượt qua được, chân hồn sẽ tiếp tục ở lại đợi các chu kỳ 9 ngày một lần, cùng tham gia tu học và trải nghiệm khảo thí với các nhóm chân hồn đã đến sau mình. Chỉ khi nào đủ điều kiện, thành công vượt qua các đợt tu học và khảo thí, chân hồn sẽ được đưa về bái kiến Đức Từ Mẫu, tham dự Hội Bàn Đào nơi này.

- Ở Hội Bàn Đào, có đầy đủ các loại hương đăng hoa trà quả, có cả các loại bánh, rượu được tinh chế từ hoa và quả Bàn Đào Linh Thụ. Có chư vị Thiên Ca, Thiên Nhạc hòa tấu những giai điệu du dương thánh thoát, những khúc ca ngâm gợi nhớ

cảnh Thiên Cung, nhắc nhở chư linh biết tu tâm dưỡng tánh sớm ngày thoát khỏi luân hồi khổ hải.

- Đào Tiên Hoa, Đào Tiên Quả, Đào Tiên Tử, hay các món ẩm thực dùng cho yến tiệc được tinh chế từ Đào Tiên đều là những trân phẩm mà Đức Từ Mẫu ban ân cho các chân hồn cao trọng vừa nhập vào Thánh Tịch, Tiên Tịch nơi Thượng Giới. Mỗi ngày trôi qua trong Đại Vũ Trụ có không ít số lượng các chân hồn tu tập nghiêm túc, thực hành thiệp nghiệp sâu dày mới được chuyển sinh về Thượng Giới. Họ được tham dự Hội Bàn Đào, được ban tặng các Đào Tiên trân phẩm giúp cho thần thức thêm phần thanh tịnh, mạnh mẽ, dễ dàng hòa nhập với thanh khí tịnh yên nơi Thiên Giới. Ngoài ra, vào thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các chân hồn tuy chưa đạt phẩm Thánh Vị nhưng có tu tập đạo đức ở một mức độ nhất định cũng được tham dự Hội Bàn Đào một lần lúc chuyển sinh thoát xác.

- Điều quan trọng nhất của chân hồn khi tham dự Hội Bàn Đào chính là được bái kiến Đức Dao Trì Kim Mẫu. Chân hồn được thỏa lòng mong nhớ với Đấng Tạo Hóa đã tạo nên hình hài mình trong vũ trụ này, được khơi gợi nỗi khát khao tìm về Cội Đạo. Nhờ vậy họ có thêm động lực tinh tấn, thực hành thiệp nghiệp, độ duyên cho chính mình và vạn loại sinh linh khắp Tam Giới.

Hội Bàn Đào trong các nền văn hóa, tín ngưỡng

*** Trong lịch sử Đạo Gia**

Đối với cõi Hạ Giới nơi Địa Hoàn này, Hội Yến Đoàn Viên chính thức được ghi chép lại trong lịch sử Đạo Gia vào thời Hán Vũ Đế, nước Trung Hoa cách đây hơn 2000 năm.

Yến hội năm ấy do đạo sĩ Đông Phương Sóc chủ trì tế lễ long trọng trang nghiêm nơi hoàng cung, thành kính cung nghênh Đức Tây Vương Mẫu giáng lai, chứng giám cho tấm lòng nguyện cầu quốc thái dân an của vua dân thời ấy. Việc này diễn ra vào đêm rằm trung thu tháng tám, nên ngày Lễ Trung Thu còn được gọi là Lễ Đoàn Viên vậy.

*** Trong thi văn, kinh điển**

Hội Bàn Đào từng được nhắc đến trong các bài thi kinh tiêu biểu sau đây.

Kinh Đệ Nhị Cửu

Tây Vương Mẫu Vườn Đào ướm chín
Chén Trường Sinh có lệnh ngự ban
Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng

Chân Thần khá đến hội hàng chư linh
Đã thấy đủ Thiên Đình huyền pháp
Cổ giác thân lên đạ Ngân Kiều
Đầu Tinh chiếu thấu Nguyên Tiêu
Kim quang kiệu đỡ đến triều Ngọc Hư
Khí trong treo dường như băng tuyết
Thần im đìm dường nét thiêu quang
Xa chừng thế giới Địa Hoàn
Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳng.

Đức Nhị Nương Dao Trì Cung

Kinh Đệ Cửu Cửu

Vùng thoại khí Bát hồn vận chuyên
Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng
Hội Bàn Đào, Diêu Trì Cung
Phục sanh đào hạnh, rượu hồng thưởng ban
Cung Bắc Đẩu xem căn quả số
Học triều nghi vào ở Linh Tiêu
Ngọc Hư Cung sắc lệnh kêu
Thượng phong, trừng trị, phân điều đọa thẳng.

Đức Cửu Nương Dao Trì Cung

Mộc Tinh Tử

Mộc Thần - Mộc Quỷ

Nguồn gốc

- Mộc Tinh Tử là các loài thảo mộc sinh sống nơi thế gian hữu tình, nhưng ở nơi sinh tồn của mình có thân xác người, vật vừa mới vong thân mạng. Ngày qua ngày, loài thảo mộc này tiếp thu năng lượng từ xác thân tứ đại đang dần hòa nhập vào đất, khiến cho toàn bộ thân tâm của mình hấp thu tử khí và cả tư niệm của người, vật đã mất kia. Trong thời gian ngắn, loài thảo mộc ấy phát triển mạnh mẽ, đến khi thức tỉnh linh tánh của mình, phần linh thức có thể xuất ra khỏi thân cây, giao tiếp tương tác với thế giới quan xung quanh. Linh thể như vậy được gọi là Mộc Tinh Tử.

- Ngoài những Mộc Tinh Tử hình thành do hấp thu tử khí, ý niệm tàn dư của sinh vật đã mất, còn một dạng nữa do chân hồn bên ngoài nương tựa, ám nhập lâu dài rồi hòa nhập tâm thức với cây. Lúc bấy giờ, Mộc Tinh Tử mang nhiều dòng tư niệm của bản

thể thảo mộc ấy cùng với tư niệm, tính cách của linh thể đã ám nhập và hòa hợp linh thức hoàn toàn.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Mộc Tinh Tử nếu gặp điều kiện thuận lợi, hấp thu nhiều linh khí, tử khí thì trong chừng 5 - 10 năm đã có thể thị hiện thành thân ảnh nhân dạng khá rõ ràng. Có khi thị hiện là bán nhân dạng, tức có một phần thân mang hình dáng con người, phần thân còn lại là cây thảo mộc. Hoặc có khi là sự kết hợp dung hòa các tính chất đặc trưng riêng của cây ấy với hình ảnh, dáng dấp, nét nhân cách của loài người vậy.

- Một số trường hợp do có pháp sư thường xuyên trì kinh chú và truyền năng lượng âm dương, thấp hương mỗi ngày cho cây ấy hưởng nhang khói cùng tư niệm của pháp sư. Sau một thời gian dài khoảng chừng 5 năm, cây ấy có thể thức tỉnh tánh linh của mình.

- Việc này cũng giống như ngải sư tinh luyện ngải vậy. Các loại ngải là thảo mộc được luyện bùa phép vào cây, củ còn sống thì sau vài năm thức tỉnh cũng chính là các phần tử thuộc nhóm Mộc Tinh Tử. Đa phần các Mộc Tinh Tử thuộc dạng này đều được dùng vào mục đích tư lợi, phi tự nhiên, đi trái lại với lẽ tự nhiên, mang tính chất cưỡng chế với một đối

tượng nào đó mà ngải sư hay người dùng ngải mong muốn. Do vậy mà người bình thường dễ nghe nói đến bùa ngải thì không có thiện cảm, sợ hãi hoặc ghét bỏ ngải như một thứ gì đó rất kinh khủng nằm ngoài sự tưởng tượng của họ.

- Mộc Tinh Tử được tinh luyện và thị hiện nhân dạng được xếp vào ba dạng phổ thông như sau:

+ Thị hiện hình dạng nữ nhân, được gọi bằng những cái tên mỹ lệ như là Nàng Mơ, Nàng Mơn, Nàng Hương... Nhóm này thường có công năng mang tính mị lực, lôi kéo khách trong việc buôn bán làm ăn, hoặc là chiêu cảm tình duyên.

+ Thị hiện hình dạng tướng sĩ, võ phu được gọi với những danh xưng mạnh mẽ như là Ông Hồ, Văn Tướng Quân... Nhóm này thường có công năng mang tính trấn áp, sử dụng lực tinh thần tương tác ám nhập hoặc là đe dọa, trấn áp, chiến đấu giữa các thế lực tâm linh với nhau.

+ Thị hiện hình dạng đồng tử, hoặc các loài động vật nhỏ như chó, mèo, rắn, chuột với các tên gọi gần gũi như là Tiểu Bạch, Tiểu Hắc, Miu Miu... Nhóm này thường có công năng mang tính quấy phá, làm đối tượng họ muốn tương tác bị mất tập trung, dễ bị loạn động gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, mối quan hệ xã giao và hiệu suất công việc.

Các Mộc Tinh Tử thị hiện nhân dạng theo ba nhóm trên do trong quá trình trì niệm kinh chú và thấp hương khẩn nguyện, pháp sư đã gieo những chấp niệm mãnh liệt về hình tướng và tính chất mình khát khao. Họ mong muốn các Mộc Tinh Tử khi thức tỉnh sẽ làm được những việc như thế, thì tự nhiên linh thể sẽ có khả năng tương ứng.

- Về cơ bản, Mộc Tinh Tử khi thức tỉnh có tính cách giống với một đứa trẻ nhìn ngắm lý sự thế gian vô cùng đơn giản. Họ tò mò muốn khám phá thế giới quan quanh mình, muốn trải nghiệm cảm giác giống như loài người. Họ tiếp tục mang nơi mình ý chí khát khao muốn sống, cùng tính cách được hình thành bởi tử khí và ý niệm tàn dư của sinh vật mình từng hấp thu.

- Đối với Mộc Tinh Tử do âm linh ám nhập, hòa nhập tâm thức với bản thể tâm thức của thảo mộc ấy thì có vài trường hợp xảy ra như sau:

+ Trường hợp tâm thức của cây cùng linh thể ám nhập kia thực sự hòa nhập, cộng sinh dùng chung thân mạng là cây ấy. Mộc Tinh Tử tồn tại khá ổn định, dễ dàng phát triển, cũng mang nơi mình tâm tình ý nguyện, ý chí muốn sống, tính cách của cả bản thể cây ấy và của linh thể ám nhập.

+ Trường hợp linh thể ám nhập cùng tâm thức của cây không thực sự hòa hợp, khi thức tỉnh thành

Mộc Tinh Tử sẽ xảy ra hiện tượng đa nhân cách dị biệt. Tính khí, hình dạng, cách thức tương tác với thế giới xung quanh sẽ thay đổi thất thường bởi các dòng ý niệm khác nhau tranh đấu cùng tồn tại. Ý niệm nào sẽ thị hiện trên cây ấy, ý niệm nào sẽ thị hiện thân rõ ràng khi thần thức của Mộc Tinh Tử xuất ra khỏi cây ấy. Ý niệm nào mạnh mẽ hơn thì sẽ thường xuyên chiếm ưu thế vậy.

- Tùy vào Mộc Tinh Tử được hình thành bởi nguyên nhân nào, hấp thu những loại ý niệm tàn dư và tử khí, hay là âm linh tương tác ám nhập ra sao mà có những khả năng cơ bản như là:

+ Tương tác cho người ta biết lý sự diễn ra mà có thể người ta chưa hay biết. Việc này xảy ra thông qua nhắc nhở bằng tâm thức hoặc là báo mộng cho thấy. Chủ yếu là những việc mang tính chất đã từng xảy ra trong quá khứ gần, hiện tại ở phạm vi nhỏ chừng 500 m trở lại. Hiếm khi có thể báo trước về tương lai, nếu có cũng chỉ rất gần trong khoảng chừng một ngày mà thôi.

+ Giúp cho những ai tiếp xúc với mình được thư giãn, thân tâm thanh tịnh bằng năng lượng an lạc khí.

+ Thanh lọc không khí, hấp thu trực khí và chuyển hóa trực khí ấy thành thanh khí, giúp cho môi trường xung quanh Mộc Tinh Tử được trong

lành dễ thở. Đồng thời hỗ trợ điều hòa khí huyết, tinh hóa thân tâm làm cho các bệnh tật, vết thương của thân tâm được mau chóng phục hồi.

+ Có thể khiến người ta lưu luyến chẳng muốn rời xa, hay là khó chịu chẳng muốn đến gần nơi khu vực của Mộc Tinh Tử sinh sống. Trường hợp này tùy theo trường năng lượng ý niệm của người ấy có phù hợp với năng lượng tâm tình của Mộc Tinh Tử hay không.

- Khi Mộc Tinh Tử tương tác với thể giới xung quanh được nhiều lần, tạo nên nhiều nhân duyên thiện ác nghiệp khác nhau. Khi ấy, tùy vào việc tâm tình của chúng sinh từng tiếp cận với Mộc Tinh Tử là vui buồn, hoan hỷ, phiền não, đau khổ hay lo âu sợ hãi, mệt mỏi, tươi vui... tạm chia thành tích cực và tiêu cực đối với chúng sinh trong đời sống thế tục, sẽ có hai trường hợp tương ứng:

+ Mộc Tinh Tử được gọi là Thần Mộc, Linh Mộc khi làm được nhiều việc thiện, có nhiều tín tâm hảo cảm. Có thể chính thức trở thành một vị Chánh Thần bảo hộ cho chúng sinh nơi khu vực mình sinh tồn, được Tam Giới nhìn nhận và mến phục.

+ Mộc Tinh Tử được gọi là Mộc Yêu, Mộc Quỷ khi làm nhiều việc bất thiện khiến chúng sinh đồ thán, oán hận, có nhiều ác cảm, dễ sa vào đường dữ đọa trong cảnh khổ trầm luân.

Phương thức tương thông, cảm ứng

Người bình thường khi tương tác tiếp xúc với các loài thảo mộc nói chung, nếu dùng tâm tình yêu thương, trân trọng mệnh căn của chúng sinh hữu tình, quan tâm giao tiếp mang tính tích cực với cây. Lúc bấy giờ, các loài thảo mộc sinh lòng cảm mến, tự nhiên người ấy có dòng năng lượng hảo cảm từ Thảo Mộc Hồn, có thể tương tác giao hoán năng lượng qua lại với chúng thảo mộc như một Thảo Mộc Sứ. Nơi nào người ấy sinh sống tự nhiên tràn đầy sức sống, cây cối đơm chồi nảy lộc tươi xanh, hoa khoe sắc thắm.

Quan niệm sai lầm về việc dùng gỗ, đá quý lâu năm làm ảnh tượng

Ngày nay, người ta thường có chủ trương dùng cây gỗ lâu năm quý hiếm, đá quý to bự nguyên khối tạo tác nên ảnh tượng của các Đấng thiêng liêng hay người, biểu tượng gì đó nói chung.

Việc này là hoàn toàn sai lạc vậy. Chúng ta bị nhầm lẫn ở việc chặt cây, nhặt đá quý làm tượng và cho rằng chúng được chiêm bái là tốt cho chúng.

Vốn dĩ sự sống là quan trọng, không gì so sánh được. Những cây cỏ thụ sống giữa thiên nhiên trăm

năm ngàn năm tự do, tự nhiên lại có đám người lại làm lễ tế bái xong chặt cây về làm tượng, bản thân cây có muốn vậy đâu.

Còn chuyện cây người ta đã chặt, không làm tượng mà làm chuyện khác đó là duyên nghiệp của họ, tự họ sẽ chịu nghiệp. Nếu mình chung tay để làm cho việc chặt cây trở nên có ý nghĩa hơn theo cách mình nghĩ thì mình tự đem mình vô guồng nghiệp dữ đó vậy.

Đá bị khai thác trong tự nhiên tạc tượng cũng là nghiệp dữ không tốt đâu. Đá quý, đá tảng lâu năm các kiểu là nơi tích tụ năng lượng của đại địa ở khu vực đó, và năng lượng ấy sẽ tương tác ra môi trường xung quanh giúp mọi thứ được vận hành cân bằng, tinh tấn.

Con người đập phá rồi đem đi là làm mất cân bằng tự nhiên sinh thái, có những hệ lụy không tưởng nổi đâu người ạ. Chưa kể việc đá đó tồn tại lâu năm trong Thiên Địa đã thức tỉnh tánh linh, trở thành một anh linh có tâm tình cụ thể lại bị người ta mổ xẻ, đẽo đục sẽ tạo nên luồng oán khí, oán hận nặng nề.

Vậy với các tín giả, người yêu thích việc chiêm bái, liệu có tốt chăng khi vì niềm tin tâm linh của mình, tự nghĩ tưởng rằng việc có bức tượng quý là điều tốt nhưng thực chất lại là tàn hại môi trường

sống tự nhiên và tự mình đem lại cho mình những nghiệp chướng không nên có. Việc này để tự mỗi người suy xét và lựa chọn vậy. Vẫn là ăn gì, làm gì thì trước tiên là tự mình chịu trách nhiệm, kể đó nó ảnh hưởng ra sao với xung quanh thì mình sẽ gom tiếp oán khí hay an lạc khí từ sự tương tác với thế giới quan quanh mình suốt cả quá trình nghĩ, nói và làm vậy.

Có một trường hợp tạm chấp nhận việc dùng gỗ lâu năm hay cây to quý làm tượng khi cây ấy đã tự ngã đổ, tự chết vì lý do tự nhiên nào đó không còn sống nữa. Đó là về khía cạnh nghiệp sát và tàn hại môi trường thì không dính. Nhưng mà, không ai đảm bảo rằng về phần tâm linh, thần thức, chân hồn của cây ấy thực sự có thích mình bị đem đi làm tượng rời xa nơi mình từng sinh sống, hay là sẽ phát sinh oán hận đối với người đem mình đi vậy.

Tộc Mệnh Linh Thụ

Tộc Mệnh Sâm Lâm

Nguồn gốc

- Tộc Mệnh Linh Thụ là phần tử trong bộ Linh Thụ Tiên. Đây là những Cây Thần, Đại Linh Thụ vô cùng to lớn, được trồng bởi chính tổ tiên tộc trưởng của các gia tộc, thị tộc. Do vậy mà các Linh Thụ này thường có tuổi thọ nhiều ngàn năm, cho đến trường tồn vĩnh hằng.

- Tộc Mệnh Linh Thụ thường xuất hiện ở những bộ tộc, thị tộc có đời sống tâm linh mạnh mẽ, tín tâm sâu sắc đối với chư Thần trong thế giới tự nhiên, nhất là niềm tin với các vị Thần Mộc. Ở cõi Hạ Giới nơi chúng ta đang sống thì hầu như không còn thấy nữa, do con người tàn phá thiên nhiên quá dữ.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Tộc Mệnh Linh Thụ thường có độ cao vài chục thước cho đến hàng trăm thước, vòng thân cây

ở gốc khoảng từ 7 người ôm trở lên. Cành lá to khỏe, tán lá sum suê um tùm, lan tỏa khắp nơi ánh quang màu xanh lá mạ. Xung quanh thân cây có nhiều Tinh Linh nhỏ xíu bay lượn, tạo thành những đốm sáng màu trắng, màu vàng nhỏ li ti khiến cây trở nên lung linh huyền ảo. Nơi gốc cây, rễ cây còn là khu vực của nhiều sinh vật nhỏ bé như nấm, côn trùng, hoa cỏ, Tinh Linh Hoa Cỏ trú ngụ.

- Tộc Mệnh Linh Thụ hấp thu linh khí Thiên Địa theo dòng thời gian phát triển của thị tộc, lại hấp thu năng lượng tâm cảm từ tín ngưỡng mãnh liệt của tộc nhân đối với Linh Thụ. Vì thế, các Linh Thụ này chỉ chừng vài chục năm từ lúc mới bắt đầu trồng mầm cây là có thể thức tỉnh tánh linh, biến hóa nên hình dạng cụ thể để di chuyển và tương tác với thế giới xung quanh.

- Các Linh Thụ đã thức tỉnh như thế, được gọi là Tộc Mệnh Linh Thụ Tiên. Bản thân Tộc Mệnh Linh Thụ Tiên đã trở thành một pháp giới đặc biệt trong Linh Giới, có thể chứa đựng được các linh thể khác cùng cư trú thuận lợi trong vũ trụ pháp giới của mình. Mỗi Cây Thần này còn có khả năng thanh tẩy các năng lượng ác trược, ám khí trong khu vực mình sinh tồn, đồng thời giúp chữa lành các tổn thương cả thể xác lẫn tinh thần của tất cả thị tộc nhân mà mình bảo hộ.

- Mọi sự biến động của Tộc Mệnh Linh Thụ sẽ ảnh hưởng tới vận mệnh của toàn bộ gia tộc. Ngược lại, mọi sự biến động của từng phần tử tộc nhân cũng ảnh hưởng đến thọ mệnh của cây.

+ Khi trong tộc có người vương mắc những ác nghiệp nặng nề, tâm trí bị ám ảnh loạn động cực độ, hoặc là bệnh tật nghiệt chướng nặng nề vô phương cứu chữa. Lúc bấy giờ, tộc nhân ấy sẽ viết vào một tờ giấy những suy nghĩ chấp niệm ám ảnh tâm trí mình, rồi tự mình đem tờ giấy đó dùng đinh đóng lên thân cây. Cây Thần ôm lấy cơn đau, tự mình tịnh hóa nó để người đang vương chấp niệm đau khổ kia được nhẹ nhàng tâm trí hơn, bớt đau khổ ám ảnh hơn. Nhưng cũng đồng thời lúc ấy, cây chịu những thương tổn do đinh đóng và hấp thu ác niệm ám ảnh của người đó, cho nên toàn bộ tộc nhân cũng sẽ chịu cảm giác đau đớn ấy trong thoáng chốc khi cây đang tịnh hóa nỗi đau. Đây chính là cộng nghiệp chung của cả gia tộc với Linh Thụ, nên Linh Thụ ấy mới có tên là Tộc Mệnh Linh Thụ vậy.

+ Khi Cây Thần bị tàn hại triệt để, hoại diệt thì cả thị tộc ấy sẽ bị diệt vong. Khi cả thị tộc bị diệt vong thì tự nhiên Cây Thần cũng khô héo dần mà chết.

+ Khi một tộc nhân bị chính vị tộc trưởng khai trừ khỏi thị tộc, không nhìn nhận tộc nhân ấy trong thị tộc của mình. Mỗi dây liên kết tương tác, cảm

ứng giữa người bị trục xuất không nhìn nhận ấy với toàn bộ thị tộc đều không còn nữa. Tất cả nhân duyên đều không còn liên quan gì đời nhau, càng không còn mối dây liên kết giữa phần tử bị trục xuất ấy với Tộc Mệnh Linh Thụ.

Vì thế, việc một người bị trục xuất, không nhìn nhận là tộc nhân trong một thị tộc là việc vô cùng nặng nề tàn nhẫn. Phần tử ấy tự nhiên trở nên lạc lõng, cô độc không người thân thích, không người quen biết, không nơi nương tựa, không có nơi gọi là nhà để về giữa trần đời ảm lạnh phù ba hư ảo.

*** Tộc Mệnh Sâm Lâm**

- Cảnh giới tập hợp nhiều cây Tộc Mệnh Linh Thụ, được gọi là Tộc Mệnh Sâm Lâm. Khu rừng linh thiêng này sẽ được chư Thần mà các thị tộc tôn thờ bảo hộ, để tránh không cho tà nhân nào xâm nhập phá hoại Cây Thần của các thị tộc. Vì thế, nơi đây là một rừng thiêng u tịch, hoàn toàn tịnh yên, được bao bọc bởi các pháp giới nghiêm ngặt, vững chãi. Nếu có kẻ nào cố tình quấy phá thì các pháp giới nơi đây sẽ hoạt động, cũng như chính các vị Linh Thụ Tiên Tử là hiện thân của các Tộc Mệnh Linh Thụ, và chư Thần Hộ Pháp sẽ không để chuyện rối loạn xảy ra nơi này.

- Tộc Mệnh Sâm Lâm là cảnh giới của các cõi Hạ Giới hướng Đông, Đông Thắng Thần Châu. Người ở các đại lục này vô cùng tín ngưỡng chư Thần, lại có thể thông công với chư Thần ở các cõi Trung Giới và Thượng Giới. Vì thế mà việc chư Thần thị hiện thân ảnh và tương tác với chúng sinh cõi này là việc rất thường xảy ra.

- Chúng sinh ở đây có năng lực cảm ứng rất mạnh mẽ, việc tương tác cộng nghiệp do cảm ứng tâm tình với nhau là điều rất gần gũi với đời sống của họ, không có gì đặc biệt cả. Khi bước chân vào Tộc Mệnh Sâm Lâm, mỗi phần tử tộc nhân của thị tộc nào, thì có thể cảm ứng với Tộc Mệnh Linh Thụ của thị tộc mình một cách rõ ràng mãnh liệt. Không có chuyện nhầm lẫn trong việc tương tác giữa người của thị tộc này, lại tương tác với Tộc Mệnh Linh Thụ của thị tộc khác.

Những cây đại thụ với đời sống của người dân phương Tây

Trong đời sống tín ngưỡng phương Tây, các cây đại thụ có tuổi thọ từ vài chục năm cho đến vài trăm năm thường là những cây có sức mạnh siêu nhiên, được sùng bái như các vị Thần bảo hộ cho dân chúng trong khu vực mà cây sinh tồn.

Một trong những sức mạnh linh thiêng của Cây Thần, đó là năng lực chữa bệnh.

Khi trong vùng có một người nào đó bị bệnh và bệnh này là những bệnh nặng, bệnh nhân đã xuống sức rất nhiều, các thầy thuốc khó lòng cứu chữa. Lúc bấy giờ, người thân của bệnh nhân sẽ dùng một cây đinh lặn vào những nơi bị đau của người bệnh, kế tiếp là lặn lên khu vực cổ, trán. Sau đó, người ta mang cây đinh đã được lặn trên cơ thể người bệnh và một món đồ vật của người bệnh, thường là những vật dụng đã bỏ đi nhưng lại rất gần gũi với bệnh nhân như: quần áo, giày dép, nón mũ, găng tay... Đoạn họ đến bên Cây Thần, dùng cây đinh này đóng món đồ vật được mang theo lên thân cây, hoặc là đóng đinh lên Cây Thần sau đó treo món đồ vật ấy lên.

Trong lúc đóng đinh và treo đồ vật thì người này sẽ cầu nguyện với Cây Thần, cho đến khi kết thúc công việc trở về nhà thì họ vẫn tiếp tục cầu nguyện. Bên cạnh đó, những người hàng xóm, dân chúng trong làng khi thấy một ai đó làm công việc này sẽ hỏi thăm sức khỏe, tên tuổi bệnh nhân và cùng nhau cầu nguyện với Cây Thần.

Đến ngày hôm sau, nếu như người bệnh may mắn đủ đầy thì sẽ được phục hồi sức khỏe nhanh chóng. Còn nếu như không may mắn qua khỏi thì

người này cũng sẽ chết một cách nhẹ nhàng, không phải chịu sự dày vò của bệnh tật.

*** Điều gì đã khiến cho người dân trong vùng tin tưởng vào sức mạnh thần bí của Cây Thần?**

Để hiểu rõ hơn về năng lực này, chúng ta hãy tìm hiểu quá trình dẫn đến nguyên nhân đã tạo nên niềm tin của dân chúng đối với các cây đại thụ.

Thảo Mộc là một trong Bát Đẳng Chân Hồn, cũng có nguồn gốc từ Thượng Đế. Chính điều đó, mà bên trong sự sống các loài thực vật luôn tồn tại tiềm ẩn một quyền năng vô hạn của Ngài. Quyền năng này sẽ được đánh thức bằng tình yêu thương và niềm tin mãnh liệt của những vật xung quanh đối với chúng, ở đây chính là dân chúng trong khu vực có cây này.

Các loài thực vật thì sống bằng nước, ánh sáng mặt trời và các chất dinh dưỡng trong đất. Cây sẽ hấp thu khí carbonic, thải ra khí oxy nhờ vào ánh sáng mặt trời để làm cho môi trường xung quanh được tinh khiết. Trong quá trình sinh sống của cây, đặc biệt là những cây đại thụ có tuổi thọ cao vài chục đến vài trăm năm, chúng sẽ tích tụ trong thân cây, lá cây các điện tích âm và dương, hay còn được gọi là khí âm dương trong trời đất. Khí âm dương

này được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, cả về vật chất lẫn tinh thần đều có thể sản sinh ra các luồng điện mang tính âm dương như thế.

Khi đã hấp thu đến một mức độ nhất định, thì cây sẽ trở nên có tánh linh, tức là bức màn vô minh được mở ra để lộ ánh sáng Thiên Tánh của Thượng Đế ẩn tàng trong nó, năng lực siêu nhiên tức thì được đánh thức. Khi ấy, cây đại thụ này đã vượt qua khỏi hai phẩm bậc là Cầm Thú và Nhân Hồn mà tiến lên nấc thang cao hơn là Thần Hồn. Cây sẽ tồn tại một hình thức mới, có tri thức, trí tuệ và tư tưởng như một con người, cũng biết yêu thương, buồn tủi, tình cảm cảm xúc như một con người. Và đặc biệt hơn, là cây cũng muốn được phục vụ cho muôn sinh vạn vật.

Trường hợp người bệnh cùng với người thân của mình, dân chúng trong làng tin tưởng và khẩn nguyện với Cây Thần. Lúc bấy giờ, Cây Thần sẽ tìm phương thức để mang lại hạnh phúc cho họ là chữa bệnh, hoặc sẽ làm cho người bệnh không phải chịu đau đớn thêm nữa.

Đó là một quá trình trao đổi các luồng điện, sóng từ trường trong không gian giữa con người với cây cối thông qua vật chất trung gian là cây đinh. Cây đinh là một vật chất bằng kim loại, mà đặc tính của kim loại là dẫn điện và khác với thuộc tính mộc,

nên sẽ hấp thu một phần năng lượng gây bệnh cho người bệnh và truyền vào Cây Thần.

Bệnh tật là một hình thức rối loạn các dòng điện âm dương trong cơ thể, nếu như ta có thể làm cho các dòng điện này được điều hòa thì người bệnh sẽ được phục hồi sức khỏe. Còn nếu không thể làm cho các chỗ bị rối loạn này được điều hòa, thì chỉ còn cách là cắt đứt các dòng điện ấy. Khi ấy thì người bệnh sẽ chết và ra đi một cách nhẹ nhàng, không phải chịu đau đớn dần vạt thể xác lẫn tinh thần nữa.

Khi thân nhân của người bệnh lặn cây đinh trên cơ thể bệnh nhân và cầu nguyện, tức là cây đinh này đã chịu một lực tác động bằng tinh thần của cả bệnh nhân lẫn người thân, đó là niềm tin. Hành động này sẽ giúp cho cây đinh hấp thu một phần năng lượng gây nên sự rối loạn trong cơ thể. Sau đó, cây đinh sẽ trở thành một cơ sở dữ liệu về thông tin bệnh tật, cùng với món đồ vật mà bệnh nhân gần gũi cho biết tần số xung điện và mức độ, tính chất sự rối loạn của bệnh nhân.

Khi đóng đinh và treo món đồ vật này lên, thì Cây Thần sẽ xác định được rõ ràng tần số xung điện, mức độ và tính chất của sự rối loạn mà bệnh nhân đang chịu đựng. Từ đó, cây sẽ đưa ra phương hướng giải quyết phù hợp.

Nếu như chữa bệnh thì cây sẽ phóng một luồng

điện có tần số đặc biệt tác động lên bệnh nhân. Tần số này sẽ trung hòa các rối loạn về điện tích trong cơ thể, giúp cho cơ thể người bệnh được điều hòa mà trở nên khoẻ mạnh. Nhưng nếu người bệnh đã bị sự rối loạn đến mức không thể điều hòa được, hoặc là đã đến giới hạn của cuộc sống mà người bệnh phải bước qua thế giới bên kia. Lúc bấy giờ, Cây Thần cũng sẽ phóng một luồng điện mà luồng điện này có thể lấy đi nguồn năng lượng còn lại của người bệnh để các rối loạn này tiêu biến hết, và đương nhiên người bệnh cũng sẽ chết.

*** Cây Thần lấy đâu ra sức mạnh để tồn tại, nếu như cứ phóng điện cho các người bệnh nhiều như vậy?**

Đây là một quá trình trao đổi năng lượng chứ không phải chỉ thực hiện một chiều mà thôi. Cây Thần phóng ra năng lượng mang lại sự sống, sự điều hòa đến cho cơ thể, song song đó họ cũng hấp thu tất cả những năng lượng rối loạn trong cơ thể bệnh nhân. Nếu như bệnh nhân là người sẽ chết, thì năng lượng còn sót lại gây nên sự rối loạn trong cơ thể và cả năng lượng duy trì sự sống đều được cây hấp thụ. Vậy nên cuộc sống người bệnh mới mau kết thúc để sớm được giải thoát khỏi đau đớn.

Nguồn năng lượng mà cây hấp thụ từ người bệnh là những khí chất độc hại, trược khí, tử khí. Tuy nhiên cây có đủ sức mạnh để thanh tẩy những ác khí này và biến thành năng lượng của sự sống, sinh khí giống như việc cây hấp thụ khí carbonic và thải oxy ra môi trường vậy.

Không những thế, việc mà bệnh nhân, người thân của bệnh nhân, người dân trong làng cùng nhau cầu nguyện với Cây Thần, tin tưởng vào năng lực của Cây Thần đã tạo nên một luồng năng lượng cảm ứng vô cùng to lớn. Việc này giúp cho Cây Thần có thêm sức mạnh từ tư tưởng, sóng não và tình yêu thương, tin tưởng của mọi người dành cho cây, bên cạnh nguồn năng lượng trong thiên nhiên mà cây hấp thụ.

Và dù cho Cây Thần cứu bệnh nhân thoát chết hay giúp cho bệnh nhân mau chết, thì đó cũng là những việc tốt, mang tính tích cực trong cuộc sống. Cây Thần đã biết thực hiện tình yêu thương đối với chúng sinh, đúng như Thánh Ý của Thượng Đế là phải biết dùng công bình, bác ái đối với vạn vật trong cuộc sống. Khi ấy, về khía cạnh tâm linh thì cây sẽ mở được thêm bức màn vô minh để cho ánh sáng Thiên Tánh càng tỏa rạng hơn nữa, bước lên những phẩm bậc cao hơn của linh hồn.

Có những hội về giao tiếp với cây, hội về linh

hồn của cây, hội chuyên săn tìm và bảo vệ những cây đại thụ... hoạt động khá mạnh mẽ ở Châu Âu. Nhờ vậy mà Châu Âu không khí khá trong lành, mát mẻ dễ thở hơn so với những khu vực khác trên Trái Đất nói chung vậy.

Thật tuyệt biết bao nếu mỗi người chúng ta đều có thể tự ý thức, cố gắng trồng ít nhất một cây xanh dù lớn hay nhỏ ở nơi mình sinh sống, làm việc. Điều đó sẽ làm cho cuộc sống chúng ta tươi đẹp hơn, ngày càng trong lành, dễ thở hơn.

Thiên Địa Thụ

Thánh Mẫu Thụ

Nguồn gốc

- Từ thuở xa xưa, trong vũ trụ xuất hiện một Đại Linh Thụ vĩ đại vô cùng tận, bất khả tư nghị. Cây có thân là một Thông Đạo liên thông giữa các cõi trong Tam Giới với nhau, thường được biết đến với tên gọi Thế Giới Thụ, Vũ Trụ Thụ, Thiên Địa Thụ.

- Thiên Địa Thụ có phẩm bậc linh hồn thuộc hàng Thiên Tiên, tương đương cấp 9 trong Cửu Phẩm Thần Tiên. Đây là một đại diện vô cùng đặc biệt từng xuất hiện trong nhiều nền văn hóa, tín ngưỡng dân tộc khác nhau, còn được biết đến với tên gọi Đại Xuân, Thánh Mẫu Thụ, Sinh Mệnh Thụ, Yggdrasil.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Thiên Địa Thụ cũng giống như Bàn Đào nơi Đào Nguyên vậy, oai nghiêm to lớn vô cùng, chẳng

thể thấy nổi toàn bộ thân ảnh do hình dáng Cây Thần và các tán lá to lớn ẩn hiện lẫn khuất trong những tầng mây. Thiên Địa Thụ tồn tại ở dạng linh thể vô hình, có thể mang nơi mình thân ảnh Linh Thụ, nhân loại hay các loài Linh Thú khác nhau... tùy theo việc hóa độ nhân duyên với chúng sinh cõi giới nào, mà thị hiện thân ảnh cho phù hợp như thế.

+ Ví như giữa cõi giới của các loài côn trùng, thảo mộc thì cây sẽ thị hiện hình tướng thành một loài côn trùng hay thảo mộc đặc trưng dễ tiếp cận, dễ cảm mến của chúng sinh các loài ấy.

+ Hoặc như giữa cộng đồng loài người, với dân tộc yêu quý sự trẻ trung tươi đẹp thì cây có thể thị hiện hình ảnh là nam tử, nữ nhân với nét đẹp tao nhã, trẻ trung tươi tắn.

+ Hay giống dân nào yêu thích tôn thờ nét đẹp của sự trải nghiệm, già dặn thì cây sẽ hiển hóa thành dung mạo lão nhân râu tóc bạc phơ, hay lão bà bà với đôi mắt tinh anh thông hiểu các lý sự trong Tam Giới.

+ Đối với nơi tôn thờ Thánh Mẫu, theo chế độ mẫu hệ thì cây sẽ biến hiện trở thành một vị Thánh Mẫu từ bi hiền hòa để gần gũi độ duyên cho giống dân nơi ấy.

- Thiên Địa Thụ xuất hiện từ thời Tội Cổ, là tạo vật đặc biệt của Trời Đất kết tinh từ linh khí Thiên

Địa muôn đời muôn kiếp. Vậy nên Cây Thần ấy trường tồn bất diệt, lớn dần thêm theo không gian và thời gian. Nơi thân cây ấy, tán cây ấy có những cõi giới, pháp giới riêng biệt được nuôi dưỡng và duy trì tồn tại bởi chính nguồn linh khí dồi dào vô tận của cây, nên cây còn được gọi là Thánh Mẫu Thụ. Thông qua dòng linh khí thiêng liêng của cây mà các Thông Đạo giữa các cõi giới ấy được hình thành.

- Thiên Địa Thụ tồn tại với mục đích gắn kết các cõi giới khác nhau trong Tam Giới. Cây Thần nuôi dưỡng và dẫn dắt tâm linh cho chúng sinh khắp nơi được hiểu về nhau, tin vào sự tồn tại của nhau, nhìn về nhau bởi một mối dây liên kết chặt chẽ. Nhờ vậy mà chúng sinh cũng dễ hiểu và dễ chấp nhận, dễ hình dung hơn về việc vạn linh trong Tam Giới có chung nguồn gốc là Cội Đạo, nhìn nhận nhau là anh chị em, tôn trọng sự tồn tại của nhau trong tình yêu thương hòa ái.

- Thiên Địa Thụ trường tồn, trải qua dòng thời gian và không gian với Thiên Địa từ thời Tội Cổ đến nay. Cây Thần ngắm nhìn sự luân chuyển của chúng sinh các cõi giới khác nhau mà vẫn giữ tâm tình bình lặng, yêu thương vô bờ. Họ thường dùng tinh hoa Trời Đất mình hấp thụ để nuôi dưỡng chúng sinh, khơi gợi đức tin nơi các cõi giới mình đang làm Thông Đạo. Cây lại có thể đơm hoa kết quả nhiều

loại hình thái khác nhau theo từng mùa, từng vùng miền, từng cõi giới.

Thiên Địa Thụ trong các nền văn hóa, tín ngưỡng

*** Thiên Địa Thụ trong văn hóa Bắc Âu**

Người ta gọi Thiên Địa Thụ là Yggdrasil với các truyền thuyết có 9 thế giới khác nhau được liên kết với Cây Thần. Từ ý tưởng này, có rất nhiều sự khai thác về hình tượng của Thiên Địa Thụ trong sử thi, thơ ca, văn học, được hiểu nôm na gần giống hoặc là đồng hóa với Đức Địa Hoàn Thánh Mẫu.

Người ta còn cho rằng sự tồn tại của Cây Thần chính là sự tồn tại của Mẹ Thiên Nhiên, thế nên nếu cây khô héo chết đi thì các cõi giới liên kết với cây cũng sẽ bị hủy diệt, chúng sinh tận diệt hết thảy. Từ điểm này mà Thiên Địa Thụ còn có tên là Sinh Mệnh Thụ.

*** Thiên Địa Thụ trong Nam Hoa Kinh của Trang Tử**

Trong văn hóa thần tích Đạo Gia, Thiên Địa Thụ được Trang Tử nhắc đến trong Nam Hoa Kinh với tên gọi Đại Xuân. Cây có 8000 năm mùa xuân,

8000 năm mùa thu với hai vòng luân chuyển mùa hoa lá tươi xanh và mùa cây rụng lá.

Đại Ngư Hải Đường, một bộ phim hoạt hình của Trung Quốc có nhắc đến Đại Xuân là một vị Nữ Thần quan trọng nơi Thần Giới. Vì đền đáp ân cứu mạng cho một người trần đã từng có duyên cứu mình trước đó mà bị nạn tử vong, chuyển sinh thành Côn Bằng. Việc thay đổi vòng xoay tự nhiên này khiến cho Thần Giới gặp tai họa, hỗn loạn và có nguy cơ bị tiêu hủy. Đến cuối cùng, Đại Xuân đã hy sinh thân mình đánh đổi sự bình yên cho Thần Giới, cũng như tạo Thông Đạo cho Côn Bằng trở lại nhân gian.

Trong bộ phim này, có chi tiết Đức Hậu Thổ, tức Đức Địa Hoàn Thánh Mẫu, lúc bấy giờ là ông của Nữ Thần Đại Xuân. Ngài đã hy sinh thân mình hóa thành cây hải đường mọc lên từ lòng đại dương để ngăn chặn nước lũ. Nàng cũng hy sinh thân mình, hòa nhập linh hồn mình vào cây hải đường thiêng liêng ấy. Như vậy, người ta đã ngầm liên tưởng sự đồng hóa của Đại Xuân - Thánh Mẫu Thủy - Hậu Thổ - Địa Hoàn Thánh Mẫu là một.

Văn Minh Điện

Nguồn gốc

- Mỗi năm đến rằm tháng 8, Đức Hộ Pháp đều cho tổ chức Văn Minh Điện để giúp vui trong cuộc lễ Hội Yến Dao Trì. Trước hết, chúng tôi xin tả sơ lược cái thể của Văn Minh Điện, rồi sau sẽ công hiến những câu đố thai của các Đấng thiêng liêng, cùng những câu đố thai của Ban Tổ Chức do Chức Sắc sáng tác.

- Văn Minh Điện cất trước Đại Đồng Xã, tức là trước mặt Đền Thánh, lối giữa Đông Khán Đài và Tây Khán Đài, làm như cái sân khấu của rạp hát lộ thiên. Bên dưới có nhiều hàng ghế cho Chức Sắc ngồi dự kiến. Vì số người chật ních Đại Đồng Xã nên phải đứng hai bên nam nữ phân biệt để tham dự.

- Nơi lầu Hiệp Thiên Đài tại Đền Thánh, Đức Hộ Pháp và chư Thời Quân phò loan, ra câu thai. Câu đố được niêm phong vào bao thơ và được một người mang đến Trưởng Ban Tổ Chức khai ra rồi đọc lớn lên cho mọi người đều nghe. Lần lượt ai có giải đáp thì đến một cái ghế cao, đặt ở giữa khán đài

trả lời. Nếu đáp sai thì một tiếng mõ gõ cái “cóc”, người ấy xuống, người khác lên. Nếu đáp gần đúng thì một tiếng “beng”, còn nếu đáp đúng thì được tiếng “thùng” tức giàn nhạc bắc cầu xỏ một loạt để tưởng thưởng. Người đáp đúng còn được tặng quà như: một quyển Thánh Ngôn, một quyển Pháp Chánh Truyền hay một gói kẹo, một hộp sữa...

- Cuộc đố thai được kéo dài từ 7 giờ tối đến 11 giờ khuya mới kết thúc. Mọi người ra về với vẻ mặt đầy vui tươi vì đã thưởng thức một lối tiêu khiển tao nhã, học hỏi được những bài Thi Tiên cao siêu, có mục đích, rất hữu ích cho sự tiến hóa về tinh thần đạo đức.

Một số câu đố thai chọn lọc

Chúng tôi xin trích lục nơi tập Văn Minh Điện của ông Thông Quang những câu đố thai chọn lọc sau đây. Xin chân thành cảm tạ ông Thông Quang đã trao tài liệu này cho chư đồng đạo được thưởng thức món ăn tinh thần rất thú vị.

Quý đạo hữu nào có những bài đố thai khác xin bổ túc vào tài liệu này để chúng ta cùng học tập, chúng tôi xin đa tạ trước.

*** Câu đố của các Đấng thiêng liêng**

1. Cái chi đựng quả Càn Khôn
Lại đưa Bát Phẩm chân hồn cao siêu.

Xuất vật dụng.

Đáp: Bình Bát Vu.

Tác giả: Đức Cao Thượng Phẩm.

2. Bụi hồng đã thấm chân linh
Lấy chi phủi sạch tâm tình mà tu.

Xuất vật dụng.

Đáp: Cây Phất Trần.

Tác giả: Đức Cao Thượng Phẩm.

3. Bốn mùa chiếc lầy còn hai
Viết bài triết lý làm bài trị dân.

Xuất nhất vật.

Đáp: Kinh Xuân Thu.

Tác giả: Đức Cao Thượng Phẩm.

4. Bông chi quý giá vô ngần
Chí Tôn cũng muốn xuống trần đặng xem.

Xuất nhất hoa.

Đáp: Bông huỳnh hoa.

Tác giả: Đức Nhất Nương.

5. Lá xanh bông trắng như gà

Khách sang trọng phẩm, Hằng Nga mền mùi.

Xuất nhất hoa.

Đáp: Hoa nguyệt quế.

Tác giả: Đức Bát Nương.

6. Khiết trinh một tấm lòng thành

Chỉ than thân phận một mình quạnh hiu.

Xuất nhất vật.

Đáp: Cái đôn nằm.

Tác giả: Đức Cửu Nương.

7. Liễu mai vẽ nét hồng nhan

Trách ai khinh rẻ phụ phàng ngôi Tiên.

Xuất nhất quả.

Đáp: Trái vải.

Tác giả: Ngũ Nương.

8. Lễ phép nhân luân vốn Đạo hằng
Ai đành chia rẽ gỏi cùng chẵn
Ngân Hà một dải chia phân
Cầu ô bắt nhịp bao lần gặp nhau.

Xuất nhất đoạn sử.

Đáp: Nguru Lang, Chức Nữ.

Tác giả: Đức Thất Nương.

9. Huệ trí pháp luân rõ Đạo màu
Khai nguồn thiên lý rất cao sâu
Sông Ngân ví có nhịp cầu
Cho ai hội ngộ giải sầu chia phôi.

Xuất nhất đoạn sử.

Đáp: Hằng Nga, Hậu Nghệ.

Tác giả: Đức Lục Nương.

10. Cẩm tú giang san quá đẹp màu
Giữ cho nòi giống đặng thương nhau
Rưới chan bác ái nêu giềng mối
Khỏi bận tâm lo ách lệ hầu.

Xuất sự việc.

Đáp: Sự độc lập.

Tác giả: Đức Nhị Nương.

11. Bạch Liên sen nở xinh tươi
Chưa khỏi mĩa mai bởi miệng đời
Thiên hương quốc sắc tươi Trời
Cung Tiên vẹn giữ một mùi thiên nhiên.

Xuất nhất vật.

Đáp: Cái Liên Đài.

Tác giả: Đức Bát Nương.

12. Hai nhà mà nắm chỉ một quyền
Lưỡng đầu thọ địch thế nào yên
Tính sao cho vẹn mỗi giềng
Hầu dân đặng thấy còn nguyên nước nhà.

Xuất nhất hoa.

Đáp: Cây giành giành.

Tác giả: Đức Quyên Giáo Tông.

13. Hoa hải đường như dường trở muôn
Ai chờ mong đặng hưởng thiên hương
Hoa thơm tô đẹp nghiệp Đường
Sao toan đồ lụy đoạn trường vì đâu?

Xuất nhất cỏ nhân.

Đáp: Đường Minh Phi, tức Dương Quý Phi.

Tác giả: Đức Nhất Nương.

14. Gắm vóc giang san một dải
Hoành Sơn nhất đấng dung thân
Hỡi ai hoán chúa vì quân
Đỡ nâng đỉnh Việt mấy lần khuynh nguy.

Xuất nhân nhất danh.
Đáp: Nguyễn Hoàng.
Tác giả: Đức Tứ Nương.

15. Lụy chồng thêm án văn xưa
Dâng lên chín bệ xin hồi chinh phu.

Xuất vật dụng.
Đáp: Khăn vải gấm của Tô Huệ.
Tác giả: Đức Tứ Nương.

16. Muốn đặng làm vật hy sinh
Giữ thân trong sạch, giữ tình rộng thương.

Xuất nhất tự.
Đáp: Chử Khiết.
Tác giả: Đức Cửu Nương.

17. Tạo Đoan sắp để đành rành
Làm sao đối xử phân danh hoàn toàn.

Xuất nhất tự.

Đáp: Chữ Lễ.

Tác giả: Đức Thất Nương.

18. Gót sen dầu phải bợn trần

Miễn cho vẻ đẹp ngày xuân khách phàm.

Xuất nhất tự.

Đáp: Chữ Liên.

Tác giả: Đức Bát Nương.

19. Muốn cho thông hiểu trên trần

Phải đem thân ái mới lần cùng nhau.

Xuất nhất tự.

Đáp: Chữ Tuyên.

Tác giả: Đức Tam Nương.

20. Cùng mai chưa phải hé duyên

Trách ai thêu dệt thuyền duyên phải tình.

Xuất nhất mộc.

Đáp: Cây liễu.

Tác giả: Đức Ngũ Nương.

21. Tinh thần kết chặt đồng tâm
Tạo tình huynh đệ gây mầm tương lai.

Xuất vật dụng.

Đáp: Sợi dây.

Tác giả: Đức Tam Nương.

22. Sạch trong tinh khiết lòng thành
Mĩa mai ai khéo gọi mình phi ân.

Xuất nhất quả.

Đáp: Trái khổ qua.

Tác giả: Đức Cửu Nương.

Còn một lối đố của các Đấng thiêng liêng, khi
giáng cơ không xưng tên, biểu Chúc Sắc tìm hiểu ẩn
ý của bài thơ, như những bài sau đây.

23. Vàng tươi bay khắp cả hoàn cầu
Rồng ẩn Sông Thương luyện dưỡng châu
Thiệt trí không phân đường phải trái
Người khôn lánh khỏi cuộc bờ dâu.

Đáp: Đức Huỳnh Long Chân Nhân.

24. Cừ nhân dĩ tuyệt quốc gia an
Phật xuất nhân gian đảo Niết Bàn
Đàn nội trí lâm hư thổ bạn
Nhu nhiên giảm khẩu tịnh thân nhân.

Đáp: Đức Cửu Thiên Huyền Nữ.

Chữ Cừ (仇) bỏ chữ Nhân (人)
là chữ Cửu (九).

Chữ Phật (佛) bỏ chữ Nhân (人)
là chữ Thiên (天).

Chữ Đàn (坛) bỏ chữ Thổ (土)
là chữ Huyền (玄).

Chữ Như (如) bỏ chữ Khẩu (口)
là chữ Nữ (女).

25. Đại kiết kim đơn nhất điểm hồng
Khất tùng nhân nguyệt mạc lưu tông
Thận trung truy viễn vô tâm tục
Đồng tác âm thanh bất kiến công.

Đáp: Đức Thái Ất Chân Nhân.

Chữ Đại (大) thêm một chấm là chữ Thái (太).

Chữ Khất (乞) giữ nguyên âm đọc, nhưng
không có chữ Nhân nằm ngang (亅) đi theo, là chữ
Ất (乙).

Chữ Thận (慎) bỏ chữ Tâm (忄)

là chữ Chân (真).

Chữ Đồng (仝) bỏ chữ Công (工)

là chữ Nhân (人).

26. Tập binh đã mãn tính lui về
Văn võ trăm quan đợi đã tề
Lương phạn ban ra không kể lợi
Chỗ này là xứ hãy còn quê.

Đáp: Đức Thành Hoàng Bồn Cảnh.

Tập binh rồi về đâu? Ất phải về thành.

Văn võ sắp hàng đợi tề căng mà đợi ai? Ất đợi
vua đến chớ đợi ai, nên đáp là đợi hoàng đế.

Lương thực cho mà không kể lợi, thì chỉ còn
vốn tức là còn bồn.

Xứ này còn quê thì còn thiếu gì? Phải thiếu
cảnh không?

Cái hay là không xưng tên mà lại đoán là Thành
Hoàng Bồn Cảnh thì sự chơi văn chương của các
Đấng thật là thanh tao, cao kỳ lắt léo.

*** Câu đố của các Chức Sắc tiền bối**

1. Lạy Trời cho đặng vuông tròn
Trăm năm xin gửi lòng son với chàng.

Xuất vật dụng.

Đáp: Con dấu đỏ.

Tác giả: Cao Tiếp Đạo.

2. Gia cư ở giữa lòng trời
Thấy trăng không ngó, thấy trời không xem.

Xuất vật dụng.

Đáp: Con điều giấy.

Tác giả: Phối Sư Thượng Trí Thanh.

3. Đưa lưng chúng đạp trọn đời
Cầu cho bá tánh nơi nơi thái bình.

Xuất nhất danh lộ.

Đáp: An Nhân Lộ.

Tác giả: Đức Hộ Pháp.

4. Bà già chèo một bà già nghỉ.

Xuất y vị.

Đáp: Bà Đậu.

Tác giả: Phối Sư Thượng Trí Thanh.

5. Sớm mai vác cuốc lên rừng
Ông Hương, Ông Xã biểu đừng có đi.

Xuất vật dụng.

Đáp: Cây lan can.

Tác giả: Phối Sư Thượng Trí Thanh.

6. Minh không lòng một dạ hai
Mà sao miệng thế bẻ bai cũng kỳ.

Xuất nhất ngư.

Đáp: Cá trên bầu.

Tác giả: Phối Sư Thượng Trí Thanh.

Quang Minh chấp bút

Khổ tận cam lai

Sự khổ của chúng sinh chốn trần cấu là vô cùng vô tận, như những đợt sóng triều mãi miết vỗ đập hết lớp này đến lớp khác, từ kiểu này đến kiểu khác. Thế nên mới gọi biển đời là khổ hải trầm luân chẳng biết đâu là bến bờ...

Chỉ khi người ta thực sự nhận thức được rằng mình khổ, khổ vì chẳng hiểu mình hiểu đời, khổ vì chẳng thương mình thương đời. Nhận thức được rồi, tự sửa mình cho tận thiện tận mỹ, thì tự nhiên an lạc vậy.

Con người, sau những đau khổ tột cùng, những mất mát, bi thương, bế tắc tưởng chừng khiến họ rơi xuống tận vực sâu không đáy, không lối thoát. Thế nhưng, rốt cuộc lại có một tia sáng chờ đợi họ nơi ấy. Tia sáng ấy, chẳng gì khác hơn ngoài sự trưởng thành của chính bản thân họ.

Bởi lẽ họ đã nếm trải quá đủ những đắng cay của cuộc đời. Đã bị vùi lấp bởi những bất công đến phi lý. Đã phải chịu đựng những dằn vặt, cấu xé tan nát tâm can của những hoài niệm và nguyện ước chẳng thành.

Thân đã mỏi mòn, xơ xác với những thương tổn theo thời gian, mỗi ngày thêm một vết sẹo để lại. Tâm đã chán nản tương chừng như tuyệt vọng. Khi ấy, người ta thường đối mặt với hai lựa chọn lớn trong đời mình.

Một là tự thân mình sẽ sống như một con người hoàn toàn mới, mọi thứ trở nên nhẹ nhàng hơn với mình. Bởi mình đã trải qua những khổ đau cùng cực, nhận thức được giá trị của sự khổ, giá trị của mất mát, tổn thương. Cho nên những chướng ngại đau khổ về sau dường như không còn nghĩa lý gì với mình nữa.

Hai là kết thúc tất cả bằng việc chạy trốn nó, phủ nhận tất cả mọi sự tồn tại đã gây nên đau khổ cho mình, chẳng muốn bản thân phải khổ thêm một chút nào nữa cả. Phủ nhận luôn chính mình bằng cách tìm đến thế giới khác để chạy trốn thế giới thực tại. Nhưng mà việc chạy trốn như thế, chỉ làm cho người ta đau khổ hơn bội phần ở thế giới mới...

Thế nên mới nói, cùng cực của sự khổ, sẽ là an lạc vậy.

Ba chặng đường tu tập của hành giả

Phần chia sẻ này, trên quan điểm của người là hành giả tu Đạo, nhìn về khía cạnh hòa đồng tôn giáo, tu tập nói chung không phân biệt tôn giáo. Cũng không ý hướng về một giáo phái nào, chỉ là những gì một người muốn hướng thiện, làm hành giả thì nên làm.

Chặng thứ nhất: Tu học

Ở chặng đường đầu tiên này, đánh dấu một bước ngoặt từ trong nội tâm của người ngoại Đạo. Từ một người bình thường, chưa biết gì về những năng lực siêu nhiên trong vũ trụ, sự tồn tại của thế giới vô hình nhưng người này đã bắt đầu có sự hứng thú để tìm hiểu về những sự huyền diệu vận hành trong Tam Giới, giá trị cao quý của Đạo.

Một khi đã nhận thức được rằng Đạo là thứ quý báu, vô giá mà trong muôn ngàn kiếp sinh mới may duyên gặp được mỗi Chánh Đạo. Lúc ấy, trong nội

tâm họ mới có sự chuyển biến, thôi thúc họ mau chóng phá vỡ lớp màn vô minh đã che lấp điểm linh quang của họ từ bấy lâu.

Vậy Đạo là gì? Học Đạo ở đâu?

Đạo là thứ không thể dùng bất kỳ ngôn từ hay hình thức nào diễn tả ra được, vì nó quá cao siêu, sâu sắc. Nhưng có thể nói nôm na, rằng Đạo là con đường dẫn con người tìm về với chân lý, tìm về nguồn cội đã hình thành nên cả vũ trụ này, là khối Đại Linh Quang, tức Đức Thượng Đế đó vậy.

Đức Lão Tử đã từng dạy rằng: Đạo là thứ lớn đến nỗi không gì có thể chứa đựng nó được. Nhưng cũng là thứ vô cùng nhỏ bé đến nỗi không gì có thể chia cắt ra, hay lồng vào trong nó được.

Tại sao? Vì Đạo có ở khắp nơi, tồn tại trong mỗi hành động, sự vật, hiện tượng mà điều ấy có thể mang đến những điều an vui, tốt đẹp cho cuộc sống, ấy là Chánh Đạo.

Chánh Đạo đưa ta đến hạnh phúc, hướng Càn Khôn Vũ Trụ này đến Chân, Thiện, Mỹ. Đấng đứng đầu Chánh Đạo, đương nhiên chẳng ai khác hơn chính là Đức Thượng Đế, hay còn được gọi là Đức Chí Tôn, Đức Phật, Ông Trời... là vị Cha Lành của vạn vật. Giờ đây, Người mở ra một mối Đạo mới, đó là Đạo Cao Đài, và Người xưng mình là Thầy, gọi các tín đồ là môn đệ.

Đối kháng với Chánh Đạo là Tà Đạo, là con đường dẫn chúng sinh đến sự hủy diệt. Nó xu hướng con người theo sự giả dối, tà mị, đưa Càn Khôn Vũ Trụ này đến sự tha hóa, không còn công bình và bác ái. Vị đứng đầu Tà Đạo chính là Vô Minh Đại Đế, còn gọi là Chúa Quỷ muốn thống trị cả Càn Khôn Vũ Trụ nên đã trở thành người đứng đầu lực lượng đối kháng với Đức Thượng Đế.

Chánh Đạo được phân ra năm cấp bậc tăng dần: Nhân Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo.

A. Nhân Đạo

Nhân Đạo là căn bản. Vì phải làm tròn bổn phận con người, thì mới có thể lên được các nấc thang kế tiếp. Trong Thái Thượng Thanh Tĩnh Kinh, có câu nhắc nhở về việc này như sau:

“Dục tu Tiên Đạo, tiên tu Nhân Đạo
Nhân Đạo bất tu, Tiên Đạo viễn hỹ”.

Nghĩa là:

Muốn tu Đạo Tiên, trước tu Đạo làm Người.

Đạo làm Người không tu, Đạo Tiên xa vời lắm vậy.

Đề tu Nhân Đạo, hành giả phải thực hiện:

Nam thì Tam Cang, Ngũ Thường.

Nữ thì Tam Tòng, Tứ Đức.

Những phần trong dấu ngoặc kép sau đây trích từ lời dạy của Đức Cao Thượng Phẩm - Đức Hán Chung Ly trong Bát Tiên dạy về cách giữ Tam Cang Ngũ Thường, Tam Tòng Tứ Đức trong Nhân Đạo.

*** Tam Cang**

Tam Cang là ba giếng mối, bao gồm: Quân Thần Cang, Phụ Tử Cang, Phu Phụ Cang.

1. Quân Thần Cang

“Vua là kẻ chăn dân, vậy bốn phận ấy là cần lập trên những hành tàng để cứu giúp dân cho khỏi điều thống khổ. Ấy là cơ quan phước thiện bây giờ đó. Tôi thì cần tỏ dạ trung thành đặng giúp vua mà làm cho bá tánh an cư lạc nghiệp, tức là bốn phận của hàng Thánh Thê đó vậy.”

Vua chính là những cơ quan phước thiện để giúp dân thoát điều thống khổ. Tôi thần chính là những vị trong hàng Thánh Thê, là chỉ những vị Chức Sắc, Giáo Phẩm trong các nền tôn giáo. Đã mang chức sắc nơi mình thì phải làm đầy đủ trách

nhiệm đối với chúng sinh mà làm một tấm gương, vị hướng Đạo để dẫn dắt chúng sinh giải thoát khỏi khổ hải.

2. Phụ Tử Cang

“Cha là người thay quyền Chí Tôn trong một tiểu gia đình, tức nhiên là biết mình cần phải có bổn phận giáo hóa, dưỡng dục, tức nhiên là một Hội Thánh nhỏ trong gia đình. Vậy con cần phải trọn hiếu, tức nhiên không làm điều nhục tổ hủ tông, tức là bổn phận của một tín đồ, hay nói đúng hơn là một môn đệ xứng đáng của Chí Tôn đó vậy.”

Cha mẹ thì cần có trách nhiệm dạy dỗ con cái nên người mà trở thành một phần tử tốt trong cuộc sống. Còn con cái thì cần hiếu thảo với cha mẹ, cần biết nghe lời dạy bảo của cha mẹ và trở thành một người tốt, chăm sóc, nuôi dưỡng, làm cha mẹ vui lòng. Trên phương diện tôn giáo thì cần trở thành một tín đồ biết thực hành tình yêu thương, thường làm những việc hợp với lẽ Đạo trong cuộc sống, như vậy mới xứng đáng làm một người học trò của các vị Giáo Chủ. Để từ những việc làm tốt đẹp đối với cuộc sống mà những người chưa biết về Đạo sẽ yêu thương và trân trọng giá trị của Đạo Pháp.

3. Phu Phụ Cang

“Chồng là người cầm lái giữ lái đặng đưa một tiểu gia đình đến bờ đạo đức thanh bạch, tức nhiên là bổn phận của cơ quan hành chính đó vậy. Vợ là người tùng theo chồng để giúp an cư lạc nghiệp, tạo nên hạnh phúc gia đình, tức là bổn phận của Bảo Cô đó vậy.”

Về mặt cá nhân, vợ chồng cần chung thủy, chân thật, thuận hòa trong tình thương yêu chồng vợ. Dù cho gặp khó khăn gì đi nữa cũng phải giữ gìn trọn vẹn tình nghĩa. Về mặt xã hội, nói một cách sâu sắc thì chồng chính là những cơ quan hành chính của xã hội lẫn các tổ chức tôn giáo, biết tìm ra phương pháp, định hướng để làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn. Vợ, Bảo Cô là những cơ quan, tổ chức từ thiện, hiệp sức cùng các cơ quan hành chính để giúp những người gặp bất hạnh trong xã hội như người già yếu, trẻ thơ không nơi nương tựa, người khuyết tật... có được cuộc sống tốt đẹp hơn.

*** Ngũ Thường**

Ngũ Thường là năm điều thường giữ trong đời, bao gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

1. Nhân

“Nhân là phải biết nghĩa đồng sinh, biết tình đồng hưởng âm dương chi khí, chẳng để lòng sái loạn Chân Truyền, tức phải trọn vâng theo luật Công Bình - Bác Ái.”

Con người thường có hai xu hướng trong khía cạnh tình cảm là thương yêu và ghét. Hễ thương yêu thì sẽ không ghét mà đã ghét thì khó lòng thương yêu. Như vậy để thực hành tình thương yêu thì phải mở rộng tấm lòng, biết khoan dung tha thứ cho những lỗi lầm của kẻ khác.

Ta phải mở rộng lòng ra để thương yêu vạn vật, vì vạn vật đều là anh em của chúng ta. Và tình thương yêu ấy phải được đặt đúng chỗ, phù hợp lẽ Đạo chứ không phải tình thương yêu mù quáng có thể làm sự việc trở nên tiêu cực trong cuộc sống.

2. Nghĩa

“Nghĩa là phải biết trọn phận người để tạo nên danh trọng giá cao, tức là phải giữ phẩm hạnh mà nhìn rõ của chung đồng hưởng.”

Nghĩa là phép cư xử theo đúng Đạo lý, lẽ phải. Trong cách xử thế thì Nghĩa là cái quan trọng, nó dẫn dắt con người đến đạo đức.

Nhân và Nghĩa phải luôn đi đôi với nhau. Nếu chỉ có Nhân mà không có Nghĩa tức là còn thiếu tình thương, tình thương mà tấm lòng đã mở chỉ mới nhen nhóm trong nội tâm mà thôi, chưa được thực hành một cách cụ thể. Nếu có Nghĩa mà không có Nhân, là hành động đạo đức được thể hiện bên ngoài nhưng nó không trọn vẹn bởi cái tâm chưa thật sự hướng về đạo đức. Hành động đạo đức bên ngoài chỉ thể hiện trong một số trường hợp đặc biệt chứ không phải xuất phát từ bản chất của tình thương.

Người có Đạo, theo một tín ngưỡng tôn giáo thì nhất thiết phải thực hành Nhân Nghĩa, sự đối xử với cuộc sống phù hợp lẽ Đạo mới xứng với giá trị của người biết tìm về đạo đức.

3. Lễ

“Lễ là giữ hạnh nét đúng đắn để tạo nên một nhân phẩm, biết nhường biết nhịn, tức nhiên là phải giữ trọn hạnh đạo đó vậy.”

Lễ là phép tắc tốt đẹp trong xử thế, là mực thước để đo lường tư tưởng, hành động trong khi xử thế. Nó thể hiện sự tôn nghiêm trật tự và hòa hợp trong việc làm. Nếu có Hòa mà không có Lễ thì mọi thứ sẽ mất trật tự, không còn theo đúng phép tắc của Đạo. Đức Lão Tử có nói: “Nếu thất Đạo thì nên

theo Đức, nếu thất Đức thì nên theo Nhân, nếu thất Nhân thì nên theo Nghĩa, nếu thất Nghĩa thì nên theo Lễ.” Vậy muốn trở về với Nghĩa thì nên học Lễ trước hết.

Người biết tu tức là người biết thực hành Lễ Nghĩa, có Lễ Nghĩa rồi thì việc thực hành tình yêu thương, mở lòng bác ái để làm được chữ Nhân là việc không khó.

4. Trí

“Trí là phải thông hiểu việc thế mà đi, không để tên tuổi phải lời chê tiếng nhẽ, tức nhiên là phải trọn vâng luật pháp Chân Truyền đó vậy.”

Trí là sự hiểu biết. Có hiểu biết mới phân biệt được phải trái, sáng tối, đúng sai. Mục đích của Trí là tìm hiểu về chân lý, tức là Đạo, nên cần phải học tập để mở mang cái Trí. Mà sự học này phải đi chung với sự hướng Đạo, cái học phải có đạo đức trong ấy thì mới mong giữ được không rơi vào sự lầm lạc của những lý thuyết sai lệch.

Chân lý chỉ có một nhưng các khía cạnh nhìn về chân lý, các con đường để dẫn đến chân lý thì rất nhiều. Vì thế phải mở mang trí não tinh thần của mình thì mới có thể phân biệt được phải trái, sáng tối, đúng sai, không đi nhầm sang những ngã rẽ xa

rời chân lý mà đi đúng đường tiến gần hơn về với Cội Đạo.

5. Tín

“Tín là phải đúng lời đúng hẹn, tức là phải danh chánh ngôn thuận, thuyết hành phải được giống in nhau, tức là phải trọn vẹn đó vậy”.

Tín là tin tưởng, phải tạo được niềm tin đối với mọi người xung quanh và phải tin vào con đường mình đã chọn, lời nói phải đi đôi với việc làm. Phải giữ chữ Tín và phải quý trọng lời nói của mình. “Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy”, một lời nói thốt ra thì xe bốn ngựa khó mà đuổi kịp.

Như thế, ta đã thấy tầm quan trọng của chữ Tín. Nó thể hiện phẩm chất đạo đức của con người. “Nhân vô tín bất lập” tức là người mà không có chữ Tín thì không làm được việc gì cả. Mà chữ Tín ở đây chính là phải tin tưởng vào bản thân và xung quanh, tin tưởng vào con đường tìm về chân lý.

“Đó là mặt thể pháp Thế Đạo. Còn bí pháp Thế Đạo là phương tầm ra định hướng để vẹn giữ Tam Cang Ngũ Thường, tức nhiên là trọn phần Nhân Đạo. Ấy là kết quả do thể pháp mà nên. Nói chung về bí pháp Thế Đạo tức nhiên là phương giúp đời an nhàn đạo đức đó vậy”.

Nam thì Tam Cang, Ngũ Thường.

Nữ thì Tam Tòng, Tứ Đức.

*** Tam Tòng**

Tam Tòng là ba điều cần nghe theo, bao gồm:

1. Tại Gia Tòng Phụ: Ở nhà thì nghe lời cha mẹ dạy dỗ, đó là Hiếu.

2. Xuất Giá Tòng Phu: Đã về nhà chồng thì tuân theo chồng, đó là Nghĩa.

3. Phu Tử Tòng Tử: Chồng chết thì theo con, tức là nuôi dạy con nên người, đó là Hiếu, Nghĩa và Trung.

*** Tứ Đức**

Tứ Đức là bốn tính tốt cần gìn giữ, bao gồm:

1. Công: Chăm làm việc nhà, thuê thùa may vá, nấu nướng các món ăn, sắp đặt nhà cửa khang trang, nuôi dạy con cái, học hỏi cho tài giỏi. Tức là Trí.

2. Dung: Chăm sóc vẻ mặt cho tươi tắn dễ nhìn, tướng đi dịu dàng, cử chỉ từ tốn đoan trang, thân thể sạch sẽ, quần áo thơm mát gọn gàng. Đó là Lễ.

3. Ngôn: Lời nói ngay thẳng, thành thật, dịu dàng, gây được tình cảm tốt đẹp cho mọi người,

tránh lời đâm thọc, mách lẻo hại người lợi mình. Tức là Tín, Nghĩa và Lễ.

4. Hạnh: Tính nét hiền lành hòa nhã, khiêm cung, kính trên nhường dưới, độ lượng. Tức là Nhân và Lễ.

Phần Nhân Đạo thì trọng yếu gồm có 7 chữ là Trung, Hiếu, Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Nếu làm được trọn vẹn một trong bảy chữ thì sẽ đắc Thần Vị. Như những bề tôi trung với vua, liều thân vì nước thì được vua phong Thần, đưa về làng xã làm như Thần Hoàng, ủng hộ dân chúng và được bốn mùa quý tể. Nếu làm được trọn vẹn hai chữ thì được hiển Thánh, như trường hợp Quan Vân Trường thời Tam Quốc, đã làm trọn vẹn hai chữ Trung và Nghĩa nên được hiển Thánh.

Còn các bậc thực nữ giai nhân đã giữ trọn trinh tiết thờ chồng, nuôi dưỡng con cái cho thành người lương thiện, xả thân vì nước... cũng được lưu danh muôn thuở cho muôn đời sau noi gương học hỏi, đắc quả Thiên Vị như Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh Nữ Jeanne d'Arc, Bà Chúa Liễu Hạnh, Mạnh Mẫu...

Như vậy, để tu học Nhân Đạo, hành giả phải cố gắng sao cho thực hiện được các yếu tố trên một cách tốt đẹp, phải luôn giữ cho tư tưởng mình trong sạch để thực hiện các điều ấy.

Ở phần Nhân Đạo ta đã học 7 chữ là Trung, Hiếu, Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Mà giá trị quý báu của một con người với đầy đủ sự trọn lành, trong sạch của hình ảnh Thượng Đế thì có thể được tóm gọn trong 10 chữ gồm: Nhân, Trí, Hiếu, Lễ, Nghĩa, Trung, Tín, Liêm, Sĩ.

Đễ là sự hòa thuận anh em.

Liêm là sự ngay thẳng thật thà.

Sĩ là sống chân thật không phải hổ thẹn với bản thân và xung quanh.

Mười chữ này đều có mối tương quan, gần giống với nhau, thường được xếp thành từng cặp tương hỗ là Nhân Nghĩa, Trung Hiếu, Lễ Lễ, Trí Tín, Liêm Sĩ nên nếu ai đó làm trọn vẹn một chữ thì cũng có liên quan đến các chữ khác. Nhưng tất cả mười điều ấy tóm lại cũng chỉ bằng 4 chữ là Bác Ái và Công Bình mà thôi.

B. Thiên Đạo

Thiên Đạo bao gồm Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Học hỏi về Thiên Đạo, tức là học hỏi hai điều Bác Ái và Công Bình, đó chính là tình yêu thương và công chánh.

Cần Khôn Vũ Trụ này được duy trì và phát triển cũng bởi hai quy luật Bác Ái và Công Bình. Bởi

phải có tình thương yêu, sự hòa hợp thì mới có thể tạo nên sức mạnh của quyền năng sáng tạo. Nếu không có sự tồn tại của hai điều trên, thì vũ trụ sẽ chuyển động một cách hỗn độn, không có trật tự. Các loài chỉ biết xâu xé nhau, dùng sức mạnh để làm nền tảng cho sự phát triển thì vũ trụ sẽ đi dần đến bờ hoại diệt.

Vì lẽ đó mà Bác Ái, Công Bình là đề thi rất quan trọng trong thời buổi Hạ Nguyên Mạt Kiếp này. Chính loài người, nhờ vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, trí não tinh thần phát triển đã làm cho đời sống vật chất của nhân loại trở nên quá dễ dàng, sự đầy đủ tiện nghi đã làm cho con người trở nên lười biếng, sống thụ động. Nếu có sự năng động đi chăng nữa, thì sự năng động ấy cũng xu hướng theo vòng xoay thỏa mãn dục vọng của bản thân hay vây cánh, phe nhóm, đảng phái, ít khi mang tính chất tích cực cho đời sống cộng đồng.

Bên cạnh đó, phương diện đạo đức của đời sống tinh thần đã dần trở nên mờ nhạt. Con người đã không còn tin tưởng vào những điều kỳ diệu của thế giới tự nhiên, họ chỉ tin vào cái được gọi là khoa học thực tiễn, nếu không có chứng minh cụ thể thì hoàn toàn không tin.

Nhưng làm sao có thể chứng minh cụ thể sự tồn tại của cái gọi là vô hình? Chỉ khi ta mở rộng lòng

mình, dùng chính trái tim lẫn khối óc của mình để cảm nhận, khi ấy ta mới có thể “thấy” được những cái vô hình ấy.

Một ví dụ cụ thể: Làm sao ta có thể thấy được “tình cảm”?

Nó không hình, không tướng, không màu sắc, mùi vị. Tuy nhiên, ta có thể “thấy” được nó bằng cách cảm nhận những hành động mà nó chi phối, thể hiện ra bên ngoài.

Nhìn vào một người đang giận dữ, ta sẽ thấy ngay những lời nói gay gắt, đầy sự phẫn nộ và muốn vung tay chân để trút hết cơn giận của mình vào một ai đó, hay một cái gì đó gần họ. Nhưng khi nhìn vào một người đang yêu, ta sẽ thấy được những hành động của họ thật dễ thương, vừa vui vẻ mà bối rối, đặc biệt là khi ở gần người họ thích.

Khi yêu chân thật một ai đó, thì ta dễ dàng tha thứ và bỏ qua những lỗi lầm của họ, những việc họ làm thì việc gì nhìn cũng đáng yêu cả. Nhưng ngược lại, khi ghét một ai đó, thì những gì thuộc về người đó, những điều họ nói, những việc họ làm, tất cả đều không thể chấp nhận được. Ta luôn cảm thấy khó chịu vì sự có mặt của họ, và những việc họ làm thì việc nào cũng sai, chướng mắt cả.

Người xưa có nói:

“Thương nhau thương cả dáng đi

Ghét nhau ghét cả tông ty họ hàng.”

Hay:

“Thương nhau củ ấu cũng tròn

Ghét nhau cái bồ hòn cũng méo.”

Chính vì cái tâm lý phức tạp của con người như thế mà Đức Thượng Đế mới dùng đề tài là Bác Ái và Công Bình, để cho chúng sinh cùng nhau thi đua mà đạt quả vị nơi cõi Thiêng Liêng.

Thời buổi này, con người sống với nhau thì tranh hơn thua, giàu nghèo, đánh mất hết đạo đức. Không ít chuyện con cái trong gia đình mắng chửi cha mẹ, anh chị em, nặng hơn còn đánh đập, đuổi ra khỏi nhà hoặc là giết cả cha mẹ, anh chị em của mình cũng chỉ vì hai chữ danh lợi. Như thế, con người đã theo xu hướng lợi tàn, đi dần vào chỗ hủy diệt. Bởi ngay chính người đã sinh ra họ mà họ còn chối bỏ thì họ có thể thương ai được nữa?

Nhưng tình thương yêu cũng phải đúng chỗ, phù hợp với Đạo lý. Đã thấy được cái sai của người mình yêu mà cứ cho rằng điều đó hợp lý, có thể tha thứ được thì đó là sự si mê mù quáng, tình yêu không chân chính. Chỉ là sự bi lụy trong tình cảm, sự yếu hèn không dám nhìn thẳng vào sự thật.

Tình thương yêu chân chính là sự hy sinh, công hiến để mang lại hạnh phúc cho người mình yêu mà không hề vụ lợi. Khi yêu một người nào đó, thấy cái

sai của họ thì phải biết khuyên bảo, góp ý sửa chữa những lỗi lầm ấy để người đó dần nhận thức đúng đắn hơn về việc làm của mình. Chớ không phải thấy sai rồi cứ tha thứ và chấp nhận cái sai ấy, để từ cái sai này mà người đó có thể đi đến nhiều cái sai khác nữa.

Nhưng để làm được điều đó thì trước tiên ta phải biết yêu quý bản thân mình, vì không có nó thì ta cũng chẳng thể làm gì được. Từ chỗ biết yêu quý, trân trọng bản thân mình một cách chân chính, thì mình mới có thể đi đến một tình yêu cao quý hơn. Đó là yêu thương kẻ khác hơn yêu chính bản thân mình, phải làm sao để mang lại hạnh phúc cho kẻ khác nhưng bản thân mình cũng đừng phải chịu quá nhiều thiệt thòi. Vì như thế, thì chính những người thương yêu, lo lắng cho mình lại phải đau lòng, đó cũng không phải là một sự hy sinh chân chính.

Phải luôn yêu bằng cả trái tim lẫn lý trí. Yêu bằng trái tim mà không có lý trí thì dễ dẫn đến tình thương mù quáng. Yêu mà chỉ dùng lý trí thì đó chỉ là một sự tính toán khó có thể gọi là tình thương. Chính vì vậy mà Bác Ái và Công Bình phải được thực hiện cùng lúc, tức ta phải biết dung hòa giữa lý trí và tình cảm. Nếu hai thứ mà thiếu một thì cái tình thương ấy nó không chân thật, nó chỉ là một sự sáo rỗng không thể mang lại hạnh phúc chân thật trong cuộc sống.

Trong chặng đường tu học này, tất cả nhằm vào một mục đích đó là học hỏi sao cho trí thức, tinh thần và đạo đức được nâng cao lên đến mức có thể nhận thức được đúng sai, phải trái. Để từ đó, bản thân mỗi người có thể tìm được niềm vui chân thật của chính mình, đồng thời mang lại hạnh phúc chân thật cho muôn người, muôn vật xung quanh.

Chặng thứ hai: Tu luyện

Tu học, chỉ là sự học hỏi về lý thuyết. Lý thuyết ấy phải được trau dồi sao cho thuần thực, đó chính là tu luyện, hay đầy đủ hơn là tu tâm luyện tánh.

Tâm và tánh nguyên thủy vốn trọn lành, trong sạch. Bởi đó là điểm linh quang của Đức Thượng Đế nên mang đầy đủ tính chất, hình ảnh Thiên Lương của Người. Trong quá trình đầu thai chuyển kiếp, luân hồi thì điểm linh quang ấy đã bị lớp màn vô minh che khuất.

Nếu chân linh nào đạt từ phẩm Thánh Vị sắp lên, thì Thiên Tánh sẽ luôn thúc đẩy cả về trí thức, tinh thần lẫn hành động của người ấy hướng về Đạo Pháp, tìm về nguồn gốc của Đạo. Để có thể tu luyện cho tâm tánh trở lại trọn lành trong sạch, thì hành giả cần phải có những nguyên liệu và phương tiện để thực hành việc ấy.

Nguyên liệu là gì?

Đó chính là tình thương yêu, công bình, sự nhiệt tình đối với chúng sinh, cuộc sống, tâm tánh hướng về Đạo Pháp. Sự chăm chỉ cần cù, bền lòng trước những khó khăn thử thách trên cả đường Đạo và đường Đời.

Phương tiện là gì?

Phương tiện chính là kinh sách, những lời Thánh Giáo của các Đấng thiêng liêng để lại. Văn chương, thi phú, những câu chuyện về Đạo Pháp, về những tấm gương của các Đấng Trọn Lành từ cổ chí kim.

*** Luận bàn về việc thờ cúng**

Đức Thượng Đế đã từng dạy rằng:

“Cúng tứ thời có ích cho các con lắm, chớ không phải ích chi cho Thầy. Nếu cúng được thường thì lòng dạ nở nang, tứ chi luân chuyển, có nhiều khi tật bệnh tiêu diệt.”

Đức Quan Âm Bồ Tát cũng dạy về vấn đề cúng kiếng đại khái như sau:

“Cúng kiếng bái lạy chẳng mang lại lợi ích chi cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, nhưng nó giúp cho hành giả rất nhiều. Cúng kiếng để được gần gũi với kinh sách, lời kinh tiếng kệ sẽ làm cho tâm tánh

hướng thiện, dạy cho hành giả biết điều hay lẽ phải. Có cảm ắt có ứng, khi cúng kiếng thì lòng hành giả sẽ hướng về Đạo Pháp, hướng về các Đấng thiêng liêng. Lúc bấy giờ, nhờ gần gũi với Thiêng Liêng mà hành giả được hưởng hồng ân giúp cho việc tháo gỡ bức màn vô minh được thuận lợi hơn. Trí não tinh thần cũng từ đó mà phát triển cùng với sự giác ngộ làm cho đạo đức lại được vun bồi, đạo hạnh ngày càng thêm cao.”

Con người đã sống ai cũng có tội, không nhiều cũng ít. Những tội lỗi ấy, dù cho đã biết ăn năn sám hối, tu sửa thì nó vẫn còn dính lại trên Chân Thần những lớp trọc khí, làm cho Chân Thần mệt mỏi, nặng nề. Đến khi thoát xác, Chân Thần phải chịu những màn thanh tẩy trọc khí đau đớn vô cùng như: phải chịu đòn roi thần của các vị Thần trong Lô Bộ, phải chun ngang qua Lầu Bát Quái, nhờ Hỏa Tinh Tam Muội thiêu đốt cho tiêu tan hết trọc khí còn dính trên người...

Thường xuyên thờ cúng, tụng kinh sẽ giúp cho trọc khí của những tội lỗi trong kiếp sinh mình đã từng làm sớm được giải trừ. Tháo bỏ từng ngày, mỗi ngày một ít thì về lâu về dài mới có thể cởi bỏ được gần như hoàn toàn. Khi ấy, Chân Thần thoát xác trở về cõi Thiêng Liêng sẽ ít chịu đau đớn hơn.

Ở đây, tôi chỉ nói rằng lớp trọc khí của tội lỗi

được giải trừ lần lần chớ không nói rằng tội lỗi sẽ được giải trừ. Dù một thoáng suy nghĩ đen tối, một lời nói làm người khác phải không vui, đau lòng, một hành động nhỏ gây bất lợi cho người khác cũng đủ trở thành một cái tội và cái tội ấy mang theo một lớp trược khí dính vào Chân Thần.

Nhưng cái tội này và cái trược khí của nó là hai thứ khác nhau.

Hành giả phải biết ăn năn sám hối, không làm những tội lỗi mà mình đã nhận thức được điều đó là sai. Phải biết lập công bồi đức, chuộc lại lỗi lầm của mình đã gây ra cho người khác bằng cách giúp đời giúp người, làm cho người khác có được niềm an vui, hạnh phúc.

Khi làm những việc thiện, tội lỗi được giảm nhẹ, tiêu trừ nhưng trược khí của tội lỗi ấy vẫn còn dính vào Chân Thần khiến cho bức màn vô minh khó được tháo gỡ. Để có thể thanh tẩy được trược khí này thì hành giả phải để cho tâm tánh mình hướng về Đạo Pháp, hướng về những điều tốt đẹp, lối sống thiện lương, gần gũi kinh sách, tiếng chuông mõ. Khi ấy, lớp trược khí sẽ lần lần tiêu tan mà bên cạnh đó bức màn vô minh cũng dần dần được tháo gỡ để hành giả có thể minh tâm kiến tánh.

Đó là về mặt tinh thần, vô vi. Còn về mặt hữu hình, thì tư thế khi cúng chính là một trong những

hình thức của thiền, làm cho sức khỏe được dồi dào nhờ vào sự điều hòa luồng chân khí trong cơ thể. Đứng cúng là trụ thiền, quỳ cúng là quỳ thiền, và ngồi cúng là tọa thiền.

Khi cúng, hành giả phải thường giữ vững một tư thế trong thời gian khoảng nửa giờ. Trong nửa giờ ấy, có những lúc cúi lạy chính là những lúc làm cho gân cốt thư giãn được đôi chút, không phải chịu nhiều căng thẳng do áp lực, cũng là một phương pháp tập thể dục. Mồ hôi trong châu thân tỏa ra còn giúp ích cho quá trình giải độc của cơ thể.

Tuy nhiên, việc cúi lạy cũng cần thận trọng lắm. Chúng ta cần hiểu rõ chúng ta đang lạy ai, hay lạy cái gì là điều rất quan trọng. Nếu thực sự không hiểu rõ được mình đang lạy ai hay cái gì, thì chỉ khẽ gật đầu, cúi chào cũng xem là có lễ vậy. Khi làm được điều này, thì trong quá trình cúng, nếu hành giả có thể tập trung chu toàn sẽ làm cho trí não tinh thần gần gũi với các Đấng thiêng liêng. Từ đó, thân tâm hành giả sẽ ngày càng phát triển theo chiều hướng tốt đẹp.

Nhìn lại việc thờ cúng thì nó hoàn toàn đem lại ích lợi cho hành giả, là một phương tiện hỗ trợ đắc lực cho hành giả trên bước đường tu luyện. Đức Thượng Đế cũng có dạy về vấn đề cúng kiếng, bái lạy như sau:

“Kinh sách tỷ như dưa và chén bát vậy, nếu ai có thì dùng cơm được dễ dàng. Còn nếu không có chén bát và dưa mà có cơm thì ăn bốc cũng được.”

Vậy cái quan trọng nhất là cơm, là tâm chân thành và hành động đối nhân xử thế sao cho đầy đủ Bác Ái và Công Bình. Nếu có hai điều đó mà biết giữ vững tâm tánh, không cho tâm tánh xao động theo xu hướng vật chất, làm cho nó hướng về Đạo Pháp thì chẳng cần cúng kiếng chi cũng có thể đạt được ngôi phẩm nơi cõi Thiêng Liêng vậy.

Khuôn luật của Bác Ái và Công Bình thì có Tam Quy, Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Quy.

* Tam Quy

Tam Quy là ba điều cần hướng về, bao gồm:

1. Quy Y Phật: Hồi hướng, đặt trọn đức tin vào ngôi Phật. Phật chính là ánh sáng Thiên Tánh trong vạn vật. Để tâm tánh luôn được bình thản, thanh nhàn hướng về Đạo Pháp, làm theo những gì lương tâm mách bảo. Nguyên tu đấng Phật Đạo để cứu độ chúng sinh, làm một vị Bồ Tát tại thế.

2. Quy Y Pháp: Nương tựa, thực hành giáo pháp của các Đấng thiêng liêng, đặt trọn đức tin vào Đạo Pháp, ngôi Pháp. Pháp chính là pháp Thương Yêu và Công Bình, đồng thời là con

đường, phương tiện dẫn chúng sinh đến chân lý, đến với sự giải thoát.

3. Quy Y Tăng: Học hỏi, thực hành theo gương của người chân chánh, các bậc tu hành, những người đang thực hành giáo pháp của các nền tôn giáo dạy dỗ. Tăng chính là toàn thầy chúng sinh trong vũ trụ này, bao gồm cả vật chất, thảo mộc, cầm thú và con người. Vì vạn linh cũng đều có nguồn gốc từ Chí Linh, cũng là những Tiểu Thượng Đế, Tiểu Vũ Trụ vậy.

Tóm lại, Tam Quy là hướng về ánh sáng Thiên Tánh, trở về với Chân, Thiện, Mỹ. Nghe theo tiếng gọi của lương tâm, đem cả kiếp sinh của mình phụng sự cho vạn loại không phân biệt trên dưới, lớn bé. Dùng cuộc sống của mình làm phương tiện để đưa con cái của Đức Chí Tôn, Đức Từ Mẫu trở về cùng Cha Mẹ thiêng liêng nơi cõi vô hình.

*** Ngũ Giới Cấm**

Ngũ Giới Cấm là năm điều không nên làm, bao gồm:

1. Nhất Bất Sát Sinh: Chẳng nên sát hại sinh vật.
2. Nhị Bất Du Đạo: Cấm trộm cướp, lấy ngang lòng gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sinh

lòng tham của quấy để ý hại cho người, mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.

3. Tam Bất Tà Dâm: Cấm lấy vợ người, thả theo đàn điếm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình hoa nguyệt (vợ chồng không gọi là tà dâm).

4. Tứ Bất Tửu Nhục: Cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho rối loạn xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị. Cấm hút thuốc gây hại cho bản thân và người xung quanh. Cấm sử dụng các chất kích thích, gây nghiện khiến cho tinh thần bản loạn không làm chủ được bản thân.

5. Ngũ Bất Vọng Ngữ: Cấm xảo trá, láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mắng, thô tục, chửi rủa người, phỉ báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa, nói mà không làm đúng lời nói.

Về vấn đề này, thì Đức Thượng Đế đã dạy rất rõ ràng tại sao lại phải giữ cho được năm giới ấy. Xin trích ra sau đây lời dạy vô giá của Người, Thánh Ngôn dạy về Ngũ Giới Cấm.

1. Nhất Bất Sát Sinh

Thầy đã nói với các con rằng, khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì khí Hư Vô sinh ra có một Thầy, và ngôi của Thầy là Thái Cực.

Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn Thế Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sinh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sinh.

Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sinh cũng do bởi chân linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy, Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sinh của Thầy không cùng tận.

Cái sống của chúng sinh, Thầy phân phát khắp Càn Khôn Thế Giới, chẳng khác nào như một nhành hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhất định mới trở bông và sinh trái đặng trồng nữa, biến hóa thêm. Nếu như ai bẻ bông ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sinh, không cho biến hóa.

Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, đầu nguyên sinh hay hóa sinh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước. Nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai, biết đâu là cái kiếp sinh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến nỗi ấy.

2. Nhị Bất Du Đạo

Ôi! Thầy sinh các con thì phải yêu trọng các con chẳng cùng, mà Thầy cho các con đến thế giới này với một Thánh Thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành. Các con lại không chịu, nghe điều cảm dỗ mê luyến hồng trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo cơm, dục quyền cầu lợi.

Lợi, Thầy cũng đã dành cho các con chung hưởng cùng nhau, nhưng cũng vì tham nên đũa chừa nhiều, đũa chịu đói.

Quyền, Thầy cũng ban cho các con in như Thầy đã ban cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, hầu cho đủ thể kiềm thúc lấy nhau đặng giữ vẹn Thánh chất yêu sinh của Thầy, mà quyền ấy trở nên một cơ thể buộc trói nhân sinh trong vòng tội mọi. Ôi! Thảm thay! Cái thất vọng của Thầy trở nên ghê gớm.

Các con có hiểu vì sao nhân sinh gian tham chẳng? Thì cũng muốn cho nhiều sinh mạng chịu phục dưới quyền thế, lợi lộc đó. Vậy sự yếu trọng của con người là nạn cơm áo, nắm chặt quyền phân phát cơm áo, thì chưa ai đã chịu thọ mạng nơi thế này lánh khỏi.

Muốn cho đặng quyền hành ấy thì làm thế nào? Dùng hết mưu chước quỷ quyệt thâm đoạt cho đặng

lợi lộc quyền thế cho nhiều, vì vậy mà đòi trở nên trường hỗn độn tranh tranh, đấu đấu, giật giật, giành giành, gây nên mối loạn. Nhân loại nghịch lẫn nhau, giúp cho phép tà quyền mạnh hơn yếu thiện, mất phép Công Bình thiêng liêng tạo hóa, cái trường thảm khổ của thế gian cũng do nơi đó mà ra.

Vậy gian tham đã thâm nhập vào lòng, thì lòng hết đạo đức.

Gian tham nhập vào nhà, thì nhà không chánh giáo.

Gian tham nhập vào nước, thì nước hết chân trị.

Gian tham đã lộng toàn thế giới, thì thế giới hết Thánh, Thần. Thầy không cần nói sự gian tham có thể giục các con lỗi Đạo cùng Thầy mà bị lăm điều tội lỗi.

Ấy vậy gian tham là trọng tội.

3. Tam Bất Tà Dâm

Phàm xác thân con người mắt phàm coi thân mình như một, chớ kỳ trung nơi bản thân vốn một khối chất chứa vắn vắn, muôn muôn sinh vật.

Những sinh vật ấy cấu kết nhau tạo thành khối vật chất có tánh linh, vì vật chất nuôi nấng nó cũng đều là sinh vật, tỷ như rau cỏ, trái cây, lúa gạo, mọi lương vật đều cũng có chất sinh.

Nếu không có chất sinh, thì thể nào tươi tắn đặng mà chứa sự sống, như nó khô rũ thì là nó chết, mà các con nào ăn vật khô héo bao giờ. Còn như nấu nhờ lửa thì là phương pháp tẩy trược đó thôi, chớ sinh vật bị nấu chín chưa phải là chết.

Các vật thực vào tỳ vị lại biến ra khí, khí mới biến ra huyết, chẳng cần nói các con cũng biết cái chân linh khí huyết là thể nào? Nó có thể hoàn ra nhân hình mới có sinh sinh, tử tử của kiếp nhân loại.

Vì vậy mà một giọt máu là một khối chân linh, như các con dâm quá độ, thì sát mạng chân linh ấy. Khi các con thoát xác thì nó đến Nghiệt Cảnh Đài mà kiện các con, các con chẳng hề chối tội đặng.

Phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm.

4. Tứ Bất Tử Nhục

Thầy đã dạy rằng, thân thể con người là một khối chân linh cấu kết. Những chân linh ấy đều là hằng sống, phải hiểu rằng ngũ tạng, lục phủ cũng là khối sinh vật mà thành ra. Nhưng phận sự chúng nó làm, thảng hiểu biết hay không hiểu biết đều do mạng lệnh Thầy đã phán dạy.

Vậy Thầy lấy hình chất xác phàm các con mà giảng dạy. Trước Thầy nói vì có nào rượu làm hại cho cơ thể con người về phân xác. Hình chất con

người vẫn là thú, phải ăn uống mới nuôi sự sống, như rượu vào tỳ vị, nó chạy vào ngũ tạng lục phủ hết. Trái tim con người chẳng khác nào như cái máy chánh để trữ sự sống, cũng phải bị thâm nhập vào làm cho sự lao động quá chừng đổi thiên nhiên đã định, thôi thúc huyết mạch phải vận động một cách vô chừng mà làm cho sinh khí nơi phổi chẳng đủ ngày giờ nhuận huyết tinh sạch cho được. Trục huyết ấy thôi lại cùng trong thân thể, để vật chất ô trược vào trong sinh vật. Mỗi khối ăn nhấm phải bệnh, một ngày thêm một chút, hết cường tráng, cốt tủy lần lần phải chết, thì thân thể các con phải bị chết theo. Nhiều kẻ phải bị chết nửa thân mình vì rượu, nên ra đến đời.

Thầy dạy cái hại về phần hồn các con:

Thầy nói cái Chân Thần là nhị xác thân các con, là khí chất, nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vạy. Nơi trung tâm của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là lỗ óc, nơi ấy Đức Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chân linh các con. Khi luyện thành Đạo đặng hiệp một với khí, rồi mới đưa thâu đến Chân Thần, hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh.

Vậy thì óc là nguồn cội của khí, mà óc cũng bị huyết vận động vô chừng, làm cho đến đời loạn tán đi, thì Chân Thần thể nào đặng an tịnh điều khiển, thân thể phải ra ngây dại, trở lại chất thú hình. Mất

phẩm nhân loại rồi, còn mong chi phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật. Lại nữa, buổi loạn thần ấy để cửa trống cho tà mị xung đột vào, giục các con làm việc tội tình mà phải chịu phạt luân hồi muôn kiếp.

Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à.

5. Ngũ Bất Vọng Ngữ

Thầy đã nói rằng, nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chân linh gìn giữ cái chân mạng sinh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Chân linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung. Nhất nhất điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào tòa phán xét, bởi vậy nên một mảy không qua, dữ lành đều có trả. Lại nữa, các chân linh ấy, tánh Thánh nơi mình đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn lương tâm là đó.

Bởi vậy chư hiền, chư Thánh Nho nói rằng:

“Khi nhân tức khi tâm.”

Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã dối với lương tâm, tức là chân linh. Thầy đã nói chân linh ấy đem nạp vào tòa phán xét từ lời nói của các con, dù những lời nói ấy không

thiệt hành chớ tội hình cũng đồng một thể. Nơi tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.

Các con khá nhớ.

*** Tứ Đại Điều Quy**

Tứ Đại Điều Quy là bốn điều cần tuân theo, bao gồm:

1. Phải tuân thủ theo lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bức thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người. Lỡ làm lỗi, phải ăn năn chịu thiệt.

2. Chớ khoe tài, đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo. Đừng nhớ cừ riêng. Chớ che lấp người hiền.

3. Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. Đối với trên, dưới đừng lòn dẽ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4. Trước mặt sau lưng, cũng đồng một bức, đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngời mà xem không để lời hòa giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên dẽ dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Như vậy, việc tu luyện chính là tập luyện ý chí, sự chuyên cần trong việc học hỏi cả về đường Đạo lẫn đường Đời, phải tập cho cách xử thế hợp lẽ Đạo. Trong quá trình tu học và tu luyện, nếu hành giả nào đã có được tâm tánh trở nên gần gũi với sự trọn lành, thực hiện được Bác Ái, Công Bình thì sẽ được các Đấng thiêng liêng chỉ dạy cho những Bí Pháp Chân Truyền. Đó thường là những năng lực chữa bệnh để có thể cứu nhân độ thế mà phụng sự vạn linh, thay Đức Chí Tôn và Đức Từ Mẫu chăm sóc cho anh em vạn loại của mình.

Chặng thứ ba: Tu hành

Sau khi đã tìm hiểu về Đạo, về lý thuyết để thực hành Công Bình và Bác Ái, kế tiếp đến sự chuyên cần tập luyện cho ý thức tự giác của bản thân, tự mình đem mình vào một khuôn khổ của đạo đức. Như thế thì mới có thể vững bước trên đường Đạo lẫn đường Đời.

Khi đã học hỏi lý thuyết nhuần nhuyễn, ý chí đã kiên định, trí não tinh thần đã phát triển tốt thì đến giai đoạn vô cùng quan trọng là thực hành.

Nói thì dễ chứ làm mới khó. Dù chuyện Đạo hay chuyện Đời cũng vậy, học hỏi cho thông thạo lý thuyết đã là một điều rất khó khăn, nhưng để thực

hiện được lý thuyết ấy, biến lý thuyết thành hành động cụ thể lại càng phức tạp vô cùng.

Đã có biết bao nhiêu bậc trí thức tài giỏi, nhiều bậc tăng ni thâm niên, những người có học thức về Đạo Pháp, về thế giới quan xung quanh hết mực vững chắc và sâu rộng. Tuy nhiên, hành động tương tác của họ đối với cuộc sống lại không được hay cho lắm. Giữa lời nói về lý thuyết khi họ khuyên bảo cho người khác nghe, và những việc thường ngày họ làm đôi khi hoàn toàn trái ngược.

Có những người khi khoác áo đạo vào thì nhìn rất oai nghi, đức độ, pháp thoại của họ đối với xung quanh đầy sức thuyết phục. Nhưng khi về nhà, chính họ lại là người làm cho những người thân trong gia đình mình cảm thấy không hạnh phúc. Những bất đồng trong cách suy nghĩ, giao tiếp là một thử thách không hề dễ dàng đối với những người có tâm hướng về Đạo Pháp.

Còn những kẻ cho rằng mình là người am hiểu, có học thức siêu việt, sự hiểu biết về giáo lý một cách rộng rãi và sâu sắc thì lại chẳng biết đạo đức là gì. Họ trở nên hợm hĩnh theo chủ nghĩa “duy ngã độc tôn”, có cách cư xử trái với lẽ Đạo đối với cuộc sống xung quanh.

Thêm vào đó là nạn đại cân, áo mào. Trước khi vào cửa Đạo thì họ có một tâm tình nhiệt huyết,

khao khát phụng sự vạn linh. Nhưng khi họ có được một vị trí nhất định trong nền Đạo, được nhiều người xung quanh kính trọng, nể phục, khi ấy mọi thứ dường như đã thay đổi. Họ đã quên mất cái trách nhiệm đối với những gì họ đang được thọ hưởng vô cùng nặng nề, vì họ chỉ nghĩ đến những quyền lợi họ đạt được khi có trong tay vị trí ấy. Từ tâm lý như vậy, đã dẫn họ đến những hành động bảo vệ quyền lợi của mình mà gây ra sự bất lợi cho người khác. Họ làm mọi cách để chứng tỏ quyền lực của mình, luôn tìm cách để có thể đạt được vị trí cao hơn thì quyền lợi sẽ càng tăng, càng được mọi người kính trọng, nể phục. Đó là việc mượn Đạo Pháp để gây nên danh lợi của đời sống vật chất bên ngoài, là điều chẳng nên.

Và một trường hợp nữa cũng rất đáng tiếc. Đó là trường hợp của những người quá tài giỏi, quá nhiệt tình với việc phụng sự vạn linh. Tài năng và ngọn lửa nhiệt tình ấy đã thiêu đốt luôn tính khiêm nhường, một hạnh rất quan trọng của người hành giả. Lúc bấy giờ, tuy rằng họ chẳng quan tâm đến quyền lợi của mình, nhưng sâu trong bản thân tiềm thức, cái tôi của họ luôn thôi thúc họ mong muốn những người xung quanh phải kính trọng mình, chỉ có họ là đúng còn người khác thì sai. Đó cũng là “duy ngã độc tôn”, một thử thách vô cùng khắc

nghiệt dành cho những người tài giỏi và có đạo hạnh cao thâm.

*** Tu hành cần phù hợp với khả năng của mình**

Trong Kinh Sám Hối có câu:

“Chớ thái quá, đừng lòng bất cập
Phép tu hành luyện tập nhiều ngày.”

Việc tu hành phải biết như thế nào là vừa đúng với khả năng của mình trong từng giai đoạn, từng lĩnh vực. Làm việc quá sức mình thì đương nhiên phải chịu hậu quả thảm bại về sau.

Giống câu chuyện về chàng kỵ sỹ dũng cảm:

Chàng kỵ sỹ nọ có bộ giáp trụ lộng lẫy, chú chiến mã khỏe mạnh, và đặc biệt là lòng dũng cảm của chàng rất đáng khâm phục. Ngày kia, chàng ta đi đến một con kênh, có bà thầy bói nhìn rất cổ quái ngồi gần bờ. Chàng ta đến và hỏi bà:

“Bà có thể cho tôi biết tương lai sắp tới của tôi được không?”

Bà thầy bói nhìn chàng ta từ trên xuống dưới rất kỹ càng, sau đó bà ta phán rằng:

“Anh hãy thử nhảy qua bờ kênh này xem, sau đó tôi sẽ nói cho anh biết số phận của anh.”

Nghe xong, chàng chẳng cần suy nghĩ thêm chi,

với lòng dũng cảm, sự tự tin vào bản thân và chú chiến mã khỏe mạnh, chàng ta chạy lấy đà và tăng tốc nhảy qua. Ùm... Kết quả là cả người và ngựa đều rơi tõm xuống dòng kênh. Bà thầy tự nhủ:

“Ta thật lầy làm hổ thẹn, vì đã đánh giá anh quá cao qua vẻ bề ngoài.”

Thật vậy. Bộ giáp trụ lộng lẫy, con chiến mã khỏe mạnh và lòng dũng cảm kia chỉ phù hợp cho việc chiến đấu nơi chiến trường. Còn đối với việc nhảy xa thì bộ giáp lại là thứ cồng kềnh, trở thành gánh nặng cho con ngựa, dù cho sức ngựa mạnh mẽ nhưng vẫn không thể vượt qua thử thách.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta phải luôn cân nhắc sức mình, làm việc trong khả năng của mình mà thôi. Nếu mù quáng làm những việc ngoài khả năng của mình bằng sự dũng cảm, nhiệt tình thì sẽ chuốc lấy thất bại. Và ta cũng đừng bao giờ đánh giá sự việc qua vẻ bề ngoài của nó.

Liên hệ câu chuyện trên với vấn đề của hành giả, ta có thể thấy rằng: Trí thức tinh thần cũng tương tự như bộ giáp, nó chỉ hữu dụng khi dùng để chiến đấu với vô minh. Nhưng nếu ta dùng nó không đúng chỗ, khi gặp những khó khăn trở ngại không biết dùng lý trí phán đoán, cân nhắc sức mình mà vẫn nhiệt tình lao đầu vào nguy hiểm thì chính sự tự tin của ta sẽ làm hại ta.

Như vậy, việc tu hành, thực hành lý thuyết cao siêu của Đạo quả là không phải chuyện đơn giản. Đức Thượng Đế đã truyền dạy cho hành giả rất nhiều điều, Người cũng đã đề sẵn tất cả mọi phương tiện, mọi phương pháp để chúng ta thực hiện những điều cao siêu ấy. Vậy nên, Người đã từng dạy rằng:

“Các con nếu biết tu thì chỉ tu một kiếp đủ trở về cùng Thầy đặng.”

Người lại còn dạy thêm, nếu ai có đủ tư cách thì Thầy cho người đó lên ngang bậc cùng Thầy, đôi khi còn hạ mình cho người ấy cao hơn. Mà trở về cùng Thầy, ngang bậc cùng Thầy tức là đạt phẩm Phật Vị. Thầy là Thượng Đế, Đấng Chúa Tể của Càn Khôn Vũ Trụ, thế mà Người chỉ xưng là Thầy đối với chúng sinh, lại còn bảo nếu ai đủ tư cách thì Thầy hạ mình cho người ấy cao hơn.

Như thế đủ thấy tính khiêm nhường của Thầy đến dường nào. Chúng ta hãy cứ lấy câu nói ấy mà răn mình, để cho hạnh khiêm nhường của Thầy luôn là một ngọn đuốc soi sáng chúng ta trên con đường tìm về nguồn cội của chân lý, mà nấc thang đầu tiên từ hạnh khiêm nhường, là nền tảng của đạo đức vậy.

*** Làm cách nào để thực hành Bác Ái và Công Bình?**

Đức Quan Âm Bồ Tát đã từng dạy rằng:

“Nếu các em sát sinh, tức là làm cho Đức Từ Bi phải đau lòng. Mà Đức Từ Bi đau lòng thì thiên sâu địa thảm. Ngay đến chư Thần, Thánh, Tiên, Phật còn không dám làm điều ấy huống chi là con người.”

Chỉ mấy câu ngắn gọn như thế đã là một bài học vô cùng quý báu về lòng Bác Ái, thương người mến vật.

Quả thật, chúng ta thử hình dung, khi ta làm một điều gì đó làm cho cha mẹ dưới thế này phải buồn, điều đó chắc hẳn cũng đủ khiến cho lương tâm ta cảm thấy dằn vặt, bứt rứt khó chịu. Như thế thì Đức Thượng Đế là người Cha thiêng liêng của chúng ta, người đã ban cho ta cuộc sống, sự sáng suốt, lương tâm để chúng ta khác loài vật ở chỗ biết suy nghĩ thế nào là đúng, thế nào là sai. Lẽ nào ta lại làm cho Người phải đau lòng sao?

Chúng ta hãy học hỏi tình thương mà Đức Thượng Đế đã đối với chúng sinh, từ đó thực hành sao cho cái tình thương ấy là món quà ta đã được nhận từ Người, giờ đây lại dùng nó làm một món quà dành tặng cho cuộc sống. Khi ta mở rộng lòng mình thì việc thực hành Bác Ái chẳng còn khó khăn

nữa. Hòa Ái chính là món lễ vật vô cùng quý báu mà Đức Thượng Đế muốn ta dâng cho Người.

Kế tiếp là làm cách nào thực hành Công Bình?

Bác Ái là tình cảm, còn Công Bình là lý trí. Mà để cho lý trí được sáng suốt, phân biệt được phải trái, đúng sai là điều hết sức khó khăn.

Trước tiên, chúng ta phải học hỏi, trau dồi kiến thức về thế giới quan, tất cả mọi lĩnh vực của đời sống vật chất lẫn tinh thần. Bên cạnh đó, việc nâng cao ý thức đạo đức, tìm hiểu kinh sách, giáo lý của Đạo, tư tưởng của các bậc tiền bối để lại cũng phải được thực hiện song song. Khi đã có được một nền tảng tương đối đầy đủ về những điều cơ bản nhất của Đạo và Đời, lúc ấy ta mới có thể phân nào phán đoán, nhận xét được như thế nào là đúng, thế nào là sai đối với sự vật, sự việc trong cuộc sống.

Nhưng cái nhận xét này nó cũng chỉ ở một mức độ tương đối mà thôi, tại sao?

Vì trí hải vô nhai. Tri thức, kiến thức, kinh nghiệm sống mà ta có được trong suốt cuộc đời cũng chỉ là những điều vô cùng nhỏ nhoi so với những gì đã và đang diễn ra trong vũ trụ này. Thế nên ta chỉ có cái nhìn, cách suy nghĩ về sự vật, sự việc diễn ra trong thế giới này một cách tương đối, không thể hiểu biết hết tổng quát được.

Để tránh được sự mất Công Bình thì điều cần

nhất chính là việc khai thác càng nhiều càng tốt các khía cạnh khác nhau của một vấn đề.

Tại sao phải làm như vậy?

Tất cả những vấn đề xảy ra trong cuộc sống luôn luôn tồn tại hai hướng tích cực và tiêu cực trong bản thân nó. Điều quan trọng là tích cực hay tiêu cực, mức độ nào nhiều hơn mà ta đánh giá vấn đề đó là tốt hay xấu, hoặc vừa tốt vừa xấu.

Khi đối diện với một vấn đề, ta cần xem xét trên nhiều phương diện, hoàn cảnh, các mối quan hệ khác nhau của vấn đề ấy đối với thế giới quan. Để làm được điều này, ta phải cố gắng làm sao để nhìn thẳng vào sự thật, bởi chỉ có sự thật mới là thước đo tuyệt vời nhất cho mọi sự tồn tại trong vũ trụ này. Chính vì thế mà sự thật luôn đứng trước, sau đó mới tới sự tốt lành và đẹp đẽ, là Chân, Thiện, Mỹ ta thường nghe đó vậy.

Ở đây, ta cùng phân tích các trường hợp cụ thể như sau.

*** Trường hợp thứ nhất**

Có một gia đình nghèo khó, chỉ có hai mẹ con sống đơn chiếc với nhau. Người con trai hằng ngày phải đi đốn củi trên rừng ra chợ đổi gạo để phụng dưỡng mẹ già. Cho tới một hôm, đất nước có giặc

ngoại xâm, triều đình chiêu mộ binh sĩ. Người con vừa muốn đi đánh giặc cứu nước, nhưng lại sợ mẹ già ở nhà không ai chăm sóc nên không biết phải làm sao. Người mẹ là người rất hiểu con, nên bà mới bảo con mình:

“Con hãy đi đánh giặc đi, mẹ có thể tự mình sinh sống được qua ngày dù cho khó khăn đi nữa. Mất nước thì nhà mình cũng chẳng còn, con à.”

Nghe lời mẹ thì người con an tâm, quyết tâm đi lính cứu nước. Câu chuyện dừng ở đây để ta đánh giá. Với câu chuyện này, có rất nhiều ý kiến đánh giá như sau:

- Có người bảo: Đây là một người con có Hiếu mà lại bỏ mẹ mình ở nhà một mình để đi đánh giặc, trong khi có hay không có anh ta thì cũng chẳng thay đổi được gì. Người này là một người không có Hiếu, mà chữ Hiếu là đứng đầu của các hạnh nên không đáng khâm phục.

- Người khác cho rằng: Người mẹ là một người vĩ đại, đã dám hy sinh quyền lợi của mình cho đất nước, khuyên con mình đi phụng sự cho đất nước. Người con là người vừa có Hiếu vừa có Trung, vì đã nghe lời mẹ mình mà đi lính giúp nước.

- Lại có ý kiến khác: Người con đi như vậy có tốt hay không? Nếu như thành công trở về thì quá tốt, mẹ của anh ta sẽ được hạnh phúc vì con mình đã

sống có ích cho đất nước. Nhưng nếu thất bại mà chết trên chiến trường thì người mẹ sẽ rất đau buồn, vậy thì anh ta cũng không thực hiện được cả Trung và Hiếu.

Và còn rất nhiều ý kiến khác nhau, nhưng chủ yếu vẫn là xoay quanh chữ Trung và Hiếu mà thôi.

Đến đây ta bắt đầu phân tích các khía cạnh:

- Thứ nhất: Người con là người có Hiếu vì đã phụng dưỡng mẹ già của mình chu đáo, nghe lời mẹ mà đi đánh giặc.

- Thứ hai: Người này cũng có Trung vì khi nghe tin có giặc anh đã muốn tham gia, nhưng lại lo cho mẹ già mà không thể đi được. Sau khi được mẹ mình khuyên giải thì anh đã quyết tâm tham gia đánh giặc ngay.

- Thứ ba: Người mẹ là một người vĩ đại rất đáng khâm phục vì đã dám hy sinh quyền lợi của mình vì đất nước. Bên cạnh đó, bà còn giúp cho con mình hiểu rõ được giá trị của cuộc sống, của sự tự do.

- Thứ tư: Nếu người con không đi đánh giặc, chỉ lo ở nhà phụng dưỡng cho mẹ mình, thì lúc này người con chỉ thực hiện được chữ Hiếu một phần vì đã không nghe lời mẹ mình đi đánh giặc, mà lại bất Trung. Nếu như giặc bị đánh bại thì không sao, nhưng nếu giặc chiếm được đất nước thì tất cả mọi người đều sẽ bị đau khổ, sống không có tự do trong

tử nhục, trong số đó cũng có anh ta và mẹ của mình. Như vậy, anh ta vừa bắt Trung vừa bắt Hiếu, mà cũng bắt Nhân với đồng bào mình, và lại bắt Nghĩa với ơn tác đất ngọn rau đã nuôi mình khôn lớn.

- Thứ năm: Xét trường hợp khi người con đã nghe lời mẹ mà đi đánh giặc.

+ Nếu chiến thắng trở về mà mẹ anh ta còn sống thì điều này quá tốt. Anh ta đã sống một cách đầy ý nghĩa, đã thực hiện được bổn phận của người con đối với mẹ và của một người dân đối với đất nước.

+ Nếu chiến thắng trở về mà mẹ anh ta không còn, cho dù như thế thì người mẹ cũng đã hạnh phúc nơi suối vàng, không hổ thẹn với tổ tiên, với non sông đất nước. Còn anh ta, dù rằng sẽ đau khổ về cái chết của mẹ vì mình không làm tròn chữ Hiếu với mẹ khi còn sống. Nhưng anh ta đã đóng góp một phần nào đó cho quê hương và làm cho mẹ mình được thanh thản nơi cõi vô hình, thì cũng xem như đã làm được chữ Hiếu đó vậy.

+ Nếu thất bại, anh ta chết trên chiến trường, tuy mẹ của anh ta sẽ là người đau khổ đầu tiên, nhưng bà cũng rất hãnh diện vì đã có một người con biết hy sinh cuộc đời mình cho tổ quốc.

Dù cho kết quả như thế nào thì việc thực hiện cùng một lúc cả hai chữ Hiếu và Trung là rất khó, đôi khi người ta chỉ có thể chọn một trong hai mà

thôi. Nhưng ở đây thì ta đã thấy rõ, nếu thực hiện Trung thì cũng đồng nghĩa với việc thực hiện chữ Hiếu, Nhân và Nghĩa. Vì Trung với nước, với đồng bào mình thì trong đó cũng có thân tộc mình. Còn nếu chỉ thực hiện Hiếu thì đôi khi phải mang tiếng bất Trung, bất Nhân, bất Nghĩa mà lại còn làm cho thân tộc mình phải tui nhục với đồng bào, đất nước thì chữ Hiếu ấy cũng đâu trọn vẹn.

Còn ý kiến phán đoán của các bạn thì sao?

Mỗi người có những cách nghĩ khác nhau về cùng một vấn đề, nên các ý kiến đưa ra bên trên đều mang tính tương đối, có tính chất tham khảo. Nếu ai thấy là hợp lý đồng tình với những điều ấy, còn không có thể tìm cho mình một phương án khác.

*** Trường hợp thứ hai**

Gia đình nọ chỉ có một người con trai, cha mẹ thì cũng đã cao tuổi. Ba người sống với nhau rất hạnh phúc. Cho đến một hôm, người con giác ngộ ra rằng: Chỉ có tu mới là con đường giải thoát, đem lại hạnh phúc thật sự cho cha mẹ mình, thế là người con quyết định đi tu. Trong khi đó, cha mẹ anh ta thì muốn anh phải cưới vợ, có con nối dõi tông đường. Gia đình bắt đầu xảy ra những bất hòa.

Có nhiều ý kiến cho vấn đề này như sau:

- Người A: Tôi thấy rằng anh này không tốt. Anh ta chọn con đường tu trong khi gia đình chỉ có một mình anh ta, cần phải có con nối dõi mới làm vui lòng cha mẹ.

- Người B: Tôi nghĩ anh này đã hiểu được rằng tu là con đường dẫn đến sự giải thoát, dẫn đến hạnh phúc thật sự, đó là điều tốt. Nhưng chính điều đó lại làm cho gia đình anh không hạnh phúc so với trước khi anh ta giác ngộ. Cái lỗi của anh này là không giải thích cho cha mẹ mình hiểu rõ.

- Người C: Tôi thì thấy rằng, đã là con cái thì cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Con phải nghe lời của cha mẹ thì mới có thể làm cha mẹ hạnh phúc.

- Người D: Anh ta bảo rằng tu là con đường dẫn đến sự giải thoát, mang lại hạnh phúc chân thực. Nhưng hạnh phúc ấy ở đâu chưa ai thấy mà đã làm cho gia đình anh ta không hạnh phúc, cha mẹ phải buồn rầu vì không có con nối dõi.

Vậy theo các bạn thì sao?

Tu có phải là con đường giải thoát hay không?

Hay nó là sự khởi đầu cho những bi kịch xáo xáo trong gia đình?

Ta thấy rằng gia đình này có một cuộc sống hạnh phúc trước khi người con quyết định đi tu. Nhưng rõ ràng hạnh phúc ở thế gian này, tất cả chỉ là giả tạm. Ta chỉ có được hạnh phúc chân thật khi

ta làm được điều gì đó mang lại niềm vui, hạnh phúc cho kẻ khác. Bên cạnh đó phải thoát được khổ hải luân hồi, lúc ấy mới là hạnh phúc thực sự. Chớ còn quanh quẩn trong bể khổ, đã sinh ra và sống trong vòng tứ khổ sinh, lão, bệnh, tử tức là còn khổ, mà còn khổ thì làm sao có cái gọi là hạnh phúc chân thật đặng.

Vì thế, người con quyết định tìm đường tu để giải thoát là một quyết định tốt, nhưng phải thực hiện như thế nào cho toàn vẹn cả đôi đường mới là vấn đề nan giải.

- Trước tiên: Anh ta cần giải thích cho cha mẹ mình hiểu tại sao anh chọn con đường tu.

- Thứ hai: Đôi với việc lập gia đình và có con nối dõi, đây là điều không thể bắt buộc được. Vì cuộc sống ở cõi tạm này đã là một sự khổ, khổ cho đến khi kết thúc cả cuộc sống của mình. Thêm vào đó, những nghiệp quả mà xa xưa từ muôn kiếp trước đến giờ, nếu không biết tìm cách tháo gỡ bớt mà còn ràng buộc mình thêm vào nghiệp quả của luân hồi thì khó mong giải thoát được.

- Thứ ba: Anh ta cần giải thích rằng một khi đã chọn con đường giải thoát thì mọi ham muốn thế tục trần gian đã không còn ý nghĩa gì đối với anh ta, anh ta chỉ muốn tìm đến Đạo Pháp mà thôi. Nếu như cưới vợ về để có con nối dõi, mà anh ta lại không

thương yêu vợ mình bằng tình yêu nam nữ, điều đó lại làm thêm một người phải chịu đau khổ. Mà bản thân anh ta cũng đau khổ vì không thể thực hiện được con đường mình chọn, lại phải làm cho những người xung quanh phải chịu khổ.

- Thứ tư: Nếu như anh ta cưới vợ để cho cha mẹ mình hạnh phúc, thì đó cũng chỉ là một sự miễn cưỡng, không chân thật. Dù cha mẹ anh ta hạnh phúc ở thế gian này thì đó chỉ là giả tạm, đến khi kết thúc cuộc sống thì họ vẫn phải chịu trong vòng khổ não của luân hồi, lại phải chịu khổ. Mà nếu cha mẹ của anh ta còn khổ thì làm sao anh ta có hạnh phúc chân thật được.

Chính vì thế anh ta phải tìm về Đạo Pháp, đồng thời giải thích, hướng dẫn cho cha mẹ của mình để cho cha mẹ của mình cũng giác ngộ và tìm về với cửa Đạo, mới mong có được hạnh phúc chân thật. Nếu có thể làm được điều này thì anh ta đã làm được một việc rất có ý nghĩa, đó là phá vỡ bức màn vô minh của cha mẹ mình, làm cho mọi người có khả năng tìm đường giải thoát khỏi bể khổ.

- Thứ năm: Tu không đồng nghĩa với việc phải xuất gia, cạo đầu. Tu là sửa mình, là để tâm hướng về Đạo Pháp mà vẫn thực hiện những sinh hoạt trong đời sống hằng ngày. Anh ta có thể ở nhà, vừa phụng dưỡng cha mẹ, vừa thực hành lối sống cao

thượng với xung quanh mà làm cho cha mẹ của mình cũng chịu ảnh hưởng, cùng nhau sống một cuộc đời nhân ái, tích cực.

*** Tổng kết**

Với hai trường hợp cụ thể như trên, ta đã thấy được rằng: Bất kỳ vấn đề nào cũng có mặt trái của nó.

Mỗi người chúng ta lại có cách nghĩ hoàn toàn độc lập, không giống nhau theo một khuôn khổ nào cả. Thế nên việc tìm những khía cạnh khác nhau để nhìn vấn đề ấy một cách tổng quát cũng là điều chẳng hề khó khăn. Cái khó ở đây là sự phân biệt thế nào là tốt và không tốt. Khi đã phân biệt được điều đó rồi thì việc tìm ra phương thức để giải quyết vấn đề là việc tương đối dễ dàng.

Vì sự thật vẫn là sự thật. Cho dù sự thật ấy nó tốt đẹp hay xấu xa thì nó vẫn đang tồn tại và người ta buộc phải chấp nhận nó. Ở đây ta phải biết đo lường giữa mặt tích cực và tiêu cực. Nếu mặt tích cực nặng hơn trên cán cân Công Bình thì ta có thể đánh giá việc đó là tốt, và nếu mặt tiêu cực nhiều hơn trên cán cân Công Bình thì ta cũng có thể đánh giá việc đó là không tốt, xấu.

Vậy để thực hiện Công Bình thì điều đầu tiên là

phải biết kiên trì học hỏi sao cho có được một sự hiểu biết khá tổng quát về thế giới quan, về tâm sinh lý... Khi đã có được tri thức cao thì việc tìm hiểu, đưa ra những khía cạnh tích cực và tiêu cực của vấn đề sẽ dễ dàng hơn. Và khi đã xét nhiều khía cạnh một cách tổng quát của vấn đề thì việc đánh giá vấn đề ấy cũng sẽ thuận lợi hơn, để mang lại sự Công Bình một cách tương đối.

Tại sao đã là Công Bình mà là Công Bình một cách tương đối?

Dù cho ta có cao siêu đến đâu đi nữa thì ta vẫn còn mang cái xác phàm, trí não của ta vẫn rất hạn chế. Làm sao có thể mang lại cái gọi là Công Bình tuyệt đối được?

Chỉ có Thượng Đế, với sự toàn giác, toàn năng, toàn tri, và tình yêu thương vô hạn, chỉ có Người mới có thể phán đoán được một cách Công Bình tuyệt đối.

Mà Thượng Đế ở đâu? Có phải chẳng Người ở một nơi nào đó xa vời quá?

Là lương tâm ta đó vậy.

Vậy dù cho muốn phán xét chuyện gì đi chăng nữa thì với lý trí của mình, ta còn phải biết lắng nghe trái tim, lắng nghe tiếng gọi của lương tâm. Khi ấy, ta mới có thể hướng tới cái được gọi là Công Bình, hướng tới Chân Thiện Mỹ được.

Kết luận

Trên con đường tu, con đường đi đến sự giải thoát, ta có thể phân loại ra làm ba chặng là tu học, tu luyện và tu hành.

Tu học là học hỏi những điều hay, lẽ phải, học hỏi về thế giới quan, về kinh sách, giáo lý, giáo luật...

Tu luyện là tập luyện tính kiên trì, bền bỉ, sẵn sàng vượt qua khó khăn thử thách của cuộc sống. Luyện sao cho tâm tánh có thể trở về với cái nguyên bản của nó là trọn lành trong sạch, đó chính là Thượng Đế.

Tu hành là thực hành những điều mình đã học hỏi, biến cái lý thuyết mà mình đã tích góp được trong cuộc sống thành những hành động cụ thể đối với thế giới quan, cuộc sống xung quanh. Từ đó, ta sẽ trở thành một bằng chứng cụ thể đối với những cái mà người khác gọi nó là vô hình. Khi những người xung quanh nhìn vào một người có Đạo, theo con đường tu mà người đó đã trở nên tốt đẹp hơn trước, sống có ý nghĩa hơn trước khi người đó giác ngộ, như thế thì việc tu mới trọn vẹn và đúng với giá trị của nó.

Tuy rằng ba chặng đường được phân ra một cách cụ thể, nhưng thật ra ba chặng này chỉ khác

nhau ở khía cạnh tính chất mà ta thực hiện trên con đường tu, ta phải luôn luôn thực hiện đồng hành cùng một lúc.

Vì ta phải luôn luôn học hỏi thì trí não tinh thần của ta mới được phát triển theo kịp với sự phát triển của thế giới xung quanh. Bên cạnh đó là phải hằng ngày trì tâm vững chí để cho tâm tánh luôn hướng về Đạo Pháp, không bị lay chuyển bởi những khảo đảo ngày càng tăng của ngoại công nội kích. Và một điều quan trọng là phải thường xuyên thực hành những điều hay lẽ phải để sao cho tư tưởng, lời nói và hành động được thống nhất với nhau, tránh được trường hợp: “Năng thuyết bất năng hành”, “Nói một đằng làm một nẻo”.

Còn chia ra theo thứ tự phải học hỏi trước, kế đến là rèn luyện và cuối cùng mới là thực hành bởi vì ta phải có tri thức, một sự hiểu biết nhất định thì mới có thể rèn luyện theo sự hiểu biết ấy. Và khi ta rèn luyện, thực hành, tâm tánh ta trở lại tốt đẹp thì mọi người xung quanh mới thấy được rằng đó chính là một việc làm đúng đắn. Khi ấy, việc ta chỉ dẫn mọi người đi theo con đường của ta mới là có cơ sở trên một bằng chứng cụ thể là bản thân ta đó vậy.

Tu học tri thức, có hiểu thì dễ thương, tự mình thương mình, thương đời và đời thương mình.

Tu luyện bản thân, trải nghiệm thì cảm ngộ,

chúng thực được những điều hay lẽ phải đã hiểu biết.

Tu hành thiện nghiệp, làm lợi lạc cho đời thì tự nhiên hạnh phúc. Chớ mình hiểu rồi giữ đó cho riêng mình thì hữu ích cho ai.

Cả ba đề mục này nếu thiếu một, không thực hành trọn vẹn được cả ba thì hành giả khó đạt được chứng ngộ viên mãn nếu không muốn nói việc ấy dường như không thể xảy đến.

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời

Nguồn gốc

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời là những điều răn được khắc trên bia đá, do Đức Chúa Trời Jehovah mặc khải chỉ đường dẫn lối cho Ngài Moses đi tìm nơi đỉnh núi Sinai, thuộc đất nước Ai Cập cổ đại. Mười Điều Răn này dạy con người ta sống thiện lương, chân thật giữa đời thường, sống công bình, nhân ái với muôn sinh vật dù cho là cỏ cây, sắt đá, muông thú hay con người. Lại biết yêu thương, kính trọng các đấng sinh thành dưỡng dục ta nơi thế gian, cũng như Cha Mẹ thiêng liêng hằng mong ngóng ta nơi cõi vô hình.

Hiểu như thế nào cho hợp Đạo?

Điều 1:

Thou shalt have no other gods before me
Không có Thần nào khác trước ta

Đức Chúa Trời, hay ta gọi chính xác bằng cách gọi thân mật là Thầy, Đức Từ Phụ, là Đấng Cha Lành của vạn linh, là Đấng Chí Linh, cũng là sự tồn tại đầu tiên xuất hiện sáng tạo nên vũ trụ này.

Điều 2:

Thou shalt not make unto thee any graven image
Không tôn thờ các hình tượng nào khác

Đấng Cha Lành, là cha của vạn loại nên tình yêu thương của Người vô cùng tận. Người là biểu tượng của Bác Ái, Từ Bi, là Minh Triết, Chân Thật và Công Chánh vô tư, có thể nói ngắn gọn là Chân, Thiện, Mỹ. Do vậy chúng sinh chỉ tôn thờ tình yêu thương công chánh, sáng suốt, không tôn thờ những gì đi ngoài quy luật này mà trở nên u mê, mờ mịt chẳng lối về.

Điều 3:

Thou shalt not take the name of the lord thy
God in vain
Không được lấy tên Chúa và Thánh Thần mà
thề dối

Như đã nói bên trên, Đức Chúa Trời là hình tượng của Chân, Thiện, Mỹ cho nên sự thề dối là đi

ngược với Người, là sai trái vậy. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng là chư vị đã thực hành tình yêu thương và công chánh, vậy nên cũng không được lấy tên chư vị ra mà thề dối.

Điều 4:

Remember the Sabbath day to keep it holy
Hãy luôn nhớ ngày Thánh Lễ Sabbath

Những đứa con của Cha hằng ngày phải suy nghĩ, gieo mình vào thế cuộc đầy tranh đấu hơn thua để tìm kế sinh nhai trong cuộc sống, khiến cho chúng ta ngày càng rời xa với Chân, Thiện, Mỹ. Vậy nên mỗi tuần chúng ta cần có một ngày nghỉ ngơi, tĩnh lặng lại những suy nghĩ, hành động của chính mình, gột rửa thân tâm cho trong sạch đặng gần gũi với Cha Mẹ thiêng liêng đó vậy.

Điều 5:

Honor thy father and thy mother
Phải hiếu kính mẹ cha

Cha mẹ hữu hình là các đấng sinh thành của chúng ta, khổ cực nuôi dưỡng để chúng ta khôn lớn nên người. Do vậy việc hiếu thảo, kính trọng cha mẹ nơi mặt thế gian này là chuyện tất nhiên một

người con phải làm. Có làm được vậy thì mới có thể nói đến sự yêu kính Cha Mẹ thiêng liêng vô hình đó chứ.

Điều 6:

Thou shalt not kill

Không giết hại

Đấng Cha Lành là chúa tể của sự sống, là tình yêu thương, là cha của muôn sinh vạn loại. Thế nên giết hại một sự tồn tại dù là kim thạch, thảo mộc, cầm thú hay con người, đều là giết hại một người anh chị em của mình. Bản thân mình gây nên ác nghiệp, gây nên đau khổ cho kẻ khác và làm cho Cha Mẹ phải buồn lòng. Bởi có cha mẹ nào vui khi nhìn thấy con cái mình ngày ngày sát hại lẫn nhau, ý mạnh hiếp yếu...

Cha Mẹ là cả vũ trụ này, cả đất trời này, cho nên Cha Mẹ buồn lòng thì tất nhiên thiên sào địa thảm, liệu con người có thể gánh nổi trách nhiệm ấy chăng? Vậy nên phải giữ sát giới cho lắm, mới mong trở về với Chân, Thiện, Mỹ.

Điều 7:

Thou shalt not commit adultery

Không thông dâm ngoại tình

Mỗi một con người nơi mặt thế gian này, khi đã yêu thương và kết duyên cùng một ai đó thì phải giữ sự chung thủy, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Nếu như đã có người yêu, vợ hoặc chồng mà còn đi lãng nhăng ngoại tình với kẻ khác thì là tội lỗi lắm vậy.

Điều 8:

Thou shalt not steal

Không trộm cắp

Của cải, vật chất là những thứ phải dùng sức lao động để có được. Nếu ta ngang nhiên lấy thứ không phải của mình thì là trộm cắp, mà chủ nhân, chủ vật của thứ mà ta đánh cắp bị mất thứ lẽ ra phải thuộc về mình, thì sinh đau buồn phiền não. Kẻ gây ra sự muộn phiền cho kẻ khác, tất nhiên là kẻ tội lỗi vậy.

Điều 9:

Thou shalt not bear false witness

Không làm chứng cho sự dối trá

Sự dối trá đã là tội lỗi. Làm chứng cho sự dối trá là tiếp tay để nhìn nhận một sự dối trá là sự thật, làm trắng đen lẫn lộn, đi ngược lại với Chân, Thiện, Mỹ. Kẻ làm hành động này cũng là làm một việc xấu xa, tội lỗi.

Điều 10:

Thou shalt not covet

Không tham vọng

Vạn vật sinh ra trong trời đất này đều có chỗ hữu dụng riêng. Trời sinh voi ắt sinh cỏ. Loài vật nó kiếm ăn đủ để no bụng qua ngày mà sinh tồn. Con người chúng ta, là loài tiến hóa thuộc dạng bậc cao so với các loài vật khác, nên càng phải hiểu rõ về sự biết đủ, ăn đủ no, mặc đủ lành đủ ấm. Không tham lam, vọng cầu ăn ngon, mặc đẹp, sang trọng mà khiến cho trí não tinh thần, thể xác phải mệt mỏi, phải tranh đấu hơn thua để đạt được những thứ ấy, đi ngược lại với Chân, Thiện, Mỹ. Cho nên tham vọng là tội lỗi.

*** Luận thêm về Mười Điều Răn**

Văn tự cổ chân chánh khi xưa, sau này đã bị con người trần tục thay đổi, chỉnh sửa lại các điều răn để thỏa mãn những dục vọng tầm thường của chính mình.

Điều răn “Không giết hại” thì bị sửa thành “Không giết người”, làm cho tín đồ Thiên Chúa Giáo hiểu sai lệch rằng con người có quyền ăn thịt các loài vật khác, chỉ cần không giết người là được.

Như vậy là hoàn toàn sai lầm, đi ngược lại với đức hiếu sinh, từ bi của Đấng Cha Lành.

Điều răn “Không tôn thờ các hình tượng nào khác” thì lại được diễn là “Không tôn thờ các giáo phái nào khác”. Như vậy nó không thể hiện được sự bác ái từ bi, công chính, tôn trọng quyền tự do của mỗi con người. Mà các giáo phái khác, nếu giáo phái nào hướng con người về Chân, Thiện, Mỹ, dạy hàng môn nhân, đồ chúng làm lành lánh dữ, sống thiện lương, yêu thương hòa ái cùng nhau thì đáng để chúng ta tôn trọng và tin yêu chứ.

Hơn nữa, như chúng ta đã biết, Đấng Cha Lành là cha của vạn vật, mỗi sự tồn tại cũng là một phần của Người, là hóa thân của Người, vậy nên các vị Giáo Chủ của các nền Chánh Giáo khác nhau cũng là những hóa thân thiêng liêng của Người. Chỉ là do phong tục tập quán, ngôn ngữ của từng khu vực mà có sự khác nhau đôi chút về cách hiểu, cách nghĩ của chúng sinh về Cha Mẹ vô hình đó vậy. Nhưng có một điểm chung giữa mọi tín ngưỡng, mọi tôn giáo đó là Đấng Chúa Tể Vũ Trụ này, sự tồn tại đầu tiên đã sáng tạo nên vũ trụ này, có đầy đủ tính chất yêu thương bao la, công chính vô tư vị, là Cội Đạo đó vậy.

Trong Tam Tự Kinh của Nho Gia có nói:

“Nhân chi sơ tánh bản thiện, tánh tương cận tập tương viễn.”

Con người sơ khai vốn dĩ thiện lành, tánh ấy ai cũng giống ai. Chỉ vì môi trường sống đa dạng, nên khi lớn lên mỗi một cá thể lại có những suy nghĩ, hành động khác nhau mà ngày càng xa rời nhau, xa rời với Thiên Tánh.

Con người, tạo vật mang đầy đủ sự trọn lành y như khuôn một của Đấng Cha Lành, hãy sống sao cho hợp lẽ tự nhiên, trở lại đúng bản tánh Chân, Thiên, Mỹ mà Cha Mẹ đã hằng ban cho ta.

Minh thệ

Thệ nguyện

Khái niệm

Minh thệ là lời thệ nguyện, tự hứa với lòng mình về một mục tiêu mà bản thân hành giả quyết tâm hướng đến. Hành giả xem mục tiêu ấy là lý tưởng sống của mình, dù xảy ra chuyện gì cũng nhất định giữ nguyên lý tưởng ấy không thay đổi. Nếu bản thân thay đổi, sẽ tự chịu những hậu quả không hay đến với mình.

Tầm quan trọng của minh thệ

Có người nói như vậy:

“Vì bản thân tôi ý thức được lời thệ nguyện là vô cùng quan trọng, và cũng không dám chắc liệu bản thân có thể giữ được tâm ý tuyệt đối với lời thệ nguyện đó ra sao. Nếu lỡ như mai sau, vì lý do nào đó mà tôi bị thất thệ, làm sai với minh thệ, sợ chịu không nổi hậu quả nghiêm trọng ấy.”

Hay là:

“Tôi vẫn tu tập, làm được gì thì làm, không lập thế nguyện thì có khác gì với việc lập thế nguyện?”

Về sự khác nhau giữa hành giả có thế nguyện, lập minh thế so với hành giả không lập thế nguyện, minh thế, có thể dùng một ví dụ về mặt đời cho dễ hiểu.

Trong việc bán hàng hóa, người có lập thế nguyện giống như người có đăng ký bán hàng, đặt bảng hiệu nơi chỗ mình bán, trưng bày đồ đạc ra để bán. Tất nhiên kẻ qua người lại, tự nhiên người ta thấy, biết, có nhu cầu mua hàng sẽ ghé vào cửa hàng ấy mua.

Người không có lập thế nguyện, tự mình hành thiện nguyện tới đâu hay tới đó, cũng giống như người muốn bán hàng hóa, mà chẳng chịu trưng bày sản phẩm mình bán, chẳng đăng ký bán hàng, chẳng đăng ký bảng hiệu. Vậy thì liệu có ai biết đến để mua hàng, nếu tự người ấy không chủ động đi mời chào đến tận tay khách.

Ở đây, hàng hóa chính là nhân duyên. Có thể bán được hàng, làm cho khách hoan hỷ ra về, hoặc dù không bán được hàng do không có món vừa ý khách. Người bán hàng vui vẻ niềm nở tiếp đón, cũng là việc hành thiện nguyện gieo trồng vun bồi thiện phước đức vậy.

Nếu bán không được hàng, lại tỏ thái độ bất cần khách, hoặc bán hàng không đúng với quảng cáo, hàng dỏm, giá mắc... khiến cho khách không vui, khó chịu, tức là đang gây nên nghiệp bất thiện. Giống như hành giả thệ nguyện là cứu giúp người hành khát nghèo khó, mà khi gặp người hành khát nghèo khó đến khát thực lại tỏ ý không vui, xua đuổi và không bố thí. Như vậy là tự mình làm sai với thệ nguyện của mình, hiển nhiên là ác nghiệp vậy.

Khi gặp sự cố, người bán hàng bị trộm, cướp giật, giang hồ quậy phá. Nếu đã đăng ký bán hàng, họ có thể gọi công an, dân phòng đến giải quyết, hoặc là tự thân cửa hàng đã có bảo vệ giải quyết. Bảo vệ chính là pháp phương tiện mà hành giả sử dụng. Công an, dân phòng, những người đại diện pháp lý đứng ra bảo vệ cho cửa hàng chính là chư vị Hộ Pháp bảo hộ cho những hành giả có thệ nguyện cụ thể, đồng thời thực hành đúng với thệ nguyện ấy.

Đối với người không mở cửa hàng, tự đi mời chào người khác, lỡ có xảy ra sự cố, người ta cũng khó lòng can thiệp. Vì nếu gặp sự cố từ chính người họ chào hàng, người ta lấy lý do, tại nó làm phiền tui, tui có quyền đuổi đánh nó. Nếu vậy thì biết kêu ai cứu giúp bây giờ...

Hàng hóa, cửa hàng, vốn liếng để có được chính là tâm tinh của hành giả. Lòng có đủ lớn, tâm

có đủ mạnh, dám đối diện với những khó khăn thử thách hay không. Cho nên một khi hành giả đã lập thế nguyện, hành giả sẽ được độ duyên rất tốt. Sẽ có những mối duyên tìm đến với hành giả theo đúng nguyện vọng của mình. Đúng như việc bán hàng vậy, chỉ cần treo bảng, rao hàng, người có nhu cầu phù hợp sẽ tìm mua, chắc chắn là vậy.

Vì lo lắng cửa hàng bị thua lỗ, đóng cửa, nợ nần, tức là những hậu quả tiêu cực nếu hành giả làm sai lời thế nguyện của mình. Hành giả sẽ cố gắng phấn đấu, nâng cao nhất chất lượng hàng hóa, chất lượng dịch vụ để mình bán được khách đông và không bị thua lỗ.

Và cho dù nếu có thua lỗ, nợ nần, nhưng tâm ý hành giả ấy là chân thành, đã cố gắng hết sức, thì tự nhiên cũng sẽ gặp nhân duyên tốt lành giúp đỡ để hành giả vượt qua được khó khăn. Đó là các quý nhân giữa cuộc đời, hoặc những sự chuyên duyên kỳ lạ thú vị của cuộc sống khiến cho hành giả không bao giờ bị lâm vào bước đường cùng cả.

Chỉ cần thành tâm và nỗ lực hết mình, nhất định Tam Giới sẽ minh chứng.

Tịnh tam nghiệp

Thiện nghiệp - Ác nghiệp

Tam nghiệp là những hành động của thân, khẩu, ý. Ở mỗi nghiệp này sẽ đều có hai khía cạnh là thiện nghiệp - nghiệp lành và ác nghiệp - nghiệp dữ.

Mỗi loại thiện ác nghiệp lại được cấu thành từ các yếu tố: tự thân, gia đình, xã hội. Trong đó gia đình và xã hội được xem là những nghiệp mang tính chịu ảnh hưởng chung, hoặc bị tác động nên gọi là cộng nghiệp.

Tịnh tam nghiệp là làm cho các nghiệp dữ được tiêu trừ, chuyển hóa nghiệp duyên bằng cách không gây thêm nghiệp dữ, thường làm các nghiệp lành, để thân khẩu ý đều hướng về Chân, Thiện, Mỹ.

Thiện nghiệp

Sau đây là những việc có thể gieo thêm thiện nghiệp, chúng ta xem qua để thực hành và cố gắng duy trì trong đời sống thường nhật.

- Thấy người buồn phiền, đau khổ, phiền não

liền khởi tâm chia sẻ, nói lời chân thật, an ủi đem lại sự thư giãn, an vui cho người ấy là thiện nghiệp.

- Thấy điều gì tốt đẹp, kinh sách, lời hay ý đẹp, hình ảnh vui tươi, thông tin hữu ích liền khởi tâm chia sẻ, đem những điều ấy đến với mọi người bằng cách in ấn, đăng tải thông tin. Chỉ cần có một người xem qua, lòng họ khởi lên tâm niệm an lạc, học hỏi được điều hay lẽ phải, tự muốn thay đổi mình dù ít dù nhiều cũng là có sự hướng thiện, như vậy cũng là gieo hạt giống thiện lành.

- Đi đâu đó nhìn thấy những sinh vật như chó, mèo, chuột, gián, kiến, cho đến cây cối bị chết nằm trên đường liền khởi tâm cầu nguyện cho chân hồn sinh vật ấy được thanh tịnh, mau chóng siêu thoát, tự nhiên đó cũng là thiện nghiệp đáng quý. Nếu có thể thì nên dừng xe lại đem xác của sinh vật ấy vào lều, hoặc đặt nơi nào ít người để ý, hay là đem chôn thì thiện nghiệp ấy chẳng thể nghĩ bàn.

- Ngay cả các món đồ vật ta thấy trên đường, nếu có thể còn dùng được, thì nên đem về giặt sạch, tự mình dùng hoặc chờ ai có duyên cần dùng đến thì tặng cho người ấy, đó cũng là thiện nghiệp đáng quý về hạnh tiết kiệm, trân quý vật chất. Nếu là vật đã chẳng thể sử dụng được, là rác, thì nên nhặt lấy đưa vào nơi chứa rác, làm sạch sẽ đường đi khiến người qua lại vui vẻ thoải mái, cũng là việc thiện đáng làm.

- Nếu ra đường, nhìn thấy những đinh nhọn, chông gai, mảnh chai, đá sỏi... giữa đường, có thể gây nguy hiểm cho người qua lại, hoặc gây nên sự bất lợi cho người giao thông, liền khởi tâm đem những vật ấy vào lề, hoặc đặt vào nơi để rác, đem lại sự an toàn cho người qua lại, như thế là thiện nghiệp đáng quý bởi biết lo lắng cho tha nhân, có lòng vị tha. Người như vậy, rất hiếm có giữa đời.

- Nhìn thấy đường xá đi lại khó khăn, có ổ gà lỗ chỗ, hoặc đường, cầu qua lại bị hư hại, liền khởi tâm tìm cách sửa chữa, tự thân mình sửa hoặc đi tìm người phụ giúp, quyên góp để làm cho đường, cầu ấy được trở nên lành lặn, tốt đẹp, người qua lại thuận tiện dễ dàng, như thế là thiện nghiệp đáng quý.

- Nhìn thấy người muốn sát hại sinh vật, muốn bắt nhốt, giam hãm sinh vật, liền khởi tâm nói vài lời chân thật, cho họ biết nhân duyên nghiệp quả, thiện ác ra sao. Nếu họ thay đổi, buông dao, sinh vật kia không bị sát hại thì thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn.

- Nếu gặp trường hợp như thế, nhưng chẳng thể khuyên răn vì chẳng có điều kiện, hoặc tự lượng sức mình chẳng thể thuyết phục do đó là công việc, nghề nghiệp kiếm tiền của những người gây ác nghiệp ấy, thì cũng nên khởi tâm từ bi, thương xót sinh vật sắp bị sát mạng kia, cầu nguyện cho chân hồn các loài

ấy được mau chóng siêu thoát, có thể buông bỏ các chấp niệm, oán hận mà tha thứ cho kẻ sát hại các sinh vật ấy. Lại cầu nguyện cho kẻ làm việc ác hành kia, sớm được hồi tâm tỉnh ngộ, buông đao thấy bờ, đó cũng là thiện nghiệp gieo hạt giống từ tâm thiện lành vào lòng những kẻ tà tâm thiếu đạo đức vậy, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn.

- Đối với các hành giả đang trên bước đường tu học, tu hành, thực hành công phu thường nhật, mỗi việc chi như là thiền tịnh, tụng kinh, trì chú, cầu nguyện cho chúng sinh trong khắp Tam Giới đều được thanh tịnh, an lạc. Lúc bấy giờ, lời kinh, lời chú nếu được những sinh vật hữu tình nghe thấy, dù cỏ cây, sắt đá cũng đồng chung cộng hưởng năng lực thanh tịnh ấy, gieo vào lòng chúng sinh một hạt giống thiện lương, mỗi ngày một ít, về lâu về dài tự nhiên những người, vật ấy cũng đều có thể cảm ứng được điều hay lẽ phải mà hồi hướng về con đường đạo đức. Làm được việc như thế, công đức chẳng thể nghĩ bàn.

- Khi hành giả tịnh tâm, định ý, lại khởi tâm thiện lành cầu nguyện cho chúng sinh khắp các cõi giới đều được an lạc. Lúc bấy giờ, từ thân tâm hành giả sẽ phóng ra một dòng năng lượng bao trùm khắp xung quanh hành giả, bao phủ nơi hành giả thường công phu trì tụng, nguyện cầu. Trường năng lượng

ấy mỗi ngày một ít, dần dần lớn mạnh rõ ràng, khiến cho bất kỳ sinh linh nào dù hữu hình hay vô hình khi tiếp xúc, đi vào trường năng lượng ấy cũng đều cảm thấy lòng thanh tịnh, an lạc, hoan hỷ vô cùng.

- Lại nữa, công phu hằng ngày như thế, làm cho năng lực cảm ứng của hành giả càng thêm sâu sắc, mạnh mẽ, khiến cho việc cảm ứng tương thông với các chư anh linh, các sinh linh khắp nơi trong Tam Giới được dễ dàng thuận tiện. Lời nguyện cầu thiện lành kia sẽ có mãnh lực khiến cho điều không thể trở thành có thể bởi sự thành tâm, kiên trì nhẫn nại của hành giả. Đó thực sự là công phu gieo duyên lành khắp nơi nơi, công đức vô lượng chẳng thể nghĩ bàn.

- Khi nghe, nhìn thấy ở đâu đó có người, vật gặp nạn, tức thì khởi tâm cầu nguyện cho mọi sự được an lành, phúc lạc, nếu có thể thì tự thân mình vận động nhân lực, tài lực của bản thân hoặc chia sẻ nhờ tha phương cùng chung tay giúp sức để giúp đỡ cho người, vật ấy được thuận duyên, tai qua nạn khỏi, cũng đều là thiện nghiệp âm chất chẳng nhìn thấy được.

Những việc thiện lành như trên, từ việc cụ thể đến việc vi tế chẳng thể nhìn thấy, tuy bản thân hành giả chẳng hay chẳng biết, khởi tâm thiện hành một cách vô tư, vị tha, nghĩ cho chúng sinh, người vật, mà đem hết tất cả trí lực, tâm tư, sức lực và tài vật

của mình độ duyên. Đó là công đức quý báu vô lượng, đời sống vật chất lẫn tâm linh của hành giả sẽ dần dần an lạc, thường tinh tấn. Khi thoát xác, chắc chắn những hành giả ấy sẽ được Tam Giới minh chứng về tâm đức, thiện hành của mình nơi mặt thể gian đã trải qua ở kiếp này mà tôn trọng, tự nhiên được cao thăng phẩm vị linh hồn của mình nơi cõi Hằng Sinh.

Ác nghiệp

Cụ thể về những nghiệp bất thiện chúng ta thường gặp, xem qua để nhận biết, hiểu rõ và quyết tâm xả bỏ.

- Đi ra đường, nhìn thấy người đang chạy xe, hoặc xuống, tàu bè di chuyển mà chở nhiều người, cảm thấy nặng nề quá, liền khởi tâm nghĩ rằng sao họ chở nhiều vậy, lỡ té, rớt thì sao. Tức thì ý nghĩ bất thiện ấy liền ảnh hưởng lên nhóm người kia, khiến họ có linh cảm bất an, lo sợ, và có nguy cơ sẽ gặp tai nạn thật. Lúc ấy, dù cho chỉ là khởi ý niệm, tuy chưa nói ra thành lời, cũng là ác nghiệp. Nếu ý nghĩ ấy, biến thành lời nói trực tiếp đến với nhóm người kia, hoặc một người nào đó nghe thấy, cũng gây thêm nghiệp bất thiện vì khiến người sinh lòng bất an lo lắng, không vui. Nếu gặp trường hợp như thế, khi

vừa nghĩ họ bị té, rớt, chìm thì sao, lúc ấy liền thay đổi dòng ý niệm, khởi tâm cầu nguyện cho họ được bình yên, tai qua nạn khỏi, như vậy là chuyển hóa từ nghiệp bất thiện thành thiện nghiệp.

- Khi nhìn thấy người có của, liền khởi tâm ham muốn sở hữu, hoặc nhìn thấy người có nhan sắc xinh đẹp dễ nhìn, liền sinh lòng mong muốn vọng cầu chiếm hữu, tức thì gieo trong lòng mình hạt giống bất thiện. Nếu những ý nghĩ như thế chẳng được loại trừ, như hạt giống đã gieo chẳng chịu nhỏ bỏ. Về lâu về dài, tích tụ thêm nhiều lần những ý nghĩ bất thiện như thế, nó sẽ có thể biến thành lời nói, hành động bất thiện để đạt mục đích chiếm hữu, thỏa mãn cho bản thân kia. Hoặc tâm ý bất chính chẳng được loại trừ, cứ chăm bón nó thêm, mỗi ngày một ít thì tự nhiên nó đơm hoa kết quả, lúc đó quả báo bất thiện liền ập đến, tự nhiên sẽ có người khác gây hại lại cho bản thân, vì muốn chiếm hữu, muốn thỏa mãn mà làm cho người đã gieo nhân bất thiện đau khổ vô cùng.

- Khi nói lời cay nghiệt, hoặc nói lời biếm nhẽ, trêu đùa người, vật, khinh mạng kẻ khác, làm kẻ ấy đau khổ, buồn phiền, gặp rắc rối trong cuộc sống, tự nhiên đã gieo những hạt giống bất thiện, dần dần sẽ gặt lại quả báo y chang như vậy.

- Người rảnh rỗi, nhàn cư vi bất thiện, do chẳng

biết làm gì, nên đi trêu hoa ghẹo nguyệt, phá làng phá xóm, bầm chuông bỏ chạy, chọc ghẹo chó mèo, trẻ em, người già, người tàn tật rồi bỏ chạy, đâm bị thóc chọc bị gạo với những người xung quanh, chỉ đơn giản là rảnh nên tìm vui trên sự bất thiện, gây hại cho người, vật. Lúc bắt giờ cũng là gieo nên ác nghiệp vô cùng.

- Mỗi lần ra đường, dù đi bộ, hay dùng phương tiện giao thông nào cũng vậy, đều có khả năng dẫm đạp, chạy ngang qua làm chết những sinh vật nhỏ, hoặc quá nhỏ chẳng thể thấy được, những việc như thế cũng là sát nghiệp. Vì vậy, các hành giả tu tập thường ít hay di chuyển, lại có thêm phát trần, cây chổi để quét những nơi mình đi tới, những nơi mình ngồi, vừa được an toàn cho muôn sinh vật nhỏ li ti, lại được sạch sẽ thân mình khi giao tiếp giữa đời.

- Có những người, tưởng rằng ăn chay, chẳng ăn thân mạng động vật, lại chẳng ra đường thì sẽ tránh được sát nghiệp. Thực ra mỗi bữa ăn của chúng ta, dù là ăn trường trai tinh khiết, vẫn có thể gây nên nhiều sát nghiệp với các loài thực vật. Mỗi hạt mầm sống của chúng sinh, mỗi một cọng rau ngọn cỏ mà ta ăn vào lại phải bứng luôn của gốc rễ gây chết sinh vật ấy, cũng đều là dính vào sát nghiệp, tuy nhẹ hơn việc sát mạng động vật do thọ mạng của các loài thực vật ngắn hơn, lại ít khi oán hận kẻ sát mạng mình,

nhưng sát nghiệp vẫn là có. Cho nên mỗi bữa ăn, chúng ta nên cầu nguyện về sự hy sinh của các loài sinh vật ấy, nhờ có sự hy sinh đó mà ta được nuôi sống thân này mỗi ngày, đáng quý, đáng trân trọng lắm vậy. Chớ không phải là bởi vì mình ăn chay không ăn mạng động vật, nên có toàn quyền sinh sát với mạng thực vật là không đúng với lẽ Đạo.

- Đối với việc ăn thân mạng của chúng sinh là động vật, mỗi một miếng thịt ta ăn vào, đều là sát nghiệp nếu như sinh vật ấy vì miếng ăn đó mà bị sát mạng. Tùy theo mức độ tâm ý tham muốn ăn, khối lượng thân mạng bị ăn mà thời gian thọ mạng của sinh vật ấy sẽ được chia ra cho tất cả những ai có liên quan từ khâu nuôi giết thịt, sát mạng, vận chuyển, buôn bán, nấu chế biến, và cuối cùng là ăn. Ai càng ăn nhiều, tham muốn nhiều, xem việc đó là bình thường, không có chút thương xót thì tất nhiên nghiệp sẽ nặng hơn là những người có ăn nhưng vì không ăn thì không còn gì để ăn, hoặc lỡ bị ăn nhầm mà tâm không có ý muốn ăn, hoặc là vì miếng ăn nuôi mạng mình mà phải ăn nhưng có để tâm thương xót và lòng biết ơn với sự hy sinh thân mạng ấy.

- Khi một sinh vật bị chết do kết thúc thọ mạng, hoặc vì tai nạn mà chết, hoặc vì bệnh tật, hay là bị loài thú khác giết thịt. Lúc ấy, người muốn ăn thân mạng kia có thể ăn mà không gây nên sát nghiệp.

Nhưng trường hợp này do các sợi dây cảm ứng giữa thân và thần thức là còn, nên khi ăn mạng của sinh vật đã vong thân vẫn làm cho thần thức sinh vật đó cảm thấy đau đớn. Lúc đó ác nghiệp là có, và sự đau đớn kia có thể khiến cho sinh vật ấy sinh tâm oán hận kẻ ăn mình, làm cho mình chết không toàn thân, thì lúc đó thân tâm của người ăn cũng dính đầy trực khí, oán khí của sinh vật đó vậy. Cho nên tốt nhất vẫn là không dùng thân mạng của sinh vật để nuôi thân, vì như vậy là sống hòa mình với Đạo, hợp lẽ tự nhiên trong trời đất.

- Thêm nữa, khi nhìn thấy sinh vật bị chết do các nguyên nhân tự nhiên, nếu thuận tiện thì nên đem chôn, hoặc thiêu xác để sinh vật ấy sớm được thanh tịnh, an lạc, không oán hận đau khổ nữa. Đó cũng là hạnh đức trân trọng thân mạng của chúng sinh, là thiện nghiệp đáng quý. Nếu có thể thì cầu nguyện, tụng kinh trì chú cho thần thức, phần hồn của sinh vật ấy được mau chóng siêu thoát, an lạc, là thiện nghiệp đó vậy.

Kết luận

Tất cả những thiện ác nghiệp bên trên, chỉ là những điều cơ bản, dễ dàng hình dung, nghe, thấy được. Tuy nhiên còn rất nhiều sự thiện, ác vi tế

khiến cho chúng sinh khó thể nghĩ bàn, vì cần phải có thời gian để các nhân thiện ác kia nảy nở, lúc ấy mới rõ được quả thiện hay bất thiện vậy.

Đôi khi có những việc tuy nhìn thấy, nghĩ, hiểu thì đều là ác, nhưng kết quả cuối cùng lại ra điều thiện. Và ngược lại, có những chuyện tưởng rằng là làm phước đức, nhưng cuối cùng lại thành ra là hại người hại vật về lâu về dài. Vậy thì lúc đó, quả của người gieo trồng các hạt giống ấy nằm ở tâm ý, xuất phát điểm là muốn cứu hay muốn hại mà chuyển các sợi dây duyên nghiệp theo nhiều hình thức khác nhau.

Có những hành động, lời nói, suy nghĩ bao gồm cả thiện nghiệp, ác nghiệp trong ấy, lúc đó hạt giống thiện ác đều được gieo. Tất nhiên còn phải chờ các nhân duyên chăm bón hay tiêu trừ cho cả hai nhóm hạt ấy thì kết quả sẽ gặt hái quả lành hay quả đắng bất thiện cũng đều cần một quá trình của tâm ý, khẩu, thân.

Cụ thể ví như một người đang ở trên chuyến tàu, trên ấy có kẻ ác nhân muốn tiêu diệt hết tất cả người trên đoàn tàu. Vậy người này nếu không thể khuyên can, ngăn cản ác hành của kẻ ác nhân kia, thì người này có thể gây hại, sát mạng kẻ ấy để cứu sống những người còn lại. Dù cho cứu hàng trăm người, phải giết một người, thì nghiệp lành của cứu trăm

người kia là những thiện nghiệp được gieo nhiều. Nhưng nghiệp ác của giết một mạng vẫn là nghiệp ác và chắc chắn phải trả theo nhiều cách khác nhau. Không có kiểu luật bù trừ cứu được một trăm, giết một, trừ đi thì còn là cứu chín mươi chín và không có ác nghiệp, chắc chắn không có chuyện như thế.

Thiện ác song hành, gặt đủ cả. Vì kẻ bị sát mạng kia, chắc chắn sẽ oán hận, gia đình của kẻ ấy cũng oán hận người giết hại người thân của mình, đó là gây đau khổ cụ thể cho nhiều người đó chứ, lại tuyệt ngang đường sống của một người. Mà vốn dĩ, chúng sinh bình đẳng trước Thiên Địa, nên chúng ta không có tư cách, không có quyền phán xét đầy kẻ khác phải chết vì những điều kẻ ấy muốn làm.

Không sinh vật nào đáng chết cả.

Tất nhiên nếu gặp trường hợp này, là hành giả tu tập thì cố gắng đừng sát mạng, chỉ là cắt đi khả năng gây ác nghiệp của kẻ ác đó là được. Có thể tước vũ khí, bắt trời, tước các phương tiện có khả năng gây ác nghiệp của kẻ ấy, vậy thì thiện nghiệp sẽ vẹn toàn không gây ác nghiệp, lại còn giúp cho kẻ ác nhân kia tránh bị dính ác nghiệp sát mạng nhiều người, cho kẻ ấy một cơ hội để phục thiện, đáng quý, lành thay.

Cộng nghiệp

Cộng nghiệp là những nghiệp chung của một người với các mối quan hệ tập thể, khi tham gia sinh hoạt gây nên các hình thức thiện ác nghiệp ở dạng chuỗi mắt xích. Tùy theo mức độ, tính chất các sự liên quan, biểu tình, cảm xúc của các cá nhân tham gia chuỗi mắt xích tạo nghiệp, thiện ác nghiệp sẽ nặng nhẹ khác nhau.

Cộng ác nghiệp

* Mua bán cá

Khi đi chợ, chúng ta đang đứng mua rau, hàng bán cá kế bên đập đầu một chú cá. Ngay thời điểm đó, tất cả những ai ở gần đó đều dính cộng nghiệp chung với người bán cá và người mua cá.

1. Người bán cá khi sát mạng đập đầu cá, từ thân tâm phát khởi sát nghiệp, biến thành hành động bởi vì mưu sinh tức là cần tiền mà dính sát nghiệp, lợi mình hại mạng loài khác.

2. Người mua cá vì thèm ăn, ham muốn ăn

mạng chú cá ấy nên khiến cho người bán cá phải dính nghiệp sát cũng vì tiền.

3. Những người ở gần đó, khi thấy cá bị sát mạng, trong tâm khởi lên ý niệm cá đó ngon quá, cũng muốn ăn, liền dính cộng nghiệp thềm mạng.

4. Người gần đó, không liên quan, không thềm ăn, nhưng vì biết cá bị sát mạng mà chẳng làm gì để cứu giúp cũng dính cộng nghiệp từ nghiệp sát ấy, tuy ít nhưng có.

Oán khí của chú cá, khi bị sát mạng, vì chẳng thể cầu cứu ai cả, ai cũng làm lơ trước việc mình bị sát mạng, nên oán khí ấy bao trùm tất cả những người quanh đó có chứng kiến. Vậy thì một người sát mạng, nhiều người muốn ăn, nhiều người không liên quan nhưng dù khởi tâm thương xót, hoặc thờ ơ trước nỗi đau của sinh linh bị sát mạng, tất cả đều dính chung trong chuỗi mắt xích đó. Mỗi người một ít, ai khởi tâm thềm ăn thì nghiệp nặng hơn người khởi tâm thương xót hoặc không khởi tâm gì cả những thờ ơ.

Trong chuỗi mắt xích của việc một chú cá bị sát mạng, còn có các đối tượng liên quan khác như:

5. Người đã nhân giống cá để nuôi vì tiền, bán mạng hằng hà sa số chúng sinh cho người ta sát mạng, cũng dính cộng nghiệp.

6. Người vận chuyên từ trại cá, làm mối lái để

chở cá bán cho hàng cá ngoài chợ, cũng dính cộng sát nghiệp tạo cơ hội cho kẻ khác gây sát nghiệp với hằng hà sa số chúng sinh.

*** Kinh doanh nhà hàng ăn mạng**

Người làm chủ, hoặc những người làm việc phục vụ cho nhà hàng này kinh doanh phát triển thuận lợi, đều có liên quan đến chuỗi mắt xích cộng ác nghiệp như sau:

1. Người khách đi ăn, có người này mà chúng sinh bị sát mạng.

2. Người kinh doanh, tức chủ nhà hàng mạng, vì ham tiền mà sát mạng chúng sinh.

3. Nhóm thứ ba là người làm công bao gồm bếp nấu, phục vụ, rửa chén, bung bê, giữ xe và ngay cả đội ngũ quản lý, quảng cáo kéo khách đều dính cộng nghiệp chung.

4. Nhóm thứ tư liên quan là đội ngũ công ty in ấn, thiết kế quảng cáo, bảng hiệu, bộ nhận dạng thương hiệu, tóm lại là có liên quan đến việc xây dựng cho nhà hàng đó có khách, kinh doanh thuận tiện, cũng đều dính cộng sát nghiệp.

5. Nhóm thứ năm là tất cả các đối tác cung ứng dịch vụ cho nhà hàng, bao gồm cung cấp các sinh mạng cho nhà hàng kinh doanh, cung cấp hệ thống

tiện nghi cho khách đến đó thoải mái để nhà hàng dễ kéo khách từ các đồ dùng nhà bếp, đồ dùng nhà vệ sinh, đồ dùng bàn ăn đến dịch vụ vệ sinh và chăm sóc hoa cỏ trang trí, đều dính chung cộng nghiệp sát mạng dù nhiều hay ít cũng là mắt xích trong chuỗi ấy.

Nói qua cộng ác nghiệp như thế để mọi người hình dung dễ dàng các sợi dây liên kết mắt xích với nhau trong một chuỗi hành động có liên quan đến các nhóm người thực hiện một hành vi thiện hay ác nghiệp.

Cộng thiện nghiệp

- Sáng sớm bước chân ra cửa, gặp ai cũng chào hỏi vui tươi, người được chào hỏi cảm thấy vui vì có người quan tâm mình, bản thân mình cũng thấy vui vì giao tiếp qua lại vui vẻ tạo nên mối tương quan thân ái với xung quanh. Sức khỏe của mọi người từ đó cũng được mạnh khỏe, không phải tốn tiền thuốc, đỡ phiền não. Người ta vui, sẽ truyền tải niềm vui ấy đến cho những người khác khi giao tiếp tiếp xúc hằng ngày, vậy đó là cộng thiện nghiệp.

- Đọc một tài liệu hay, một bài kinh, quyển sách hay, một câu chuyện nhân văn cảm động, cảm thấy tâm đắc, chia sẻ điều đó đến với cộng đồng qua

phương tiện mạng internet. Người có duyên, vô tình đọc được tài liệu ấy, phát tâm hoan hỷ, nếu duyên thêm sâu dày, người ấy thay đổi lối sống của họ, tạm xem như là giác ngộ, khiến cho đời họ bớt khổ, bản thân họ an lạc, quanh họ thêm phần an lạc. Vậy chỉ một hành động chia sẻ với tâm ý tốt, lại có thể gieo duyên lành đến cho nhiều người như thế, đó là cộng thiện nghiệp rất cụ thể đó vậy.

Kết luận

Vậy chúng ta, các hành giả đang tu tập để trở nên Chân Thiện Mỹ cũng nên cố gắng quán chiếu tất cả các mối quan hệ xung quanh mình, từ người thân như vợ chồng, anh chị em, con cái, cha mẹ, đến bạn bè thân thường gặp nhau chơi chung, những nơi mình thường lui tới, công ty mình đang làm, hội nhóm mình đang sinh hoạt...

Quán chiếu được chuỗi mắt xích từ khi khởi nghiệp đến khi hoàn thành con đường của thiện, ác nghiệp thì tự nhiên bản thân hành giả cũng lãnh ngộ được ít nhiều tâm tình của chúng sinh xung quanh mình. Từ đó lực chiêu cảm, cảm ứng với các sự tồn tại trong Tam Giới cũng dễ dàng thuận tiện hơn, xả bỏ dần những chấp niệm, chướng ngại của bản thân trên bước đường trở về nguồn cội.

Năng lượng phúc đức trong Tam Giới

Khái niệm

Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta thường trao đổi các dạng năng lượng có giá trị khác nhau trong cuộc sống để mỗi người có thể thỏa mãn được nhu cầu an vui của mình. Các giá trị này, chúng ta thường hiểu như là sức khỏe, thời gian, thức ăn, quần áo, tiền mặt, tiền ảo...

Nhưng mà, những thứ như thế là của trần gian thế tục thường tình. Mà cuộc sống thế tục này, nhiều thứ hữu hình hữu hoại sẽ mai một theo thời gian, rồi thì khi chết đi thân mạng hữu hoại này người ta hoàn toàn không đem theo được thứ gì cả ngoài trừ phúc đức và duyên nghiệp.

Duyên nghiệp chỉ về quá trình vận hành của nhân cho đến lúc kết thành quả. Các nhân quả này đều được hình thành bằng việc kết tập, bù trừ lẫn nhau của các hành tàng trong cuộc sống từ thân, khẩu, ý.

Còn phúc đức hay gọi là năng lượng phúc đức sẽ quyết định đến sự tinh tấn của một chân hồn, sự an lạc bình yên hay sự trù phú của chân hồn ấy ở vị trí nào trong Đại Vũ Trụ.

*** Sự khác biệt giữa công đức, phúc đức và phúc báo**

Công đức là âm chất thiện nghiệp có được khi làm một việc thiện lành cho tha vật một cách vô tư hoan hỷ, không có tâm tư vị kỷ cho mình hay mang tính đố kỵ. Chỉ đơn giản là thấy tha vật cần giúp thì giúp và vui với việc ấy.

Phúc đức là quả lành của việc làm công đức.

Phúc báo chỉ về việc thiện nghiệp gieo xong thì sẽ có ngày hái quả.

Khi làm công đức, người ta sẽ có cả phúc đức và phúc báo. Nhưng phúc báo thì không bao gồm công đức, vì làm việc thiện mà mong được người khen, được người nhớ ơn, được người báo đáp, hoặc làm vì để đánh đổi một cái gì đó. Ví như việc phóng sinh mà cầu phúc lộc, cầu tai qua nạn khỏi, cầu trường thọ cho bản thân hoặc người thân mình, hay bất kỳ đối tượng nào đó... thì những việc làm thiện mà có tâm tư đánh đổi như thế, không phải là công đức.

Sự vận hành của khối năng lượng phúc đức trong Tam Giới

Khi làm được một việc mang lại sự an vui, tích cực cho một người hay vật, ta tạm gọi việc đó là thiện nghiệp, sẽ có điểm cộng cho khối năng lượng phúc đức. Khi làm một việc mang lại sự phiền não, đau đớn, khổ sở, oán hận cho người hay vật, ta tạm gọi đó là ác nghiệp, sẽ có điểm trừ cho khối năng lượng phúc đức.

Như vậy, hầu hết tất cả mọi việc chúng ta làm đều ẩn tàng bên trong đó mầm mống của thiện ác song hành. Thực là rất ít việc gì chỉ có thiện mà không có ác. Ví dụ một vài trường hợp để mọi người hiểu rõ hơn điểm này.

Trong tự nhiên, con chim bắt côn trùng để ăn. Khi ta nhìn thấy con chim đang rình chuẩn bị bắt con dế, ta tìm cách cứu con dế để nó được sống, không bị chim bắt ăn. Đối với con dế, ta có thiện nghiệp là cứu mạng nó. Đối với con chim, ta có ác nghiệp là làm nó không có bữa ăn, sẽ bị đói.

Việc tu tập của một người, khi người đó quyết tâm xuất gia tu tập. Đối với cá nhân người đó, tạm hiểu là vì sự giác ngộ, hồi hướng lối sống thiện lành, quyết thay đổi lối sống của mình, ta xem đó là thiện nghiệp. Nhưng việc xuất gia này, cha mẹ người đó

không muốn như thế, muốn người đó cần cưới vợ cưới chồng, có con, thành danh lập nghiệp với đời. Nên khi biết tin người đó xuất gia tu tập, sẽ phát sinh phiền não, đau lòng, tức giận vì nuôi con bấy lâu chịu bao nhiêu khổ nhọc mà nói nó không nghe lời, đó là ác nghiệp vậy...

Việc làm từ thiện bằng cách tặng tiền cho một người vì thấy người đó nghèo khổ, việc này cơ bản ta sẽ thấy là thiện nghiệp. Nhưng mà, còn tùy hoàn cảnh của người đó, có thực sự cần sự bố thí như thế không, hay là họ vốn dĩ có thể sống tốt được, chăm chỉ siêng năng làm việc thì có tiền. Nhưng khi được người ta cho tiền, mà không cực khổ kiếm tiền thì tự nhiên dễ phát sinh thiếu trân trọng đồng tiền cũng như là dễ khởi lòng lười biếng cố tình không muốn làm lụng cực khổ chỉ muốn chờ người ta cho tiền xài mà thôi, đó là ác nghiệp vậy.

Ta thấy rõ thiện ác vẫn luôn song hành đó thôi. Vậy nên ta cần chiêm nghiệm, học hỏi, trau dồi hạnh đức với các việc kinh qua trong đời sống thường nhật. Khi đã quen lối sống tích cực, hướng thiện trong mỗi niệm hàng ngày, thân tâm luôn hướng thiện, tăng trưởng thiện nghiệp, giảm trừ ác nghiệp.

Thiện ác nghiệp loại nào, sẽ được kết quả quá trình bù trừ tăng trưởng phúc đức tương ứng. Khi ta tặng cho biếu vật chất, ta sẽ gặt hái được những thứ

vật chất từ cuộc sống đến với mình một cách bất ngờ, nên gọi là phúc báo, tức là điều tốt lành quay lại với mình. Nhưng mà năng lượng phúc đức này, có sự vận hành rất vi tế. Cụ thể như vậy:

Người A có năng lượng phúc đức khoảng 1000, 1000 điểm này làm cho người ấy có được đời sống an nhàn dù không làm gì cả cũng tự nhiên có các mối lợi lạc xuất hiện để không bị chết đói. Nhưng đó là nói việc không làm gì cả, mỗi ngày trôi qua, khi chúng ta ăn là nợ mạng chúng sinh, di chuyển thì dễ sát mạng chúng sinh nhỏ bé mà mình không thấy biết, khởi niệm lên suy nghĩ thường là tư dục ít khi nào không vì tư dục. Cho nên về cơ bản mỗi ngày chỉ việc ăn uống ngủ nghỉ đã là tự tiêu xài bớt năng lượng phúc đức của bản thân. Cho đến lúc năng lượng ấy cạn dần, chỉ còn chừng 50 điểm.

Lúc này, ví như người đó đang đói, đi lang thang trên đường, nhìn thấy một cây táo có nhiều trái chín rơi rụng trên đất, liền nhặt lấy mấy quả. Nếu mỗi quả đó tương ứng với 10 điểm năng lượng phúc đức, thì người này chỉ lấy được 5 quả thôi, lấy hơn 5 quả thì bị điểm trừ vào năng lượng phúc đức, cứ như thế mà giảm thêm nhiều điểm trừ tương ứng với số quả lấy nhiều hơn phần mình có thể lấy. Khi năng lượng phúc đức này bị trừ xuống nhiều, càng nhiều thì cuộc sống người đó càng gặp nhiều khốn

khó và người ta thường hay hiểu rằng tai bay vạ gió, họa vô đơn chí, điều họa xui xẻo tự nhiên ập tới liên tục. Những chuyện đó như là đang đi bị cành cây gãy ngã trúng người, chó rượt vô cớ, bị vấp hòn đá té, cát bụi bay trúng mặt gây khó chịu, bị người ta hiểu lầm rồi tổn hại... những nguyên do rất tự nhiên ngẫu nhiên không phải do ai cố ý cả.

Mỗi một chuyện bất thiện như thế dẫn đến việc hóa giải bớt phần năng lượng phúc đức đang bị âm. Trong quá trình vận hành nhân quả đó, nếu người A này không phát sinh ý niệm oán trách cuộc đời, số phận mình, tự nhận thức được rằng việc như thế là bình thường không phải lỗi do ai cả, cũng không cần nghĩ rằng đó là nghiệp mình phải nhận lấy. Chỉ cần không oán ghét, không phát ra ý niệm hay lời nói hoặc hành động tiêu cực để đáp trả lại những gì người đó vừa nhận từ cuộc sống là được.

Nếu khởi lên nghiệp ác từ các việc xuất hiện đó, như là chó rượt thì quay ra đánh mắng chó, cành cây rơi trúng thì tìm cây đó đốn chặt trả thù, bị người ta hiểu lầm lỡ làm tổn hại thì quyết tâm đáp trả gây tổn thương lại kẻ đó... Như vậy thì điểm trừ của năng lượng phúc đức này giải được một ít đã phải gánh thêm điểm trừ của nghiệp dữ vừa gây thêm.

Ngoài ra, những việc tự mình nghĩ rằng thiện lành, là người ta cần được giúp đỡ nhưng thực tế

người ta chẳng cần giúp. Việc mình muốn giúp là tư đục của mình lại gây khó chịu, phiền não cho người ta, lúc đó chính là mình tạo ác nghiệp.

Đối với các sự tồn tại ở Linh Giới, việc tăng giảm điểm năng lượng phúc đức này cũng được tính vi tế như thế. Cho nên, ở các cõi giới thiện lành, người ta sẽ ít có điều kiện để hành được thiện nghiệp. Vì ở nơi thiện lành, ai cũng đủ đầy, việc giúp đỡ chỉ thực hiện được trên phương diện hồi hướng tặng cho biểu phúc đức cho chúng sinh ở các cõi giới thấp hơn. Mà tặng cho biểu không đúng chỗ đúng lúc thì lại dính ác nghiệp làm người ta không tinh tấn được.

Chỉ những chân hồn có ý niệm mạnh mẽ, năng lượng phúc đức sâu dày, không vướng mắc chấp niệm tạp niệm thì lúc đó họ mới tự do an lạc nơi Linh Giới. Thích cái gì thì tự tạo cái đó nếu nó nằm trong chuyên môn của mình. Nếu không nằm trong chuyên môn, cần phải đi thu thập các loại năng lượng khác nhau để tinh luyện nên thứ mình thích. Nếu không thể đi thu thập, không biết cách tinh luyện thì cần trao đổi năng lượng phúc đức ấy với những ai có khả năng, có thứ mình cần.

Những chân hồn còn vướng mắc tạp niệm, tham muốn mà không có cách thỏa mãn được, năng lượng phúc đức thiếu kém thường là bị dính điểm trừ nhiều, ý chí nguyện lực cũng yếu đuối... Khi đó

việc tồn tại ở Linh Giới thực là khó khăn lắm vậy. Làm một Quỷ Hồn yếu đuối, phải nương nhờ ở những nơi có lực lượng mạnh để bảo vệ mình tránh khỏi bị kẻ khác bắt bớ làm âm binh sai khiến theo ý kẻ cường quyền ấy. Khổ lắm vậy.

Các đấng chân hồn muốn lập vị mình, ngày thêm tinh tấn, ngày thêm cao trọng, Tiểu Vũ Trụ của mình ngày thêm lớn mạnh thì cần gieo trồng thiện nghiệp, tăng trưởng năng lượng phúc đức qua các việc thường nhật của mình.

Bây giờ không làm, Tử Thần vô thường gõ cửa, lúc đó đâu có hẹn được.

Bây giờ không làm, tới lúc tiêu xài hết năng lượng phúc đức của đời mình, khi đó đời sống khôn khó, việc làm thiện nghiệp sẽ khó hơn nữa.

Bây giờ không làm, tới lúc nhìn thấy năng lượng phúc đức của người khác sâu dày vĩ đại, đạo quả cao trọng, an lạc thanh thoi dường bao... Lúc đó muốn làm cũng đã bỏ lỡ biết bao thời gian, nhân duyên, kiếp số mình từng trải qua mà chẳng chịu vun bồi phúc đức.

Hy vọng những ai có duyên xem qua chia sẻ này khi đã hiểu rõ hơn cách thức vận hành năng lượng phúc đức trong Tam Giới sẽ có hướng rõ ràng cụ thể trong việc hóa giải nghiệp dữ và vun bồi nghiệp thiện.

Nhân quả tuần hoàn

Khi người ta thấy một chú chó bị bạo hành, hoặc bị giết thịt. Người ta nói: Mấy thằng hành hạ sát mạng chú chó đó kiếp sau thành chó để trả quả báo.

Rồi kiếp sau diễn đến...

Chú chó đã từng bị bạo hành, từng bị giết thịt chuyển kiếp thành người, báo oán với những kẻ đã bạo hành và giết thịt, ăn thịt mình, lúc này đã là những chú chó.

Rồi người ta nhìn thấy, lại nói sao nó ác, kiếp sau nó thành chó...

Cứ như vậy, một vòng lẩn quẩn của vay trả, trả vay. Vấn đề là có ai dám chắc rằng lý sự mình đang thấy là nhân mới gieo kiếp này, hay là quả từ đời trước.

Ai hay ai biết?

Yêu thương, tha thứ, thấu hiểu và cảm thông, chỉ cho biết thiện ác, chia sẻ, lắng nghe và im lặng không phán xét là từ bi và trí tuệ.

Ăn chay

Tổng quan

Ngày nay, có nhiều người theo xu hướng làm đồ ăn chay sao cho giống với đồ mặn, làm cho giống với thịt cá và đặt tên thì cũng là tên của những món ăn có nguồn gốc từ động vật. Khi hỏi về vấn đề này, thì họ bảo rằng:

“Đặt tên món ăn như thế cho dễ hình dung và ăn cũng ngon miệng lẫn ngon mắt. Người mới ăn chay vì chưa quen được mùi của thịt cá nên phải làm cho giống thì ăn mới được. Ăn chay xuất phát từ cái tâm được rồi, hình thức đâu quan trọng...”

Và thật đáng tiếc là những lời như vậy lại được nói một cách vui vẻ, thản nhiên trong chùa. Điều này không thể chấp nhận được trong cửa Đạo.

Về vấn đề ăn chay, trước tiên, đó là sự thể hiện tình thương yêu với chúng sinh thấp kém hơn ta. Ta có thương yêu chúng thì ta mới không thể ăn thịt chúng được. Vậy nên ăn chay cần xuất phát từ tình thương yêu, sự tự nguyện chứ không phải là một sự gượng ép của giáo lý, giáo luật.

Nếu như ăn chay mà cố ý làm giả đồ mặn cho giống với thịt cá, hành giả sẽ mang nhiều nghiệp bất thiện như sau:

- Thân nghiệp: Không thể làm chủ cho thân được, nó vẫn còn ham muốn khoái lạc thịt cá và chưa có tình thương yêu đối với chúng sinh.

- Khẩu nghiệp: Ăn chay mà nói mặn, vọng ngữ thèm muốn được hưởng thụ chứ chưa muốn tự buộc mình vào Đạo Pháp, ham thích ăn uống thơm ngon chứ không thích những món đạm bạc dành cho người tu hành.

- Ý nghiệp: Có suy nghĩ mới thể hiện qua lời nói và hành động. Bởi trong tâm trí luôn vọng tưởng về những món ngon vật lạ mang hơi hướng động vật, đồng thời chưa có tình thương yêu chúng sinh xuất phát từ tâm ý. Những lời nói thương yêu chúng sinh chỉ là những lời giả dối, sáo rỗng chẳng có chút ý vị.

Như vậy, đối với việc ăn chay, phải cố gắng bỏ hết phàm tâm thèm muốn thực phẩm có nguồn gốc từ động vật. Ăn chay cần xuất phát từ tình thương yêu, tự mình muốn đến với Đạo Pháp chứ chẳng ai ép buộc ai cả để phải tự mình dối lòng, dối người thèm ăn mặn mà lại ăn chay.

Để làm được điều này, chúng ta cần hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc ăn chay đối với thân tâm mỗi người.

Ý nghĩa của việc ăn chay

Ăn chay là dùng những thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật. Tất cả những gì có nguồn gốc từ động vật đều không thể xem là thực phẩm chay.

Ngày nay, có nhiều người nghĩ rằng:

“Ăn chay là không ăn những động vật nào có máu đỏ, còn các động vật không có máu đỏ thì ăn được như tôm, cua và nhiều loại hải sản khác.”

Suy nghĩ này không đúng, bởi tất cả những loài động vật ấy đều muốn sống. Ăn chay là sự thể hiện tình thương yêu với muôn loài có sự phát triển kém hơn ta, vì vậy mà việc ăn các loài động vật không có máu đỏ là sai hoàn toàn.

Nhưng nếu như nói rằng ăn chay là thể hiện tình thương yêu, vậy tại sao chúng ta lại ăn thực vật? Vì ý nghĩa tồn tại của thực vật là cống hiến cả kiếp sinh của mình giúp đỡ các loài vật khác sinh tồn.

Khi các loài thực vật đầu tiên xuất hiện từ trong nước thì chúng bắt đầu học hỏi sự sinh tồn, phát triển của Tạo Hóa. Nhưng vì thực vật không thể di chuyển như động vật, chúng phải nhờ vào các yếu tố môi trường và động vật mới có thể phát tán hạt giống mà sinh sôi phát triển dài lâu. Song song đó, động vật không thể chỉ hấp thu dưỡng chất từ môi trường như thực vật, chúng phải ăn mới sinh trưởng.

Do vậy, thực vật đã cố gắng hiển sinh mệnh của mình để nuôi sống động vật.

Theo thời gian, động vật ăn cỏ phát triển nhiều dẫn đến việc mất cân bằng tự nhiên, thực vật có nguy cơ diệt vong nên đã xuất hiện động vật ăn thịt nhằm thiết lập lại cân sinh thái. Khi động vật ăn thịt chết đi, thể xác phân hủy trở về với cát bụi, môi trường tự nhiên sẽ hấp thu các chất này và lại nuôi sống thực vật. Như vậy, tất cả vạn vật đã có một vòng xoay cụ thể giúp cho môi trường tự nhiên được vận hành ổn định.

Con người là một loài động vật ăn thực vật. Điều này được chứng minh bằng bộ răng và bộ tiêu hóa của cơ thể. Con người chỉ có 4 cái răng nanh, thuận tiện để xé các loại rau củ quả có chất xơ nhiều, cứng, dai. Dịch vị trong dạ dày không chứa nhiều chất axit, và sức nghiền cũng không mạnh bằng bộ tiêu hóa của các loài ăn thịt. Vì thế mà con người phải nấu chín thức ăn, nếu ăn phải thức ăn sống thì khó tiêu, dễ bị bệnh. Nếu ai ăn nhiều thịt cá trong bữa ăn thì cảm thấy uể oải, buồn ngủ do cần nhiều thời gian để tiêu hóa, trí não tinh thần cũng không minh mẫn, sáng suốt mà làm việc có năng suất tốt.

Vậy nên con người ăn thực vật là hoàn toàn hợp với lẽ tự nhiên. Khi sống đúng với ý nghĩa này, chúng ta sẽ ngày càng tiến hóa lên những nấc thang

cao hơn của phẩm bậc linh hồn. Tuy nhiên, không vì lẽ đó mà chúng ta lại nghĩ rằng thực vật được sinh ra là để phục vụ con người. Chúng ta cần ăn với sự trân trọng và tình thương yêu, lòng biết ơn vì nhờ chúng mà ta mới có thể tồn tại được.

Việc ăn trứng, uống sữa có thể tạm chấp nhận được nếu ăn chay để không mang nghiệp sát sinh, với điều kiện trứng này không có trống. Vì nếu trứng này có trống, đã được thụ tinh thì bên trong nó vẫn có sự tồn tại của một sinh linh đang ngày một tượng hình. Khi ăn trứng có trống này, thì cũng chẳng khác gì việc ăn thịt một chú gà con cả. Như trứng không có trống, không được thụ tinh thì trứng này không có sự sống trong đó, chúng chỉ như sữa mà thôi, có thể ăn được. Nếu có ăn trứng, phải đảm bảo được rằng trứng này không có trống mới ăn.

Nếu ăn chay vì tình thương yêu, thì ta chưa hoàn toàn thực hiện được điều ấy, bởi vì trứng gà hay sữa bò đều là những thực phẩm xuất phát từ quá trình chăn nuôi nhiều ác nghiệp.

Trứng và sữa cũng giống như máu của chúng, chúng phải ăn uống no đủ, sau đó lại tiết các dưỡng chất của cơ thể ra mới tạo nên được các thực phẩm ấy. Lại nữa, trong quá trình chăn nuôi công nghiệp, con người đã sử dụng nhiều biện pháp tiêu cực để các loài động vật đạt năng suất cao, sản lượng không

lò trong sản xuất. Chúng phải sống trong giam cầm, bóc lột, bạo lực cưỡng bức từng ngày để thỏa mãn lòng tham của con người. Bò mẹ phải xa bò con, gà trống con sinh ra phải bị tiêu hủy vì không có khả năng đẻ trứng.

Vì vậy, khi ta ăn trứng hay uống sữa, tuy rằng không có tội sát sinh, nhưng lại mang nhiều nghiệp bất thiện khác khiến ta chưa thực hiện được tình thương yêu một cách trọn vẹn.

Trên con đường tu Đạo, hành giả giữ giới ở bậc Hạ Thừa và Trung Thừa, việc dùng các thực phẩm này có thể tạm chấp nhận được nếu như có sức khỏe không tốt, cơ thể bị thiếu chất dinh dưỡng, suy nhược trầm trọng.

Riêng đối với bậc Thượng Thừa, việc ăn uống đã không còn quan trọng nữa, hành giả chỉ cần ăn cho qua bữa, ăn đủ no để sinh tồn. Sức mạnh ý chí và sự thanh khiết trong tư tưởng giúp cho họ luôn luôn thoải mái, sống thanh thản. Không có bệnh tật, thiếu chất nên việc dùng hai loại thực phẩm trên là không cần thiết.

Thêm vào đó, đối với bậc Thượng Thừa, hành giả muốn dùng cả kiếp sinh của mình làm phương tiện để giúp đỡ, đưa chúng sinh về với con đường đạo đức, giải thoát khỏi luân hồi. Khi đã đắc pháp, đạt đến cảnh giới có thể xuất Chân Thần vân du thiên

ngoại đến các cõi giới vô hình. Nếu hành giả còn ăn trứng, uống sữa, hai loại thực phẩm này sẽ làm cho Chân Thần trọng trược, mang theo nhiều trược khí bên mình. Khi Chân Thần bay qua lần không khí của Trung Giới và Thượng Giới, vì trược khí là chất dễ tiếp điện, nên Chân Thần sẽ dễ bị điện quang sấm sét thu hút. Sấm sét đánh trúng thì phân tán hồn phách, tiêu tán cả kiếp sinh uống công tu luyện.

Có trường hợp đặc biệt, đối với các vị khát sĩ, khi được một người nào đó cúng dường với sự chân thành nhưng đồ cúng dường đó lại là thịt, cá thì vị khát sĩ này vẫn phải ăn, không được phép bỏ, từ chối. Bởi vì khi ấy, thực phẩm mà họ được thọ dụng không còn là thịt, cá nữa. Nó là món lễ vật trân quý thể hiện tình thương yêu, sự mở rộng tâm lòng, chia sẻ miếng cơm của người cúng dường đối với chúng sinh. Và khi tiếp nhận những món cúng dường, vị khát sĩ này cũng phải thuyết pháp để đáp trả lại ân tình bữa ăn mà họ đã tiếp nhận từ chúng sinh.

Tuy nhiên, trường hợp này chỉ diễn ra vào thời xưa khi nguồn lương thực, thực phẩm còn khan hiếm. Ngày nay, văn hóa ăn chay đang dần phổ biến trong mọi tầng lớp xã hội, trái cây, rau củ quả không còn là vật phẩm quá khan hiếm nên người ta cũng chủ động cúng dường thức ăn chay cho các tăng ni, khát sĩ tu hành.

Lợi ích của việc ăn chay

1. Ăn chay để phòng tránh dịch bệnh

Theo thời gian, các loài động vật dần mắc những chứng bệnh kỳ quái mà khi ăn thịt chúng, con người cũng sẽ bị nguy hiểm đến tính mạng, chẳng hạn như cúm gà, lở mồm long móng, cá ghẻ... Vậy nên ăn chay, sử dụng các thực phẩm từ thực vật sẽ giúp cho con người tránh được các dịch bệnh nguy hiểm ấy.

Tại sao ngày nay lại xuất hiện những loài virus gây nên nhiều căn bệnh nguy hiểm như vậy?

Vì tình thương mà Đức Thượng Đế dành cho chúng sinh, và vì luật Công Bình đã định như vậy. Người không muốn con người phạm nhiều nghiệp sát sinh rồi lại phải chịu luân hồi quả báo trong bể khổ. Bên cạnh đó, loài vật nào bị bệnh cũng sẽ nhanh chóng trả hết các nghiệp chướng mà chúng đã gây ra từ tiền kiếp, cũng vì chúng bị bệnh mà con người không còn nuôi dưỡng để giết thịt chúng nữa, tránh đi phần nào sát nghiệp.

Con người đã gây ra quá nhiều nợ máu với chúng sinh, mỗi một sinh mạng chết đi đều sinh ra oán khí và oán khí này lại tác động lên con người. Việc thường xuyên ăn và sát mạng chúng sinh muôn loài làm cho con người trở nên hung hãn, khát máu

và sống xa rời đạo đức. Từ đó, hệ tư tưởng của con người lẫn luồng oán khí của các loài động vật đã tạo nên một sức mạnh mãnh liệt tác động đến chu kỳ phát triển của thế giới này, làm cho chu kỳ ấy hướng dần đến sự hủy diệt, mà điển hình là thiên tai, dịch bệnh dễ truyền nhiễm.

2. Ăn chay giúp cơ thể và tinh thần được khỏe mạnh, thanh khiết

Con người là động vật ăn cỏ, có cấu tạo hàm răng và bộ tiêu hóa phù hợp với việc ăn thực vật, thế nên khi ăn động vật, hai cơ quan ấy sẽ phải làm việc nhiều hơn bình thường. Năng lượng mà con người hấp thu được từ thực phẩm có nguồn gốc động vật cũng không bao nhiêu, vì năng lượng dành cho việc tiêu hóa thức ăn đã khá tốn kém.

Điển hình là việc, những người dùng nhiều thịt cá trong bữa ăn thường cảm thấy mệt mỏi, nặng bụng và buồn ngủ vì khó tiêu hóa thức ăn, năng lượng dự trữ phải dồn cho việc tiêu hóa, trí não không thể làm việc linh hoạt. Trong khi đó, nếu con người ăn thực vật thì bên trong các loại ngũ cốc, rau quả và trái cây đã có một nguồn năng lượng dồi dào các loại vitamin, khoáng chất cần thiết. Những thực phẩm này hoàn toàn đủ cung cấp năng lượng cho cơ

thể, mà việc tiêu hóa thức ăn cũng ít tốn kém năng lượng hơn.

Mỗi khi động vật bị giết, chúng sẽ nảy sinh luồng oán khí mãnh liệt, oán khí này tích tụ khắp trong toàn bộ da thịt chúng. Con người ăn thịt này vào sẽ làm cho tinh thần trở nên mệt mỏi, có xu hướng về vật chất, những dục vọng thấp kém trong cuộc sống, cơ thể cũng nảy sinh các độc khí, trực khí dễ dẫn đến bệnh tật. Khi ăn chay thường xuyên, tinh thần sẽ trở nên minh mẫn, sáng suốt, ít nghĩ đến những dục vọng tầm thường trong cuộc sống, cơ thể cũng ngày càng khỏe mạnh. Tuy nhiên, người ăn chay cũng chia thành hai dạng:

• Ăn chay mà trở nên năng động, linh hoạt

Bản thân con người là một Tiểu Vũ Trụ. Tiểu Vũ Trụ này sẽ được lớn mạnh khi cả thể xác, trí não tinh thần đều được thống nhất hướng về đạo đức.

Khi ấy, cơ thể con người sẽ giống như một khu vườn tươi tốt màu mỡ với đầy đủ các chất dinh dưỡng. Thực phẩm có nguồn gốc thực vật khi đưa vào cơ thể sẽ dễ dàng được hấp thu một cách trọn vẹn, giống như những hạt giống được gieo trồng sẽ sinh sôi nảy nở xanh tươi, đơm hoa kết trái. Do vậy, người ăn chay có tâm hồn thiện lương sẽ luôn luôn

khỏe mạnh, năng động và tràn đầy nhiệt huyết trong cuộc sống.

- **Ăn chay nhưng lại trở nên chậm chạp, thiếu năng động**

Có những người ăn chay nhưng tâm tình của họ chứa đầy tham sân si, còn thêm ăn da thịt động vật, thiếu tình thương yêu muôn loài.

Khi ấy, cơ thể của họ cũng trở thành một Tiểu Vũ Trụ kiệt quệ, giống như một vùng đất hoang vu, khô cằn vì thể xác, trí não tinh thần đã không thống nhất hướng về đạo đức. Vì thế mà họ không thể hấp thu được nguồn năng lượng dồi dào từ thực vật, dần dần trở nên mù mẫn, suy nhược, thiếu năng động trong cuộc sống.

3. Ăn chay là góp phần tiết kiệm tài vật

Có những món ăn được chế biến từ các loại động vật sơn hào hải vị đắt tiền như bào ngư, vi cá, yến sào, hải sâm... mà chỉ vì một bữa ăn, người ta phải chi rất nhiều tiền vào đó, trong khi trên thế giới còn rất nhiều người đang phải chết đói, không có gì để lót dạ.

Thêm vào đó, việc lên rừng xuống biển, leo núi

để tìm ra những món ăn quý hiếm vô cùng nguy hiểm. Những người đi tìm nguyên liệu này luôn phải đối mặt với Tử Thần, nhưng để kiếm miếng ăn họ phải chấp nhận nguy hiểm. Vô tình người muốn ăn ngon gián tiếp đẩy người khác vào chỗ hiểm nguy chực chờ cái chết.

Trong khi đó, các món ăn chay đạm bạc có nguồn gốc từ thực vật như trái cây, rau củ quả thì rất dễ trồng, không nguy hiểm và chi phí để có được một bữa ăn đầy dinh dưỡng cũng khá rẻ, không tốn kém là bao.

Đức Thượng Đế đã tạo ra chúng sinh với những điều tốt đẹp nhất. Và Người cũng tạo cho chúng sinh những điều kiện về ăn ở một cách đủ đầy. Nếu ai đi hơn giới hạn ấy thì phải trả giá bằng chính sức khỏe, sinh mạng của mình. Chẳng hạn như những người thường ăn các món đồ ngon, bỏ sẽ dễ bị mắc các chứng bệnh nguy hiểm như tiểu đường, sạn thận, cao huyết áp... do cơ thể đã dư thừa chất dinh dưỡng mà cứ muốn nạp thêm cho nó.

Vậy tại sao con người không ăn chay để mang lại sự an toàn, sức khỏe cho cơ thể và sự thanh thản nhẹ nhàng trong tâm hồn?

Chỉ vì sự ngon miệng của bản thân mình trong chốc lát mà phải sát mạng một sinh vật cũng muốn sống như mình, tạo điều kiện gây nguy hiểm đến

tính mạng cho những người phải vất vả tìm kiếm những nguyên liệu quý hiếm trong thiên nhiên để thỏa mãn khoái lạc của cơ thể.

Ngày xưa, khi xã hội chưa phát triển thì việc ăn ở khó khăn, nhu cầu của con người chỉ cần ăn đủ no, mặc đủ lành, ấm. Nhưng ngày nay thì với đà phát triển của xã hội ngày càng cao, con người có những nhu cầu lớn hơn như ăn phải ngon, bổ, mặc phải đẹp, mới lạ. Chính những nhu cầu xa xỉ này dẫn đến việc hoang phí tiền của và sức lao động vào những bữa ăn thịnh soạn, những bộ đồ đắt tiền. Trong khi xã hội còn rất nhiều người vì kém may mắn trong cuộc sống mà thiếu ăn, thiếu mặc, tất bật lo toan từng bữa. Vì thế mà ăn chay cũng góp phần tiết kiệm để ta có thể dùng chút tiền ít ỏi dư thừa của mình giúp đỡ cho những người còn đang khó khăn, cũng là thể hiện tình thương yêu đồng loại vậy.

Cảnh giới cuối cùng của việc ăn chay

Ăn chay nghĩa là ăn thanh tịnh, trong sạch. Năng lượng cung cấp cho cơ thể gồm hai loại: năng lượng hữu hình và năng lượng vô hình.

- Năng lượng hữu hình là nguồn lương thực, thực phẩm, vật chất mà ta cung cấp cho cơ thể.

- Năng lượng vô hình là nguồn năng lượng có

trong thiên nhiên. Trong thiên nhiên thì có ánh sáng mặt trời, khí oxy và các chất khí khác được gọi chung là sinh khí. Sinh khí này mang hai tính âm dương kết hợp với nhau, tồn tại khắp nơi trong vũ trụ. Nhờ có nguồn năng lượng này mà vạn vật được hình thành và bảo tồn, phát triển bền vững.

Giả sử năng lượng cung cấp cho sự sống của vạn vật là 100% bao gồm cả hữu hình và vô hình.

- Các loài thực vật thì hấp thu dưỡng chất này khoảng 60% vô hình, và 40% hữu hình còn lại là nước và các chất dinh dưỡng có trong đất.

- Động vật ăn cỏ thì hấp thu 40% vô hình và 60% hữu hình là thực vật và các dưỡng chất khác. Động vật ăn thịt thì hấp thu 20% vô hình và 80% hữu hình từ động vật ăn cỏ.

- Đối với con người, nếu vừa ăn thịt vừa ăn thực vật thì hấp thu 30% vô hình và 70% hữu hình. Nếu ăn chay trường, chỉ toàn ăn thực vật thì sẽ là 40% vô hình và 60% hữu hình.

Hành giả tu Đạo nhờ vào các bài tập thể dục để nâng cao sức mạnh thể chất lẫn tinh thần, việc hấp thu sinh khí trực tiếp từ thiên nhiên sẽ trở nên dễ dàng qua việc hít thở điều đặn và đúng phương pháp. Khi ấy, việc ăn uống sẽ được giảm dần, năng lượng cung cấp cho cơ thể sẽ tăng dần bên cán cân vô hình và giảm thiểu bên cán cân hữu hình. Năng

lượng hữu hình này giảm dần đến khi hành giả chỉ còn uống nước để cung cấp năng lượng hữu hình cho cơ thể, là lúc gần đến giới hạn cuối cùng.

Đến cảnh giới cuối cùng của người đắc Đạo chính là lúc cả thể xác, trí não tinh thần và tâm ý đều thống nhất, trở nên trọn lành trong sạch. Hành giả sẽ hòa mình vào thiên nhiên, trở thành một phần trong thiên nhiên. Lúc bấy giờ, hành giả sẽ không cần phải uống nước nữa, chỉ cần hấp thu sinh khí từ Thiên Địa mà thôi, tất cả nguồn năng lượng cung cấp cho cơ thể đều là vô hình. Đó chính là trường hợp của các vị Tiên, Phật sống tại thế.

Hiện nay, tại vài ngôi chùa ở Ấn Độ và trên đỉnh Himalaya có một số cao tăng, đạo sĩ mà quanh năm suốt tháng chỉ uống một ít nước mà thôi.

Có những giáo phái đặc biệt hoàn toàn hòa mình vào thiên nhiên trong những khu rừng ít người biết đến ở khu vực dãy Himalaya. Tín đồ những giáo phái này không mặc quần áo chi cả, chỉ ăn trái cây, uống nước trong rừng và sống chung với muông thú. Vào những mùa mà côn trùng sinh sản thì tín đồ tự nhốt mình trong những túp lều nhỏ và hạn chế sinh hoạt đi lại để tránh giẫm phải côn trùng. Chính vì việc không mặc quần áo của tín đồ mà các giáo phái này chỉ tồn tại trong một phạm vi nhỏ, không thể lan truyền ra ngoài được.

Tám chặng đường trai tịnh ẩm thực

Từ thuở xa xưa, các hành giả tu tập Đạo Gia Khí Công Dưỡng Sinh cần thực hiện các bài tập công phu rèn luyện cả về thân thể lẫn tâm trí. Trong đó trai tịnh ẩm thực, đặc biệt là Tịch Cốc Trai, là một trong những phương thức công phu ấy.

Ăn chay mà chúng ta thường hay dùng xuất phát từ chữ Trai 齋 trong tiếng Hán, có nghĩa là trong sạch, ngăn tham dục, bữa ăn chay. Đối với việc ăn uống dưỡng sinh, có các giai đoạn rèn luyện thân tâm cụ thể như sau.

1. Kỳ Trai

- Kỳ Trai là chế độ ẩm thực mà mỗi tháng người ta sẽ ăn chay một số ngày nhất định để tập cho thân tâm dần thanh tịnh, mở lòng từ bi yêu thương đến muôn loài.

- Người thực hiện có thể sử dụng tất cả các thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật. Tỉnh thoảng có thể

dính vào một vài buổi ăn có nguồn gốc từ động vật như trứng, sữa động vật, mật ong, tổ yến, cà phê chồn... hay những món ăn tuy là thực vật nhưng có liên quan đến động vật, hoặc việc khai thác thực phẩm ấy gây đau đớn, khổ sở cho động vật.

- Trai kỳ thường là 4, 6, 10, 15, 20 ngày/tháng.

2. Thường Trai

Thường Trai là chế độ ẩm thực mà người thực hiện sẽ ăn chay xuyên suốt tháng, tuy nhiên vẫn chưa thuần khiết, còn dính một số thực phẩm bất tịnh như Kỳ Trai. Cả hai trường hợp này đều không được xem là trai tịnh mà chỉ xem là ăn kiêng.

3. Trường Trai

Trường Trai là chế độ ẩm thực chỉ sử dụng các thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật, hoàn toàn không liên quan đến động vật.

4. Tịch Cốc Trai

- Tịch Cốc Trai là chế độ ẩm thực không sử dụng ngũ cốc, hạt có thể nảy mầm, cũng như các thực phẩm được chế biến hay chiết xuất từ ngũ cốc.

Chế độ ăn uống này giúp hành giả mở lòng yêu thương đến muôn loài nhiều hơn, trân trọng từng sinh mạng nhỏ bé của các loài thảo mộc chứ không chỉ riêng các loài động vật.

- Khi thực hiện chế độ Tịch Cốc Trai cần lắng nghe, quán sát cơ thể thường xuyên, thiếu gì, cần gì, thèm gì thì cung cấp cho cơ thể để giữ trạng thái điều hòa, cân bằng và đủ chất. Ở khía cạnh dưỡng sinh thì cơ thể khỏe mạnh khi Ngũ Hành, Âm Dương được cân bằng. Vậy nên cần bổ sung đầy đủ các loại vị và màu sắc tượng trưng cho Ngũ Hành trong thực đơn mỗi ngày.

+ Về màu sắc thì dùng đủ các loại thực phẩm có phần vỏ hoặc cơm có màu xanh, đỏ, tím, vàng, cam, trắng, đen.

+ Về tính vị thì dùng đủ các loại thực phẩm có vị ngọt, mặn, chua, cay, đắng, chát.

- Chế độ dinh dưỡng này giúp cơ thể lẫn tinh thần được nhẹ nhàng, linh hoạt năng động cho nên cực kỳ tốt đối với người thường làm công việc trí não, văn phòng. Người lao động tay chân thì cần công phu tập luyện khí công, hít thở điều hòa khí huyết thường xuyên vẫn theo chế độ Tịch Cốc Trai được.

*** Các loại thực phẩm nên và không nên dùng, không khuyến khích**

- Có thể dùng rau, củ, lá cây và trái cây, nhưng cần lưu ý:

+ Khi ăn trái cây cần tách phần hạt ra và rải vào đất, hạn chế tối đa việc vứt bỏ hạt vào thùng rác.

+ Việc dùng củ cũng có phần dính sát nghiệp nhưng tạm chấp nhận được. Không dùng các loại củ đã nảy mầm.

+ Khi dùng rau thì chỉ cắt một phần ngọn của cây, dùng lá cây mà không bứng luôn phần gốc, hoặc không cắt quá sát gốc để cây có thể tiếp tục sống được, không gây sát sinh đối với cây. Không dùng các loại thực vật còn non, chứa đựng sức sống mãnh liệt như giá, rau mầm, cải con.

- Nên dùng khoai lang, khoai tây, củ năng, củ sắn, khoai mì, sắn dây và các loại bột từ củ.

- Nên dùng xoài, cam, chanh, tắc, bưởi, măng cầu, lê, táo, nho. Nếu có ăn dâu tây thì cần gọt phần hạt dâu bên ngoài ra chỉ dùng phần cơm của trái dâu, hơi cực nên cũng không khuyến khích dùng. Không nên ăn chuối, thanh long, các loại trái cây nhiều hạt cũng vì lý do này.

- Nên uống các loại nước ép trái cây thường xuyên. Vào mỗi buổi sáng trước khi ăn nên uống

một ly nước chanh có pha một chút muối, hoặc thêm chút đường tùy ý để thanh lọc cơ thể.

- Nên uống các loại trà xanh, trà đen, trà thảo dược tùy thích chỉ cần không có thành phần hạt mầm là được. Không nên dùng các loại trà lá cây cỏ thụ vì hầu hết là khai thác đến kiệt quệ, gây hại đến cây trà cỏ thụ nặng nề không phục hồi được, làm cây chết.

- Không nên dùng tỏi, hành tím, hành tây vì thường mầm sống rất nhanh mọc mầm ở các loại củ này. Nên dùng vỏ quế, lá bạc hà, hành lá, rau ngò và một số rau mùi khác để thay thế cho tiêu, hành, tỏi.

- Không nên dùng các loại nấm linh chi cỏ thụ vì chúng thường có thọ mạng rất dài. Có thể dùng các loại nấm thông dụng như nấm đông cô, nấm hương, nấm rơm, nấm mèo, nấm mối, nấm bào ngư, nấm kim châm, nấm mỡ, nấm linh chi loại trồng thu hoạch ngắn ngày. Vì thọ mạng của các loài nấm này rất ngắn, có khi chỉ 1 - 2 ngày nên sát nghiệp không quá nặng nề, tạm dùng được.

- Có thể dùng các loại rong biển xanh chuyên dùng nấu canh, hoặc rong biển chân vịt làm gỏi và nấu rau câu.

+ Không nên dùng rong biển loại nâu đen và quá mềm vì thường là hàng không chất lượng, hoặc đã qua chiết xuất chỉ còn xác ít hương vị nên sẽ bị tẩm màu, mùi.

+ Không nên dùng rong biển chế biến sẵn dạng cắt lát để cuốn sushi, vì thường là hàng có chất bảo quản lẫn nguồn không an toàn, có dính đến dầu hoặc chiết xuất từ tôm, cá.

- Nên nêm nếm gia vị vừa phải, hoặc không nêm để thưởng thức hương vị tự nhiên của rau củ thì càng tốt.

+ Không nên dùng bột nêm, hạt nêm, mì chính.

+ Không nên dùng đường tinh luyện công nghiệp, chỉ nên dùng đường mía, đường từ củ cải hay thốt nốt tự nấu theo phương thức cổ truyền. Có thể lấy vị ngọt từ củ ngọt, vỏ của la hán quả, vỏ quế...

- Không nên dùng dầu chiết xuất từ các loại hạt đậu như dầu nành, dầu mè, dầu phộng, dầu ô liu, hoặc dầu cọ (đem lại nhiều mối nguy hại đến môi trường cũng như sức khỏe con người), hay dầu dừa (được nấu từ cơm dừa của quả dừa chín già nên cũng thường xuyên có mầm cây dừa).

- Không nên dùng các thực phẩm đã lên men như chao đậu, rượu trái cây, rượu nếp hay nước tương, tương hột, mắm đậu, mắm ruốc chay, nước mắm chay.

5. Quả Vật Trai

Quả Vật Trai là chế độ ẩm thực chỉ dùng các loại rau, lá cây, trái cây mà không dùng củ. Hầu như chỉ dùng đồ tươi, không qua chế biến nấu nướng nữa.

6. Dã Thái Trai

Dã Thái Trai là chế độ ẩm thực chỉ dùng rau và lá cây, không còn dùng củ và trái cây.

7. Tịnh Thủy Trai

Tịnh Thủy Trai là chế độ dinh dưỡng chỉ dùng nước uống, hấp thu năng lượng qua việc uống nước và hít thở không khí trong lành mà nuôi sống thân. Không ăn bất kỳ thứ gì khác ngoài việc uống nước.

8. Hấp Khí Trai

- Hấp Khí Trai là chế độ dinh dưỡng nuôi sống thân bằng việc hít thở, hấp thu năng lượng thông qua hơi thở của không khí thanh khiết. Đây là cảnh giới cao nhất của hành giả Đạo Gia Khí Công Dưỡng Sinh.

- Thời gian công phu độ khoảng từ 4 - 7 giờ sáng, ở nơi thanh tịnh, không khí trong lành.

*** Chia sẻ kinh nghiệm bản thân**

Trước đây mình đã từng thực hiện đầy đủ cả 8 giai đoạn này và sức khỏe rất ổn định, hoàn toàn không có bất kỳ bệnh tật gì. Sau này, do môi trường sống bị ô nhiễm, việc hấp thu năng lượng từ không khí là rất khó và hầu như là thiếu, không đủ dưỡng chất. Khi hít vào không khí ô nhiễm, bản thân phải công phu giải độc ra khỏi cơ thể rất mất thời gian.

Thêm một phần do mình làm hệ thống hàng quán chay khá bận rộn nên ăn uống dần trở lại ở mức 3, có khi vướng vào mức 2 do ăn trúng vài món bất tịnh có nguồn gốc động vật thì mệt mỏi và trúng độc rất nặng. Đạo gần đây, cơ thể phản ứng đào thải cả với thực phẩm an toàn, sạch có nguồn gốc là ngũ cốc nên mình quyết định trở lại chế độ Tịch Cốc Trai.

Ngoài việc ăn uống tự nhiên, nhẹ nhàng thanh đạm, thì với chế độ Tịch Cốc Trai, chúng ta cần lưu ý thêm một số điều sau đây:

- Nên lựa chọn nguồn nguyên liệu sạch, an toàn. Thực phẩm đã có mùi, có màu bị tái sạm không tươi thì không nên dùng.

- Cách thức chế biến món ăn nên là hấp, luộc hoặc nấu vừa phải, không khuyến khích việc nướng, chiên hay rán với dầu. Tránh việc nấu quá chín thức ăn để giữ độ tươi xanh, đồng thời tránh để thức ăn vào tủ lạnh rồi hâm nóng lại ăn, nhất là qua đêm thì càng không nên.

- Thiếu dục tri túc là ăn ít mà lại no đủ, ít ham muốn, tiết chế thân tâm thì tự nhiên an lạc vậy. Có thể ăn nhẹ vừa đủ no, bất kỳ lúc nào đói thì dùng đồ ăn thức uống tùy ý để qua cơn đói.

- Các sinh hoạt giao tế bình thường luôn giữ vui tươi hòa nhã, nhẹ nhàng. Ít lời nhiều ý, không nói hay làm việc thừa những điều không ích lợi cho bản thân hay người xung quanh.

- Kết hợp xoa bóp ấn huyết cột sống, lòng bàn tay và phần mặt thường xuyên để giúp điều hòa kinh mạch thật tốt.

Công việc hằng ngày của mình thường là viết và biên tập sách về tâm linh, sức khỏe, đồng thời tự sao và chế biến các món trà thảo dược. Chăm sóc mấy bầy chim, chuột, cá, chó, mèo. Gặp gỡ chia sẻ, tư vấn trực tiếp hoặc online các vấn đề liên quan đến việc làm sao để có được cuộc sống an lành, lạc quan, hạnh phúc... Những việc như thế thực sự rất mệt mỏi thân tâm do tiếp xúc nhiều ca rất mỗi năo. Dù vậy mình vẫn dành được chút thời gian nghỉ ngơi, tự

nấu tự dùng các món đơn giản và tự thấy mình an lạc, hạnh phúc với hiện tại.

- Mỗi ngày mình thường ngồi điều tức hơi thở từ 1 lần đến 4 lần, mỗi lần khoảng 5 - 20 phút, thỉnh thoảng lâu hơn. Có khi thì lúc ngồi điều tức quán tâm mình sẽ tụng kinh để nhắc nhở, giữ mình noi theo tấm gương đạo đức của chư vị tiền nhân.

- Mình thường làm phép quán tâm mỗi hai tiếng một lần để lắng nghe bản thân cần gì, nên làm gì. Tự đặt cho mình những câu hỏi như mình có đang sống đúng với lương tâm mình hay không, đúng với lý tưởng mình đặt ra hay không, hai giờ trôi qua mình có làm được điều chi hữu ích cho bản thân và người xung quanh hay không.

- Tuy mình thuộc dạng ngủ ít, đã xuyên suốt khoảng 20 năm nay, mỗi ngày ngủ chừng 2 - 6 giờ, mà thường xuyên là 2 - 3 giờ. Giờ ngủ thường là 8:00 - 11:00, nhưng cơ thể luôn khỏe mạnh, mắt không thâm quầng, chỉ bị trúng độc gây bệnh khi ăn trúng đồ bất tịnh hay hóa chất bảo quản độc hại.

Ban đầu tập ăn uống theo chế độ này sẽ gặp khá nhiều khó khăn, vì không dùng ngũ cốc và các loại tinh bột từ ngũ cốc là loại bỏ các món bánh ra khỏi thực đơn, không dùng cơm, phở, không dùng bánh mì nữa. Thực sự không dễ, nhưng tập dần thì sẽ quen.

Mấu chốt của chế độ Tịch Cốc Trai là quan tâm, nghĩ về sự sống của thảo mộc, tâm tình muốn sống của các loài thảo mộc, từ đó yêu thương, trân trọng sinh mạng nên sẽ tự nhiên không thể dùng hạt hay gây tổn hại đến mầm sống.

Lợi ích dễ nhận thấy nhất là giúp cơ thể hồi phục, tự điều trị các chứng rối loạn thân tâm gây nên bệnh tật. Da dẻ hồng hào tươi trẻ, chống lão hóa, tiêu trừ các nếp nhăn trên cơ thể. Thực hành chế độ này quen rồi sẽ có thể đào luyện thân tâm tinh tấn lên thêm ở những chế độ ẩm thực tinh khiết, thanh nhẹ hơn.

Thiền tịnh

Khái niệm

Thiền, theo nghĩa cơ bản nghĩa là vắng lặng suy xét, phủi sạch, quét sạch.

Đức Lục Tổ Huệ Năng có nói:

“Thiền nghĩa là để tâm không rời xa Đạo Pháp, mà vẫn thực hành các việc trong đời sống sinh hoạt thường ngày.”

Thế nào là tâm không rời xa Đạo Pháp mà vẫn làm các việc sinh hoạt thường ngày? Là tâm tư, ý chí, tinh thần của mình tập trung làm việc mình đang làm, không vẩn vơ lan man.

Ăn thì đơn giản là ăn.

Ngủ đơn giản là ngủ.

Uống trà đơn giản là uống trà.

Đi thì đơn giản là đi.

Khi ăn thì tập trung ăn, nhai, cảm nhận hương vị của món ăn. Không nói chuyện xao lãng việc ăn. Ăn xong thì quán chiếu lại vì sao có được bữa ăn ấy, từ việc trồng trọt, chăm sóc hạt giống đến khi ra quả là bao công lao người trồng cây. Kế đến là

việc vận chuyển, mua bán để món nguyên liệu ấy đến được tay người nấu. Người nấu phải ra công ra sức, đổ dồn tâm tư của mình vào đó để có được một món ăn ngon cho mình ăn. Nên biết ơn tất cả những người đó, biết ơn món ăn ấy vì để cho mình ăn nó chứa đựng một sự hy sinh to lớn của thực vật ấy. Biết ơn và trân trọng, lặng lẽ thưởng thức, tập trung chuyên tâm vào ăn, không nói chuyện lan man. Đó là Thực Thiền.

Ngủ là quá trình để cơ thể nghỉ ngơi, xả bỏ những mệt mỏi, phiền não của thân xác lẫn tinh thần, trí não. Nên ngủ thì nằm xuống là ngủ. Không có nằm nói chuyện với nhau hoặc làm các việc lẩn tránh khác, thực sự để cho thân tâm thư giãn. Đó là Miên Thiền, Ngọa Thiền.

Khi uống trà thì đơn giản là thưởng thức chén trà. Từ lúc chuẩn bị pha trà cho đến khi có được chén trà để uống, tập trung vào việc ấy, quán chiếu các duyên nghiệp để có được chén trà. Từ công lao trồng trọt, thu hái, sao chế đến người trà nhân, pha được chén trà đều chứa đựng tâm tư trong ấy. Nước trà, lá trà, ta đều mang nặng ân tình ấy. Lặng lẽ thưởng thức chén trà trong tĩnh thức, nghiêm túc, tập trung, uống xong thì phát lòng biết ơn đối với các mối duyên liên quan đến trà. Như vậy gọi là Trà Thiền, Âm Thiền.

Khi đi thì ta cần xác định, định hướng rõ ta sẽ đi đâu, đến đâu. Chỉ vậy, lặng lẽ đi, lặng lẽ tiến về mục tiêu đã định, không sao nhãng ngó quanh, không nói chuyện lung tung. Tập trung vào việc đi đến mục tiêu, nhẹ nhàng, thông thả, không căng thẳng, không gấp rút, hoàn toàn thư giãn. Như vậy gọi là Hành Thiền.

Kẻ sơ nhiều đó để hiểu thiền là để tâm không rời xa Đạo Pháp mà vẫn làm các việc sinh hoạt hàng ngày là như thế.

Không để tâm ý hơn thua, được mất, tranh đấu vào các việc mình làm. Cứ làm tốt nhất việc của mình đã định, cần làm là được. Việc ấy, không gây hại cho chúng sinh, là hợp lẽ Đạo.

“Bất tranh nhi thiện thắng, bất tranh chi vị Đạo.”

Đó là hai câu mà Đức Lão Tử đã dạy trong Đạo Đức Kinh, cũng chính là ý thiền giữa đời thường chẳng khác.

Các hình thức của thiền

*** Ngoại Thiền, Nội Thiền và Tự Tánh Thiền**

Ngoại Thiền là sử dụng các pháp phương tiện như chân ngôn, mật chú, số đếm, hình ảnh để nhìn, quán chiếu, âm thanh du dương để tịnh tâm, mượn

phương tiện bên ngoài để phủi sạch tạp niệm, tà kiến, phiền não vọng động. Tất cả những phương thức như thế đều xếp chung thành Ngoại Thiền, tức có lực tác động từ bên ngoài để tâm tình được thanh tịnh, tập trung vào hơi thở, những việc mình cần làm. Thiền quán chiếu hình ảnh chư vị, thiền đếm hơi thở, niệm mật chú chân ngôn khi thiền, nhìn hình ảnh tôn tượng chư vị khi thiền, nghe nhạc khi thiền đều xếp vào nhóm Ngoại Thiền.

Nội Thiền là quay lại với bản thân từ bên trong mình, quán chiếu thân tâm các duyên thiện ác nghiệp của mình, từ đó nhận thức được các việc mình nên làm, không nên làm, sám hối các việc bất thiện đã qua để không tái phạm. Tức là dùng sự minh triết, trí tuệ, từ bi tâm của bản thân để phủi sạch phiền não vọng động của thân tâm. Thiền minh sát, thiền quán chiếu duyên nghiệp thân tâm, thiền để sám hối tội lỗi, thiền quán chiếu lại bệnh tật trong người đều được xếp vào Nội Thiền.

Cả hai phương thức Nội Thiền và Ngoại Thiền này đều được áp dụng rất phổ biến, có khi là đan xen, song hành cùng nhau bởi hành giả trong các giai đoạn, thời khắc công phu khác nhau giữa đời sống thường nhật.

Tự Tánh Thiền là tự tâm tánh đã thường xuyên vắng lặng, trong sạch, chẳng nhiễm bụi trần, phiền

não, cầu uế mà cần phải quét sạch. Về việc này, chỉ về tính chất của Chân Tánh khi thân tâm đã hòa vào Đạo tự nhiên. Hoặc là sau một quá trình lâu dài hành trì công phu Nội Ngoại Thiền, sau khi đã giác ngộ được Đạo lý, lẽ tự nhiên, vô thường và không còn bám chấp các lý sự của cuộc đời. Lúc đó tâm tánh vắng lặng, trong sạch chẳng nhiễm, cũng được gọi là Tự Tánh Thiền vậy.

*** Thiền Điều Túc**

Để giữ được thân tâm thanh tịnh thì việc điều túc, tức là điều hòa hơi thở rất quan trọng.

Hít vào và thở ra nên đều nhau. Có thể đếm nhịp hơi thở bằng số thứ tự hoặc bằng việc đọc những câu chân ngôn, mật chú ngắn. Hít vào một câu, thở ra một câu, tốc độ đều như nhau. Hít vào đếm bao nhiêu số, thở ra đếm bấy nhiêu số, tốc độ đếm như nhau.

Nhẹ nhàng trong từng hơi thở, hít vào lồng ngực căng đầy hơi, thở hết hơi ép sát lồng ngực lại. Hành giả đã tập luyện quen với việc hít vào thở ra đầy lồng ngực, thì đưa tiếp cơ hoành ở vùng bụng và hạ đan điền vào quá trình hít thở. Hít vào ngực, bụng đầy hơi, thở ra đẩy hết hơi ở bụng và ngực ra ngoài thật nhẹ nhàng, sâu lắng.

Cả quá trình hít thở sẽ giúp cho thân tâm dễ dàng thanh tịnh, khi trí não lo việc điều khiển cơ thể hít thở, sẽ không bị lan man suy nghĩ các việc khác. Bộ máy cơ thể được hoạt động đúng, đủ các chức năng mà ngày thường chúng ta không làm, sẽ có được một sức khỏe tốt, phục hồi các cơ quan nội tạng, hệ bài tiết và hô hấp một cách toàn vẹn.

Thông qua quá trình hít thở này, trí não tinh thần được thư giãn mà giải trừ căng thẳng, mệt mỏi, thân tâm sớm được thăng bằng. Nhờ vậy, các loại bệnh tật, mầm mống bệnh tật cũng như các sự rối loạn khí trong cơ thể sẽ được giải phóng, trung hòa một cách nhanh chóng và tích cực.

Các tư thế Tọa Thiền thông dụng

1. Ấn Túc Tọa

- Ngồi xếp bằng bình thường, hai chân bắt chéo vào nhau, hai cạnh của mu bàn chân đặt chạm nền sàn chỗ ngồi, hai lòng bàn chân ép sát vào đùi.

- Tư thế này giúp giữ ấm hai lòng bàn chân và cơ thể, là thế ngồi rất tốt khi thời tiết lạnh, ngăn ngừa được các bệnh tật do khí trời thay đổi bất thường.

2. Bán Già Tọa - Bán Liên Hoa Tọa

- Một chân đặt gác lên bên trên chân còn lại, lòng bàn chân bên trên sẽ thường là ngửa, lòng bàn chân dưới áp vào đùi đối xứng.

- Tư thế này giúp người mới tập ngồi thiền giữ thăng bằng được dễ dàng thuận tiện.

3. Cát Già Tọa - Cát Tường Tọa - Liên Hoa Tọa

- Cả hai chân gác chéo lên nhau bên trên đùi, hai lòng bàn chân đều ngửa lên trên.

- Tư thế này hơi khó giữ thăng bằng, có công dụng dễ làm hành giả mất cảm giác nơi chân, vì vậy nhập định sẽ tương đối nhanh hơn.

4. Điểm Hỏa Tọa

- Một gót chân đặt ấn vào khu vực đại huyệt luân xa thứ nhất, chân còn lại đặt lên bên trên, gót ấn vào đại huyệt luân xa thứ hai.

- Điểm Hỏa Tọa tác động một lực mang năng lượng dương tính vào hai đại huyệt luân xa. Tư thế này kích thích quá trình hấp thu năng lượng tích cực, đồng thời chuyển hóa dòng năng lượng trong cơ thể

lưu chuyển mạnh mẽ, giúp điều hòa khí huyết trị bệnh rất tốt.

5. Tĩnh Túc Tọa

- Hai gối gập lại, chân duỗi thẳng về phía sau song song nhau, hành giả ngồi trên hai lòng bàn chân nằm ngửa.

- Tư thế này giúp thân tâm hành giả được dễ dàng tịnh lặng, giữ ấm cho hai lòng bàn chân rất hiệu quả.

6. Cao Sơn Tọa

- Hai chân khép sát lại, giữ hai gối song song nhau, ngồi thành góc vuông thẳng đứng so với mặt đất. Hai bàn chân duỗi ra hai bên vuông góc với chân và thân, lòng bàn chân hướng về phía sau.

- Tư thế này giúp thân thể dẻo dai, rèn luyện tinh thần, ý chí mạnh mẽ trước các thế sự diễn ra quanh mình vẫn không hề bị lay động.

Thông Linh Chỉ

Nguồn gốc

Từ thời TỐI CỔ, chư hành giả Đạo Gia thường dùng những chiếc nhẫn làm cầu nối, sợi dây liên kết tương thông cùng chư linh khắp Tam Giới. Nhẫn này được gọi là Thông Linh Chỉ.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Thông Linh Chỉ thường được làm từ kim loại như thanh đồng, tương tư thảo, bạch ngọc, mã não, hồng mịch, ngũ sắc mịch... Tùy vào nguồn nguyên liệu tinh luyện hợp thành, pháp bảo này sẽ có linh khí và tính chất năng lượng đặc trưng khác nhau.

- Thông Linh Chỉ thường có hình dạng vòng tròn, trơn láng, nhỏ gọn, có thể đeo vừa ở ngón tay hoặc được luồn dây đeo nơi cổ. Hiếm khi Thông Linh Chỉ có khảm nạm thêm trân bảo hay điêu khắc hoa văn, phù điêu bên trên bề mặt nhẫn. Thông Linh Chỉ cũng có thể được mang theo bên mình bằng cách gắn chung với vòng đeo tay, hoặc là đeo bên

hông như mảnh ngọc bội giắt lưng, hay là gắn vào pháp khí mà hành giả luôn mang theo bên mình cũng tốt.

- Như tên gọi của Thông Linh Chỉ, khả năng đặc trưng nhất của pháp bảo này chính là làm cầu nối giúp người đeo nhẫn câu thông, tương tác với chư linh thể khắp Tam Giới. Mỗi chiếc nhẫn sẽ có một trường năng lượng riêng biệt bao phủ, với bán kính khoảng chừng 3 thước. Người đeo Thông Linh Chỉ trên tay, hoặc cất giữ Thông Linh Chỉ bên mình trong phạm vi bán kính năng lượng của nhẫn đều có thể tương tác với nhẫn.

- Vì nhẫn là một pháp khí Đạo Gia, hành giả sử dụng nhẫn cũng là một hình thức tu tập rèn luyện thân tâm của mình. Chư linh thể khắp Tam Giới vì hiểu rằng người đeo nhẫn có thể tương tác với họ, nên họ có xu hướng thích tiếp cận với chủ nhân của Thông Linh Chỉ. Lúc bấy giờ, xung quanh hành giả ấy thường xảy ra những sự lạ do chư linh thể vô hình tác động. Những người không có ăn chay tu tập, không phải hành giả có từ bi tâm, không đủ lòng can đảm dám đối diện các sự lạ xảy đến trong cuộc sống thường nhật thì không nên đeo, không nên cất giữ Thông Linh Chỉ bên mình.

- Từ xa xưa, Thông Linh Chỉ được sử dụng như là tín vật đại biểu cho một môn phái, một dòng pháp

tu luyện. Các hành giả đồng môn có xu hướng dùng Thông Linh Chi có màu sắc, hình dạng và nguyên liệu tinh luyện lẫn giống nhau. Từ đó, Thông Linh Chi giúp mỗi dây liên kết tâm tư tình cảm, thể nguyện của các hành giả được gắn bó đồng điệu, có thể thấu hiểu, chia sẻ với nhau được thuận tiện hơn.

- Thông Linh Chi giúp cho năng lượng của hành giả được điều hòa ổn định. Nhờ vậy, hành giả có thể giữ được tâm tình bình ổn trước các lý sự xảy đến với mình trên đường Đồi lẫn đường Đạo. Việc lẫn trở nên vẫn đục nhắc nhở hành giả biết được khí lực của mình đang gặp rắc rối, hoặc nơi mình thường sinh hoạt, công phu đang gặp vấn đề về âm khí, loạn khí, từ đó có hướng khắc phục triệt để vấn đề của mình.

- Một số trường hợp lẫn tự nhiên bị tổn hại, rạn nứt, hoặc vỡ mà không có bất kỳ sự va chạm mạnh nào với lẫn là biểu hiện của việc hành giả ấy đang gặp khảo đảo thử thách, chướng ngại to lớn trên bước đường tu tập. Lúc bấy giờ, hành giả cần định tâm, định chí đối diện với chướng ngại của mình, chấp nhận sự khổ đến với mình và tìm cách hóa giải nó theo hướng tích cực nhất có thể.

- Hành giả có thể bảo quản Thông Linh Chi bằng cách thường xuyên ngâm lẫn trong nước muối, hoặc phơi lẫn trong ánh nắng bình minh từ

lúc mặt trời mọc cho tới khoảng 11 giờ trưa. Hành giả nên thường xuyên thực hành trì chú, tụng niệm các bản kinh mà mình tin tưởng, đồng thời hướng tâm ý mình cầu nguyện cho Thông Linh Chỉ được hấp thu, tương tác với năng lượng tích cực xuất hiện trong quá trình công phu tu tập.

Linh Phan

Hoa Cái Trường Phan

Nguồn gốc

- Linh Phan hay Trường Phan là cành phước dài linh diệu, có nhiều công năng đặc biệt. Đây là một pháp bảo của chư vị Đạo Gia thường hay sử dụng nhằm mục đích tương tác với chư linh trong Tam Giới, đặc biệt có thể tác động lên phần thần thức, tâm thần của chúng sinh nơi Hạ Giới.

- Hoa Cái là cái lộng che, trông như cái ô. Hoa Cái Trường Phan là sự kết hợp giữa lộng che và cờ phước, cũng có công năng giống như Linh Phan nhưng hình dạng thì khác đôi chút.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Linh Phan thường là một cây trượng dài bằng gỗ hoặc cành cây. Ở đầu trượng có treo một lá cờ theo chiều dọc cùng những dây vải dài tua rua tung bay trong gió. Trên lá cờ có vẽ, viết hoặc thêu các

họa tiết đặc trưng cho tính chất, công dụng của cảnh phướn ấy.

- Hoa Cái Trường Phan cũng có thân là một cây trượng dài bằng gỗ hoặc cành cây. Trên đầu trượng có gắn một hình nón bằng vải, giấy hoặc hoa lá, lông vũ tạo thành chiếc lộng che tán rộng. Ở phần đáy tán nón này là những dây vải dài tua rua.

- Các hành giả Đạo Gia thường hay sử dụng Linh Phan với những công dụng sau đây:

+ Truy hồn: Khi chủ nhân của Linh Phan cần tìm kiếm một ai đó, người ấy lấy thông tin của chân hồn cần tìm rồi dùng chú vãng, khua động cảnh phướn. Cảnh phướn sẽ phát ra một đạo hào quang chiếu thẳng về phía chân hồn đang cư ngụ, từ đó mà có thể biết được vị trí của chân hồn ấy trong Tam Giới.

+ Nhiếp hồn: Khi chủ nhân của Linh Phan cần níu kéo, thu giữ một chân hồn nào đó, sau khi có đầy đủ thông tin của đối tượng cần hành pháp, người ấy sẽ dụng chú vãng và khua động cảnh phướn. Từ cảnh phướn, một đạo hào quang liền xuất hiện phóng thẳng đến nơi chân hồn ấy đang cư trú mà thu hút về giữ tại lá phướn. Nếu là chúng sinh còn đang sinh sống nơi Hạ Giới, thì uy lực này đủ sức thu hút chân hồn ấy rời khỏi thân xác hữu hình.

+ Chiêu hồn: Khi chủ nhân của Linh Phan cần triệu tập, kêu gọi, mời các chân hồn đến nơi mình

mong muốn họ tập kết. Lúc bấy giờ, người ấy có thể sử dụng các thông tin chọn lọc, rồi dùng chú văn khua động cảnh phước, từ cảnh phước sẽ phát ra ánh sáng vi diệu. Ánh sáng này có sự thu hút đặc biệt đối với những chân hồn có thông tin mà chủ nhân cảnh phước muốn thu hút. Các chân hồn tương ứng sẽ tập hợp lại tại nơi có cảnh phước đang phát diệu quang. Đối với chúng sinh hữu hình còn thân mạng, tự nhiên sẽ có một lực hút kỳ diệu khiến họ được thôi thúc, mong muốn ghé về nơi có cảnh phước ấy.

+ Dẫn hồn, biểu tượng đại diện: Trong một số không gian đặc biệt, cần có sự dẫn dắt để gìn giữ trật tự, trước sau có hàng lối rõ ràng thì người ta thường sử dụng Linh Phan. Lúc bấy giờ, người cầm Linh Phan chính là người dẫn đầu nhóm, đoàn người tham gia di chuyển và sinh hoạt trong không gian ấy theo một trật tự quy củ. Trong trường hợp này, cảnh phước đóng vai trò là một ngọn cờ hiệu, biểu trưng của cả nhóm hội, tổ chức.

- Ở các thánh thất, điện thờ, chùa, đền miếu, các cơ sở hoạt động tâm linh liên quan đến việc cầu an, cầu siêu cho chư âm linh thường có treo các cảnh phước này ngay cổng. Các Linh Phan này có công năng chiêu hồn, thu hút các chân hồn khắp nơi tập hợp về để nghe kinh kệ, cảm ứng với những lời cầu nguyện hồi hướng về họ. Từ đó họ dần được định

tâm, định thần mà tinh tấn tu tập hoặc là chuyển sinh an lạc hơn cảnh giới hiện tại.

- Trong nghi lễ Cao Đài Đại Đạo, có hai cảnh phước đặc trưng tiêu biểu là Thượng Phẩm Phan và Thượng Sinh Phan. Thượng Phẩm Phan thường được dùng trong hai dịp:

+ Do một vị Hữu Phan Quân cầm phước dẫn đầu đoàn Chức Sắc từ phẩm thứ tư, đối phẩm với Địa Thánh trong Cửu Phẩm Thần Tiên trở lên tiến nhập vào Tòa Thánh Tây Ninh mỗi dịp đại lễ ở đây.

+ Trường hợp các Chức Sắc từ phẩm thứ tư trở lên, đối phẩm với Địa Thánh trong Cửu Phẩm Thần Tiên quy vị, thì cảnh phước này sẽ được dựng ở ngay phía trước linh cữu của người mất. Khi di dời linh cữu đều có một người đại diện cầm cảnh phước ấy đi trước, linh cữu theo sau.

Thượng Sinh Phan cũng có công dụng giống như Thượng Phẩm Phan, nhưng do một vị Tả Phan Quân sử dụng dành cho các Chức Sắc từ phẩm thứ ba, đối phẩm với Thiên Thần trong Cửu Phẩm Thần Tiên trở xuống đến tín đồ.

- Khi chân hồn lên cõi Xích Thiên, nơi đây có Đức Đại Tiên Hán Chung Ly đang giữ chức phận Thượng Phẩm, dìu dắt chư linh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ chỉ dẫn các chân hồn phân theo hai nhóm, có hai vị Thiên Quân tiếp đón.

+ Vị Hữu Phan Quân cầm Thượng Phẩm Phan dẫn độ chân hồn đạt quả Địa Thánh trở lên đi một nhóm.

+ Vị Tả Phan Quân cầm Thượng Sinh Phan dẫn độ chân hồn đạt quả Thiên Thần trở xuống đi một nhóm khác.

Thi văn, kinh điển

Linh Phan từng được nhắc đến trong các bài thi kinh tiêu biểu sau đây.

Trước kia trẻ vẫn mịt mờ
Từ đây mới hẵn ơn nhờ Mẫu Nghi
Đắc truyền mai mối Tam Kỳ
Dưới tay cậy có Diêu Trì Cửu Nương.

Chín cô đã sẵn lòng thương
Mê tân độ chúng bươm trượng thoát vòng
Lục Nương phát phước truy hồn
Tang thương nay lúc bảo tồn chúng sanh.

Bát Nương thật Đấng Chí Linh
Cùng chung giáo hóa ân cần lo âu
Thất Nương khêu đuốc Đạo đầu
Nhờ Người gọi ánh nhiệm mầu huyền vi.

Môn sanh thiện niệm hằng ngày
Cúi xin Kim Mẫu muôn loài cứu ương
Đệ đầu khấu bái Nương Nương
Nén hương đạm bạc xin thương chứng lòng.

Đức Cao Quỳnh Diêu
Trích từ Từ Mẫu Tán Ca

Kinh Đệ Ngũ Cửu

Ánh hồng chiếu đường mây rờ rờ
Cõi Xích Thiên vội mở ải quan
Thiên Quân diêu động linh phan
Cả miền Thánh Vực nhộn nhàng tiếp nghênh
Đài Chiếu Giám Cảnh Minh nhẹ bước
Xem rõ ràng tội phước căn sinh
Lần vào Cung Ngọc Diệt Hình
Khai Kinh Vô Tự đặng nhìn quả duyên
Đắc văn sách thông Thiên định Địa
Phép huyền công trụ nghĩa hóa thân
Kỵ Kim Quang kiến Lão Quân
Dựa xe Như Ý, oai thần tiền thăng.

Đức Ngũ Nương Dao Trì Cung

Dao Trì Cung sai nàng Tiên Nữ
Phép Lục Nương gìn giữ chân hồn
Tây Phương Tiếp Dẫn Đạo Nhân
Phước linh khai mở nẻo đường Lô Âm.

Đức Nguyệt Tâm Chân Nhân
Trích từ Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối

Huê ngào ngạt đưa hơi vò diệu
Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong
Nương mây như thả cánh hồng
Tiêu diêu phát phúc cõi tòng đưa Tiên.

Đức Lục Nương Dao Trì Cung

Tản Nhân

Nỗi lòng của những người có điều kiện nhưng chẳng mua được vé về quê nhà...

Nhân một buổi chia sẻ về con đường đạt Đạo mà không thông qua bất kỳ sự tinh tấn, thăng tiến theo đường lối của một nhóm hội, tổ chức tâm linh, tôn giáo nào cả.

Rõ ràng, chúng ta ai cũng có thể đã nghe qua, đọc thấy ở đâu đó câu nói:

“Tự tu tự hành, tự thành Phật Đạo.”

Đây là chân lý, một câu nói hoàn toàn chính xác. Có điều, những người như thế nào mới có thể tự tu tự hành và tự thành Phật Đạo? Khi họ không có một phương pháp, đường lối cụ thể trong việc thực hành việc tu tập, là sửa những thói quen bất thiện để tập dần những thói quen thiện lành.

Trên thế gian hữu tình, có nhiều người dành trọn đời mình để công hiến và phục vụ cho lợi lạc của chúng sinh, sự tiện nghi, phát triển trí tuệ cũng như đời sống vật chất, tinh thần của xã hội. Tất nhiên, tạm hiểu là công hiến để phát triển các phương tiện tiện nghi về mặt đời, về lâu về dài cho

nhân loại bằng các thành tựu, công trình nghiên cứu nghiêm túc và có kết quả ứng dụng hữu hiệu cho đời.

Cụ thể hơn, ví dụ các nhà khoa học đã phát minh ra dòng điện năng lượng, ứng dụng điện năng trở thành một thứ nhu cầu tất yếu khó thể thiếu trong đời sống hiện tại. Những lương y đã nghiên cứu, tìm tòi ra các phương thuốc để điều trị nhiều loại bệnh tật, cũng là thứ mà theo dòng thời gian người ta vẫn ứng dụng nó rất tốt cho việc gìn giữ sức khỏe của mình. Những học giả đã biên soạn, sáng tác nên các tác phẩm nghệ thuật để đời mà qua nhiều thế kỷ người ta vẫn tìm được những nguồn cảm hứng cho cuộc sống khi xem, nghe qua các tác phẩm ấy.

Họ chính là những người đã tạo nên các thành tựu, công trình vĩ đại cho đời, phụng sự nhân sinh một cách tuyệt vời. Tất nhiên, thiện nghiệp của họ nhiều không kể xiết. Vậy những người như thế, khi chết đi thì sẽ đi đâu về đâu?

Nếu như trong kiếp sinh nơi thế gian này, họ có ăn chay trường, sống thiện lương với đời, hạn chế tối đa việc gieo sát nghiệp với động, thực vật. Khi thân mạng chết đi, chân hồn ấy hoàn toàn có thể nhập vào Thượng Giới, những cõi thiện lành. Tuy làm một Tản Nhân chẳng theo một tổ chức, nhóm hội, giáo phái nào nhưng được chúng sinh khắp Tam

Giới mến mộ và kính trọng. Đó chính là tự tu tự hành, tự thành Phật Đạo vậy.

Đối với những người không có ăn chay, thiếu làm việc thiện đức, thành tựu mặt đời hoành tráng. Nếu họ chuyển sinh, đầu thai tiếp tục sinh tồn nơi thế gian, họ sẽ được thừa hưởng phước báo thiện nghiệp ấy.

Nếu họ không muốn đầu thai, họ làm Tản Nhân ngao du sơn thủy, đi đó đây khắp nơi trong Trung Giới, vì thần thức, chân hồn của một người còn vương mắc nhiều sát nghiệp thì rất nặng trọc chẳng thể nào nhập vào cõi Thượng Giới được. Và những người này có khả năng gặp nhiều nguy hiểm từ các tổ chức, nhóm hội cường quyền tà quái muốn tìm họ để lôi kéo, bắt họ về làm thành viên của tổ chức ấy. Trong Tam Giới sự tồn tại của muôn sinh đều theo quy luật tự nhiên của mệnh được yếu thua, nên các chân hồn ức hiếp lẫn nhau là việc thường xuyên. Những Tản Nhân này, chỉ đến khi tịnh tâm, tinh tấn, tạo thêm thiện nghiệp để hóa giải bớt các chướng duyên, sát nghiệp mình từng gieo, lúc đó mới về được với Đạo, về với gốc của mình.

Trong số các Tản Nhân, có một vị đạo cao đức trọng mà kiếp sinh của mình nơi thế gian đã phụng sự cho đời vô cùng hoàn mỹ. Nhưng khi kết thúc thân mạng của mình, Ngài lại ở nơi Trung Giới mấy

trăm năm, đủ duyên viết nên Nữ Trung Tòng Phận, bộ kinh điển dạy người đời sống sao cho tốt đẹp, cao thượng. Lúc bấy giờ, Ngài mới trở lại được cựu vị của mình, tức là phẩm vị vốn có nơi cõi thiêng liêng hằng sống. Vị ấy chính là Đức Tứ Nương, một trong chín vị Cửu Nương Dao Trì Cung.

Tứ Nương Dao Trì Cung đã từng có nhiều kiếp giáng trần độ duyên cho muôn sinh. Trong đó, có hai kiếp cuối cùng gần nhất thì một kiếp Ngài mang tên là Gấm, một nữ tử tài hoa tuyệt sắc nhưng đoản mệnh. Kiếp cuối cùng Ngài chính là nữ sĩ tài ba Đoàn Thị Điểm.

Đoàn Thị Điểm được mệnh danh là nữ sĩ có Tiên phong Đạo cốt từ thuở bé, lại am hiểu kinh sử, là bậc nữ học kỳ tài. Bà thường mang theo bên mình một chiếc túi hương có thêu hình Bát Quái. Khi trưởng thành, bà là một phụ nữ đức độ cao trọng, sống vui vẻ hòa đồng nhân ái với các mối quan hệ quanh mình. Bà nuôi dạy con cháu trong gia đình trở thành những con người ưu tú hữu ích cho đời.

Thế nhưng về phần Đạo, bà chưa được trọn vẹn do còn dính sát nghiệp chưa biết ăn chay nhiều. Những phút cuối đời, trong một lần đi đến nơi có miếu của cô Gấm, bà Đoàn Thị Điểm biết được căn duyên tiền kiếp của mình, rồi lâm trọng bệnh mất ngay sau đó ít hôm. Thân thức của bà ở cõi Âm

Quang suốt mấy trăm năm, đến khi đủ duyên viết nên tác phẩm trường thi Nữ Trung Tòng Phận, dạy phái nữ lễ sống trọn vẹn với đời, với Đạo. Trong tác phẩm ấy cũng có những phần dạy riêng cho nam giới, nhưng chủ yếu vẫn là dành cho nữ phái vậy. Khi ấy, bà trở lại cựu vị của mình là Tứ Nương Dao Trì Cung, hành hóa trực tiếp dưới quyền của Đức Dao Trì Kim Mẫu.

Bà có một bài thơ nhắc về cuộc đời của mình như sau:

“Tưởng tròn phận tô hoa đỉnh Việt
Nương thuyền từ cứu tuyệt trần ai
Đường quê nào thấy Thiên Thai
Công trình lập dựng Vân Đài chí công.”

Bốn câu này nói về cuộc đời bà đã dày công làm nhiều việc thiện phước với đời, cứu lấy sự khổ cho muôn sinh. Nhưng do về mặt Đạo bà còn thiếu phần dứt nợ sát nghiệp cho nên chẳng nhập về Thượng Giới đặng. Đường quê chẳng thấy nẻo Thiên Thai, nó giống với nỗi đau của những con người có đầy đủ điều kiện vật chất, tiền tài nhưng rất cuộc chẳng mua được vé tàu, xe để về quê hương của mình. Cuối cùng, nhờ vào việc lập được công trình vĩ đại mang tính dạy đời học Đạo thì mới về được cựu vị. Vân Đài ý chỉ về phẩm vị chân hồn nơi cõi thiêng liêng.

Tin thờ tà quái cúng mạng chúng sinh

Có nhiều người tin thờ tà thần tinh quái, mà nhận lầm tưởng là Chánh Thần. Thường xuyên luôn cúi, cung phụng, cúng bái lễ tạ để thực hiện các giao dịch đổi chác với nhau qua việc cầu khẩn rồi đáp lễ bằng heo quay, gà luộc...

Có hành giả biết tà thần tinh quái, nhưng người ta cứ nghĩ đơn giản ừ thì có qua có lại rồi thôi.

Thực tế là không phải thôi là xong chuyện. Lúc sống tin thờ ai, thần phục bái lạy dưới quyền ai thì khi chết đi hồn sẽ chịu sự chi phối tác động, trở thành môn hạ, đồ tông của người ấy. Thế mới có câu “Con Phật Phật dất, con ma ma dất” là vậy.

Chuyện của kiếp sinh này, lỡ sa đà vào u mê nhận lầm môn hộ thì cố mà quán chiếu rồi thức tỉnh. Chớ không thì một kiếp trăm năm mà sự tồn tại của chân hồn là ngàn năm bất diệt. Chẳng may trở thành âm binh của tà quái, biết bao giờ mới đủ duyên tự thoát ra đặng...

Chánh Thần chẳng nhận vật thực bao giờ.

Càng không hoan hỷ khi nhìn thấy chúng sinh vì mình mà vong thân mạng. Hạnh phúc, lợi lạc không thể được đổi chác bằng sự ác của sát nghiệp... Thế nên các đèn miếu chùa chiền nào cúng đồ vật thực là mạng của chúng sinh hy sinh, thì chắc chắn chỉ có tà quái chúng.

Ngũ Quỷ

Ngũ Tính Quỷ

Nguồn gốc

- Khởi nguyên Ngũ Quỷ được Đại Tiên Kim Quang Sứ tinh luyện từ những bảo vật của Ngũ Đại Thiên Sứ cai quản năm nguyên tố lớn trong tự nhiên, bao gồm: Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ, Kim.

- Nhóm Ngũ Quỷ đầu tiên xuất hiện trong Tam Giới được gia tăng theo hình thức bội phân cấp số nhân, từ một phân tách thành hai, từ hai biến hóa thành bốn, từ bốn lại thành tám... Cứ nhân hóa như thế, chẳng mấy chốc khắp cả Tam Giới đã ngập tràn chúng Ngũ Quỷ tồn tại trong tất cả mọi sự tồn tại.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

* Thủy Quỷ

- Thủy Quỷ thường là bộ ba tên quỷ có thân ảnh màu đen, dáng người gầy ốm, nhỏ thó. Một tên cầm

bình rượu, một tên cầm đĩa thức ăn, tên còn lại cầm chiếc túi rách đáy. Ba món bảo vật này có tên gọi là Cam Tửu Bình, Mỹ Vị Phẩm, Hoang Phí Đại.

- Chúng có thể làm cho chúng sinh phải hướng tâm trí về thức ăn ngon, rượu ngọt và tiêu xài hoang phí những thứ họ đã gắng sức làm lụng vất vả kiếm được trong đời.

*** Hỏa Quỷ**

- Hỏa Quỷ là kẻ mang sức mạnh của Hỏa Tinh Thiên Sứ Trưởng, với thân ảnh cao to, đỏ rực, là một ngọn lửa đang cháy bùng bùng. Trên tay hắn cầm một cây búa bốc lửa gọi là Nộ Khí Phủ.

- Với sức nóng từ thân thể của mình cùng với sức mạnh của Nộ Khí Phủ, Hỏa Quỷ có thể thiêu đốt tất cả trí não, tâm can của chúng sinh, làm cho họ dễ dàng giận dữ, sẵn sàng xâu xé lẫn nhau, cắt đứt mọi rào cản về đạo đức chỉ để thỏa mãn dục vọng trong cơn thịnh nộ của mình.

*** Mộc Quỷ**

- Mộc Quỷ là một nữ tử tuyệt đẹp. Sắc đẹp đó là sự kết hợp giữa nét đẹp thánh thiện, trí tuệ mà bao người ngưỡng mộ của Mộc Tinh Thiên Sứ Trưởng,

hòa trộn cùng nét đẹp ma mị dễ khiến người ta chìm đắm sa đọa của Huyền Mộng. Nữ quỷ này toàn thân thom ngát, trên tay cầm bó hoa đủ màu xinh tươi đang nở rộ gọi là Thất Tình Lục Dục.

- Khi tiếp xúc với Mộc Quỷ thì bất kỳ chúng sinh nào, dù nam tử hay nữ nhân, họ cũng xao xuyên động lòng trước nét đẹp hình thể mà họ nhìn thấy nơi Hạ Giới. Từ đó, họ dễ dàng sa đọa trong vòng nhục dục, trở thành tôi tớ dưới quyền Mộc Quỷ.

*** Kim Quỷ**

- Kim Quỷ là hóa thân từ ngai vàng đầy quyền uy của Kim Tinh Thiên Sứ Trưởng, toàn thân màu trắng vàng, một tay cầm túi vàng căng tròn, tay còn lại cầm thanh đoản kiếm.

- Món bảo bối Danh Lợi Đại này có thể khiến chúng sinh phải dùng hết tất cả thể xác, tâm trí mình vào việc tạo nên của cải vật chất, bất chấp mọi thủ đoạn để được ngồi trên, ăn trước.

- Thanh Tuyệt Tình Đoản Kiếm sẽ làm cho chúng sinh sẵn sàng chém giết lẫn nhau, giẫm lên trên mồ hôi, nước mắt và máu của đồng loại để đạt được mục đích của họ, đó là ngồi trên ngai vàng danh vọng tột bậc mà thưởng thức cảm giác khoái lạc khi đạt được tham vọng quyền lực.

* Thổ Quý

- Thổ Quý là hóa thân từ bình An Thần Dược của Thổ Tinh Thiên Sứ Trương, thân hình màu vàng, mang thân ảnh là nữ quý xinh đẹp có mái tóc dài chấm đất. Trên tay hấn cầm chiếc lọ màu trắng, có dán lá phù đề tên Mê Hồn Hương trên ấy.

- Nữ quý này có thể khiến chúng sinh phải mê muội, thích tận hưởng những ảo giác khoái lạc tinh thần bởi lọ Mê Hồn Hương trên tay mình. Ngoài ra, chúng sinh còn bị làm mờ mắt để họ luôn nghĩ về đất đai, lãnh thổ cư ngụ mà tranh giành lẫn nhau.

Ngũ Quý và con người giữa thế tục

Ngũ Quý luôn tồn tại trong mỗi chúng sinh, khiến chúng sinh hướng về các dục vọng, ham muốn được thỏa mãn những dục vọng ấy mà sa đọa, gây nên những điều bất thiện trong kiếp sinh của mình. Khi đã sa đọa, mờ mịt với những sự thỏa mãn ấy rồi thì chúng sinh cứ vay vay trả trả những nhân duyên nghiệp quả bất thiện của mình đã gieo trồng với muôn sinh, luân hồi sinh tử để giải quyết các mối duyên ấy chẳng biết đến bao giờ mới thực sự an lạc được.

Vì thế, các pháp môn tu tập đều định hướng,

giải thích rõ cho con người các phương pháp tu tâm dưỡng tánh, làm lành lánh dữ. Đồng thời giúp họ sửa đổi những thói hư tật xấu, những tính cách, suy nghĩ, hành động bất thiện của mình để tránh cho con người sa đọa vào đường dữ, tránh không vướng mắc luân hồi khổ não.

Như vậy, việc tu tập của một con người nói chung, hay của một hành giả nói riêng đều lấy đề mục là làm chủ chính mình, không bị các ham muốn thường tình chế ngự thân tâm, trí não tinh thần của mình. Khi trong lòng khởi lên những ham muốn thì liền suy nghĩ, quán chiếu về việc đó có chính đáng hay không, có cần thiết hay không, rồi xả bỏ nó khỏi tâm trí mình. Từ đó, chúng ta sẽ đoạn trừ được phiền não, đoạn trừ được với các sự tham, sân, si, tật đố... trở thành một con người tinh tấn, sống tích cực giữa đời này. Cuộc sống của chúng ta tự nhiên sẽ bình yên, an lạc giữa đời thường vậy.

Đê Đầu Quý

Nguồn gốc

- Chúng sinh khi mang thân xác hữu hình thường xuyên cúi đầu vì nhiều lý do khác nhau, theo thời gian việc cúi đầu trở thành một thói quen, chấp niệm nặng nề của họ. Khi mất đi thân mạng, chân hồn ấy sẽ bám víu chấp niệm của thân luôn cúi đầu giữa cuộc đời, thế nên họ chuyển sinh thành Đê Đầu Quý.

- Đê Đầu Quý là nhân loại thường có xuất thân từ các nhóm người sau đây:

+ Người có bệnh tật đau cổ, cột sống nên cứ bị cúi đầu nhìn xuống.

+ Người làm các công việc đòi hỏi tập trung chuyên môn cao độ như là nghề thêu tranh, ông đồ viết chữ, công nhân làm băng chuyền các công việc nhanh lẹ tập trung cao.

+ Người nông dân luôn cày sâu cuốc bẫm chăm chú nhìn dưới đất.

+ Người đi đãi cát tìm vàng, sàng lọc cát vàng suốt cả cuộc đời mình.

+ Binh lính, thị tỳ của các quý tộc, hoàng tộc chẳng được quyền ngẩng cao đầu nhìn chủ.

+ Những nô lệ, tù nhân luôn bị bắt phải luôn cúi trước bọn chủ và cai quản nắm quyền sinh sát họ.

+ Những người nghiện đọc sách, nghiện chơi trò chơi điện tử, nghiện việc sử dụng các thiết bị di động, khiến cho lúc nào họ cũng cúi đầu dán mắt vào màn hình các thiết bị ấy.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Đê Đầu Quý dù là nhân loại hay phi nhân cũng đều có hình ảnh thị hiện cúi đầu nhìn xuống phía dưới chân mình. Đầu tóc rũ rượi, hốc mắt u tối, hai mắt hơi lồi, hai tay thả lỏng xuôi theo thân.

- Toàn thân Đê Đầu Quý tỏa ra ám khí, trệ khí nặng nề chán chường, chỉ lặng lẽ chăm chú cúi đầu nhìn xuống chẳng quan tâm gì khác xung quanh. Họ cứ như vậy, vất vưởng vật vờ lang thang vô định khắp nơi. Có khi họ còn chẳng nhận ra sự khác biệt giữa lúc họ còn sống với lúc họ đã mất đi thân mạng trở thành Ngạ Quỷ khó coi như thế. Bởi trong tâm thức của họ, họ chỉ lặng lẽ cúi đầu, tiếp tục những tư niệm của mình với thói quen họ vẫn điều độ làm liên tục mỗi ngày, mỗi giờ, năm này qua tháng nọ chẳng quan tâm đến sự chi nữa cả.

- Đê Đầu Quỷ là chủng loài tương đối lạnh tính, ở họ chỉ toàn là sự tự làm khổ bản thân bởi chấp niệm của mình. Họ gần như chẳng có tương tác với bất kỳ sự tồn tại nào khác trong Tam Giới, chỉ biết ôm ấp, cúi đầu tư niệm với những điều mình nghĩ và làm quá đỗi quen thuộc trong kiếp sinh của mình. Đến khi trở thành một Nga Quỷ vẫn tiếp tục những điều như thế, hoàn toàn không tương tác, không quan tâm bất kỳ điều chi khác cả.

- Nếu Đê Đầu Quỷ đủ may mắn, mỗi khi ở đâu đó có những lời cầu nguyện, những lời kinh kệ, chú vãn, tiếng chuông, tiếng mõ hồi hướng đến họ. Khi đó, thần thức của họ sẽ được một lực tác động khiến họ bừng tỉnh được một chốc lát khỏi cơn u u mê mê của bám chấp vào ý niệm khiến họ mãi cúi đầu. Sự tác động này, nếu được diễn ra thường xuyên, tâm thức của họ được liên tục đánh thức, thì sẽ có thể thực sự thức tỉnh được hoàn toàn, buông xả được hoàn toàn chấp niệm vào việc khiến họ mãi cúi đầu như thế.

- Lúc bấy giờ, Đê Đầu Quỷ có thể tịnh thần định trí, nhận thức được bản thân mình là ai, tại sao mình đã phải trở thành hình dạng như thế, rồi họ cảm thấy muốn thay đổi hiện tại của họ. Tức thì họ sẽ chuyển sinh thành một dạng tồn tại khác trong Tam Giới, có khi là đầu thai chuyển kiếp vào Hạ Giới để tiếp tục

vay trả, học hỏi với những nhân duyên nghiệp quả còn dang dở của mình.

Phương thức tương tác, hóa giải

- Nếu chúng ta có thân nhân trong gia đình lúc còn sống có thói quen mãi cúi đầu, họ có nhiều khả năng khi mất đi thân mạng sẽ chuyển sinh thành Đê Đầu Quỷ.

- Để giúp đỡ được Đê Đầu Quỷ, chúng ta cần biết rõ thông tin họ tên, sinh nhật, tử nhật của họ. Nhờ vậy, những sự tương tác như tụng kinh trì chú, cầu nguyện chia sẻ nhắc nhở họ, cho họ hiểu rằng mọi thứ là vô thường, thay đổi không ngừng, chẳng nên bám chấp vào tư niệm như thế. Những việc như vậy sẽ tác động được thuận tiện, nhanh có tác dụng giúp họ chuyển sinh thành dạng tồn tại khác hơn là việc cầu nguyện mang tính chung chung.

- Có thể sử dụng các bản kinh như Kinh Cầu Siêu, Kinh Giải Oan, Kinh Cứu Khổ, hoặc các câu tâm chú như:

“Om.”

“Om Kyuten Svaha.”

“Om Mani Padme Hum.”

“Nam mô Tâm tịnh như thủy hồ lặng sóng.”

“Nam mô Lô âm ứng hiệp phá vô minh.”

Hành giả có thể trì niệm các bản kinh hoặc câu chú bên trên riêng biệt thường xuyên, hoặc kết hợp mỗi bản 9 lần rồi chuyển qua bản khác. Làm như vậy, chúng ta sẽ trợ duyên cho các Đê Đầu Quỷ sớm được thanh tịnh thân thức, sớm định tâm định trí và nhận thức được giá trị tồn tại của mình mà chuyển sinh sang dạng tồn tại khác bớt khổ đau hơn.

Thất Miên Quỷ

Nguồn gốc

- Thất Miên Quỷ là một chủng loại thuộc Nga Quỷ Bộ.

- Chúng sinh có phiền não trong lòng quá nhiều, tâm trí chẳng thể ngơi nghỉ, chẳng thể buông xả được, dẫn đến mất ngủ triền miên liên tục nhiều ngày, thèm ngủ mà chẳng thể ngủ được. Đến khi thân tâm đều hao mòn, mệt mỏi quá độ, sức cùng lực kiệt mà kết thúc thân mạng của mình trong đau khổ. Chân hồn như vậy thường trở thành Thất Miên Quỷ, nghĩa là Quỷ Mất Ngủ.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Tâm tình của Thất Miên Quỷ rất phức tạp, có quá nhiều dòng ý niệm, suy tưởng xuất hiện liên tục chẳng ngừng nghỉ. Khi họ tiếp cận với chúng sinh nơi thế gian, tự nhiên người, vật đó cũng trở nên loạn động trong tâm tưởng, suy diễn đủ thứ mọi chuyện trên trời dưới đất, những chuyện chẳng liên quan đến

mình cũng khiến họ bận tâm nghĩ tới, rồi không thể nào ngủ được. Sự loạn động trong tâm trí này khiến người, vật ấy bị mất tập trung trong mọi việc sinh hoạt đời thường. Họ nhanh thích và mau chán mọi thứ, buông cái này chụp cái kia rất mau lẹ, qua loa, làm cho lầy có, chẳng tập trung vào việc chi cả.

- Thất Miên Quỷ có hình dạng ốm o gầy gò, đôi mắt thâm quầng, hai mắt trắng dã, đồng tử mở to vô hồn, khí sắc nặng nề u ám. Lực tinh thần của họ loạn động, cho nên họ khó lòng thị hiện hình tướng rõ ràng cho ai đó thấy rõ, dù chỉ trong giấc mộng.

- Đối với các pháp sư, hành giả trong quá trình công phu của mình, nếu bị Thất Miên Quỷ tương tác, khiến cho tâm tình trở nên loạn động thì đường tu tập vô cùng khó khăn. Nếu không nhận thức được việc mình đang bị ám nhập mà hóa giải, thì quá trình công phu, tu tập chỉ mất thời gian mà chẳng được việc chi cả.

- Đối với các pháp bảo đang được tinh luyện, hoặc là đang sử dụng lỡ bị Thất Miên Quỷ tương tác ám khí, trực khí vào đó, thì tự nhiên pháp bảo ấy khó lòng hoàn thành, hoặc là đang sử dụng thì mất linh, công năng không còn được như lúc bình thường. Nếu không hóa giải thì coi như pháp bảo ấy trở thành vật chất bình thường vậy. Chúng ta có thể nhận ra dễ dàng đối với các vật mang tính chất là

nhạc cụ, pháp khí phát ra âm thanh, tự nhiên một lúc nào đó âm thanh phát ra rất kỳ lạ, tiếng kêu nghe chói tai hoặc là ề ề không rõ thanh điệu chi nữa. Lúc bấy giờ, hành giả cần phải thanh tẩy trước khí đang ám nơi khí cụ ấy thì mới hóa giải được.

- Thất Miên Quỷ thường lẫn quần quanh khu vực mình đã từ bỏ thân mạng. Họ tồn tại như vậy đến khi may mắn đủ duyên, nhờ vào năng lực thanh tịnh của ý niệm, tâm từ bi của những pháp sư có tâm tình thanh tịnh, an lạc, hoặc nhờ vào sự hành trì kinh điển, thần chú của chư hành giả giúp cho tâm tướng của Thất Miên Quỷ bớt loạn động. Theo thời gian, họ dần thức tỉnh, quán chiếu được các căn duyên nghiệp quả của mình, từ đó có thể quyết định việc chuyển sinh trong Tam Giới, trở thành một dạng tồn tại khác không còn là Thất Miên Quỷ nữa.

Phương thức tương tác, hóa giải

- Việc một người bình thường bị Thất Miên Quỷ tương tác, ám nhập khá dễ nhận biết. Họ thường khó ngủ, thức liền nhiều ngày, thân dạng trông hốc hác, tiêu tụy, thiếu sức sống. Tinh thần loạn động, cứ suy nghĩ lan man lẩn tẩn, làm việc gì cũng dang dở. Nói chuyện thiếu mạch lạc, hay bị dở hơi vì đang nói chuyện này bắt qua chuyện khác.

- Để hóa giải trường hợp này, có thể cho họ nghe nhạc hòa tấu du dương êm dịu, nhạc thiền, kinh điển, thần chú, hoặc nghe những lời thuyết giảng về an lạc, về buông xả chấp niệm tiêu cực. Bản thân họ cần tập trung vào một việc gì đó cụ thể để không xao lãng tâm trí mà bị Thất Miên Quỷ tương tác.

- Có thể làm nước Thanh Tĩnh Thủy để thanh tẩy thân tâm của người, vật bị ám khí loạn động này tương tác.

• Cách điều chế Thanh Tĩnh Thủy

Pha nước nóng ấm vừa đủ, cho 9 chiếc lá hoặc 9 chiếc gai của cây bất kỳ vào nước. Cho vài muỗng muối, cùng vài giọt dầu xức người, thêm một ít rượu vào cho có hương thơm của rượu và dầu hòa với nhau. Dùng nước đó lau người, hoặc tắm từ trên đỉnh đầu xối xuống toàn thân.

9 chiếc gai hoặc 9 chiếc lá pha nước này, có thể ra chợ mua mấy cành hoa hồng, hoa bông giấy, cây xương rồng đều được. Có thể kiếm một cây đang còn sống, lại đó nói với cây cho mình xin lá và gai đem về làm nước phép cho người bệnh. Xin xong cũng không quên cảm ơn cây. Như vậy thuốc mới có hiệu nghiệm tốt nhất.

Độc Quỷ

Độc Trung Quỷ

Nguồn gốc

- Độc Quỷ hay Độc Trung Quỷ là một thành viên thuộc Ôn Bộ. Đây là chủng loại quỷ mang nơi mình các loại độc khí, độc tính.

- Độc Quỷ này có nguồn gốc xuất thân từ những dạng tồn tại sau đây:

+ Chúng sinh lúc còn sống nơi thế gian đã quá quen thuộc với việc sử dụng chất độc gây tổn thương cho các loài khác, khi thân mạng chết đi thường chuyển sinh thành Độc Quỷ.

+ Chúng sinh sử dụng thuốc quá liều mà biến thành chất độc hại thân, hoặc bị kẻ khác chuốc độc gây nên tử vong. Cận tử nghiệp của họ mang chấp niệm đau khổ vì bị trúng độc nên thân thức có xu hướng chuyển sinh thành Độc Quỷ, để dụng độc tương tác lại với thế giới quan quanh mình.

+ Một số loại chất độc có sức tàn phá cao, được tích tụ những oán niệm, tâm tình bất thiện của chúng

sinh sử dụng chất độc ấy suốt một thời gian dài. Lúc bấy giờ, loại độc ấy cũng có thể tự thức tỉnh tánh linh của mình, trở thành một linh thể tồn tại trong vô hình, có thể thị hiện hình dáng cụ thể để tương tác với chúng sinh khác. Linh thể như vậy cũng được gọi là Độc Quỷ.

Hình dạng, tính chất đặc trưng

- Độc Quỷ thường thị hiện hai loại hình dáng phổ thông là độc khí dạng và độc vật dạng.

+ Độc khí dạng không có hình dạng cố định, chỉ đơn thuần là đám khói độc có thể di chuyển trong không gian, mang độc khí nặng nề. Bất kỳ vật gì tiếp xúc với đám khói độc này cũng đều có thể bị độc hóa, trúng độc, sinh bệnh nguy hại vô cùng. Đám khói này thường có màu xám đen, xanh rêu đậm, tím đen, có mùi hăng hắc, mùi thuốc trừ sâu khó ngửi.

+ Độc vật dạng là hình dạng thân thể của chúng sinh ấy lúc còn mang thân mạng, hai mắt lơ lơ lim dim, hốc mắt sâu, thâm quầng tím đen. Toàn thân họ đã nhuốm màu xám xanh, tím xanh, xung quanh có độc khí phảng phất, tỏa ra mùi hăng hắc khó ngửi. Mỗi khi thân ảnh ấy mở miệng ra nói chuyện thì từ miệng sẽ phát ra một luồng khí độc lẫn mùi hôi thối của tử thi.

- Nếu Độc Quỷ có sự tương tác tiếp cận, hoặc ám nhập vào bất kỳ sự tồn tại nào, thì vật chủ ấy cũng bị nhiễm độc khí, phát tác độc tính. Sau một thời gian, các vật chủ là thực vật, động vật sẽ vong thân mạng, thần thức tiếp tục chuyển sinh thành một Độc Quỷ khác nhập bọn với Độc Quỷ đã từng ám nhập gây hại mình.

Phương thức tương tác, hóa giải

- Để hóa giải được trọn vẹn độc khí của Độc Quỷ ám nhập, cần tìm hiểu rõ nguyên do vì sao linh thể ấy hóa thành Độc Quỷ. Khi đã hiểu rõ được nguyên nhân, có thể nhẹ nhàng khuyên giải Độc Quỷ từ bỏ chấp niệm gây độc cho chúng sinh trong Tam Giới.

+ Vì việc ấy chỉ làm cho chúng sinh khổ não mà thôi, chẳng ai an lạc được. Ngay cả chính Độc Quỷ khi tương tác, lôi kéo được thêm Độc Quỷ khác nhập bọn với mình cũng toàn là sự khổ não, đâu có sung sướng an yên.

+ Rồi đến một lúc nào đó, chư vị Chánh Thần sẽ can dự để ngăn chặn hành vi gieo độc bất thiện của Độc Quỷ. Có khi lúc ấy họ sẽ phải mất tự do, bị bắt giữ đến những nơi thanh tẩy độc tính, để thần thức Độc Quỷ được tịnh hóa, khí chất trở nên thanh

nhẹ, chuyển sinh thành dạng tồn tại vô hại với chúng sinh trong Tam Giới.

- Người đã bị độc khí của Độc Quỷ xung nhập, bị trúng độc thì thân thể trở nên xanh xao, người bốc ra mùi hôi khó ngửi. Hai mắt thâm quầng, biếng ăn, ăn vào dễ bị trúng thực, cơ thể đào thải thức ăn rất nhanh mà đi khám Đông Tây Y đều không tìm ra nguyên nhân căn bệnh. Lúc bấy giờ, có thể dùng các câu tâm chú sau để hóa giải:

“Nam mô Hư không hiệp nhập vô nhất vật.”

“Nam mô Linh dược tiêu bệnh hoàn sinh khí.”

- Ngoài ra, có thể điều chế Thanh Tịnh Thủy rồi lấy nước này lau mặt, lau khắp toàn thân, xối từ đỉnh đầu xối xuống, làm liên tục mỗi ngày 1 - 3 lần trong một tuần sẽ khỏi. Nếu có bồn tắm thì lấy nước đó pha ra, ngâm mình trong bồn tắm khoảng 30 phút mỗi ngày để cơ thể được xả hết độc khí hoàn toàn.

• Cách điều chế Thanh Tịnh Thủy

Pha nước nóng ấm vừa đủ, cho 9 chiếc lá hoặc 9 chiếc gai của cây bất kỳ vào nước. Cho vài muống muối, cùng vài giọt dầu xức người, thêm một ít rượu vào cho có hương thơm của rượu và dầu hòa với nhau. Dùng nước đó lau người, hoặc tắm từ trên đỉnh đầu xối xuống toàn thân.

9 chiếc gai hoặc 9 chiếc lá pha nước này, có thể ra chợ mua mấy cành hoa hồng, hoa bông giấy, cây xương rồng đều được. Có thể kiếm một cây đang còn sống, lại đó nói với cây cho mình xin lá và gai đem về làm nước phép cho người bệnh. Xin xong cũng không quên cảm ơn cây. Như vậy thuốc mới có hiệu nghiệm tốt nhất.

Nhật Thường Vấn Đáp

Chuyên mục tổng hợp các câu hỏi thắc mắc của quý đạo hữu gửi về trang Tam Giới Toàn Thư, vấn đáp về việc sống an vui, tinh thức, hợp lẽ Đạo giữa đời thường.

Vấn đáp #1

Vấn:

Chào anh, em muốn hỏi về việc đặt bàn thờ hướng nào thì hợp ạ?

Đáp:

Cảm ơn câu hỏi của em.

Vì bàn thờ là nơi trụ tâm, tinh thần của người thờ cúng, có sinh hoạt tâm linh như công phu, tu tập, hành pháp sự ở đây, nên hướng mặt trước của bàn thờ nhìn ra là hướng Chánh Tây.

Khi thắp hương, chúng ta hướng mặt về bàn thờ, có thể ngồi công phu thiền định, trì kinh chú

trước bàn thờ thì chúng ta sẽ nhìn về hướng Chánh Đông, là hướng có được dương khí ấm áp của Thái Dương chiếu rọi mỗi sáng sớm tới gần trưa.

Như vậy sau một thời gian, người thường xuyên thờ cúng, chuyên tâm tu tập, công phu ở đó sẽ có ấn đường sáng lạng, phát khởi quang minh, trí tuệ, thường tinh tấn vậy.

Vấn đáp #2

Vấn:

Anh ơi, em không biết mình tu là để thấy ra cái gì. Anh nói cho em biết với anh.

Đáp:

Cảm ơn câu hỏi của em.

Tu tập để hiểu bản thân mình cần gì, mình điều tiết các nhu cầu đó ra sao để không ảnh hưởng tiêu cực đến xung quanh, không gây hại xung quanh.

Ví dụ ăn để sống, mà cái ăn của mình phải sát mạng loài khác để sinh tồn thì cần tiết chế ra sao để không gây hại muôn loài, giảm tối đa sát nghiệp có thể. Vì chúng sinh nào cũng muốn sống, muốn được bình an và hạnh phúc.

Nhu cầu mặc để ấm hay mặc để đẹp, người ta vì cái đẹp, cái ấm đó mà sát mạng các loài động vật có da lông đẹp dày ấm để khoác lên mình. Vậy nhu cầu đó nó không hợp lý lắm vì mình chỉ cần ấm hay đẹp, tại sao phải sát mạng kẻ khác.

Cứ đặt mình vào hoàn cảnh muôn vật xung quanh, mình sẽ hiểu hơn và tự nhiên nhận thức được giá trị cuộc sống, trân trọng nó như chính cuộc sống

của mình vậy. Đó là sự dung hòa, hòa hợp giữa người với trời đất vậy.

Mục đích tu tập nói chung của muôn loài, muôn giáo pháp cũng lấy dung hòa ấy làm nền tảng.

Mỗi chúng sinh đều là một thứ tồn tại vĩnh hằng theo thời gian. Nó chỉ thay đổi hình dạng, trạng thái, cấu trúc của sự hiển hiện bên ngoài qua sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Vô thường là vậy. Cuối cùng những thứ giả tạm hư huyền đều sẽ trở về không, còn bản thể của năng lượng vĩnh hằng đó, tuy mỗi cá thể đều dị biệt, nhưng lại giống nhau về tính chất cơ bản. Giống như mỗi hạt cát hay mỗi giọt nước, sẽ không bao giờ có cái giống y chang nó, nhưng cơ bản thì các hạt cát sẽ giống nhau, các giọt nước nhìn sẽ giống nhau, tính chất chung đều giống nhau vậy.

Vấn đáp #3

Vấn:

Anh cho em hỏi. Một người từ nhỏ tâm hướng Phật nhưng đến bây giờ muốn cầu Đạo bên Đạo Gia có gọi là “Đứng núi này trông núi nọ” không ạ?

Xin anh giải đáp cho em hiểu được không ạ. Em cảm ơn anh trước nha.

Đáp:

Chào em. Việc tu tập gì, hướng niềm tin của mình về điều gì là quyền tự do của mỗi người.

Có khi ở giai đoạn này em thấy phù hợp pháp môn A, ở giai đoạn khác, nhận thức khác thì thấy pháp môn B phù hợp hơn. Pháp môn tu tập cũng chỉ là phù hợp theo tâm ý thì tin và hành thôi em, không cần thiết phải nghĩ quá nhiều.

Pháp tu tập thù thắng là pháp phù hợp với tâm ý, hoàn cảnh, khả năng của một người với đúng tri ngộ, nhận thức và thiện hành của người ấy. Chớ không có núi nào cao, núi nào thấp mà bận lòng việc đứng núi này trông núi nọ nhe em.

Chúc em lựa chọn con đường phù hợp với mình và ngày càng tinh tấn, luôn bình yên lạc quan nè.

Vấn đáp #4

Vấn:

Vì sao từ lúc quyết định tu tập, tôi lại thấy cuộc đời mình gặp nhiều chuyện phiền não khổ nạn quá?

Đáp:

“Người tu mà chịu nhiều khổ hạnh là nét chạm trở thêm xinh.” (Đức Nguyễn Hữu Huân)

Phải chịu khổ hạnh nhiều, khảo đảo nhiều và vượt qua được các điều ấy thì mới xứng đáng với giá trị của Đạo Quả nơi cõi Hằng Sinh.

Từ khi người tu bắt đầu có ý định quyết tâm thực hiện con đường giải thoát, thế lực tà quái sẽ tìm đủ mọi cách để ngăn trở, dụ dỗ và đe dọa làm cho người tu phải bỏ đường Chánh Đạo mà theo Tà Đạo. Vì nếu người này tu thành Chánh Quả, thế lực tà quái lại có thêm một đối trọng và mất đi một phần tử.

Thêm vào đó, nơi Nghiệt Cảnh Đài ở cõi vô hình, các oan hồn đã từng có oán hận với ta từ tiền kiếp đến nay đang chờ đợi ta chết để thanh toán các mối nợ ấy. Khi người tu đã quyết chí tu thì khả năng người này thoát khỏi luân hồi rất cao. Vì thế, từ Thiên Đình sẽ có chiếu chỉ truyền xuống đây, bảo

với các oan hồn ấy hãy lo tranh thủ đến trần gian thanh toán các mối nợ hoặc đi đầu thai chuyển kiếp. Nếu không thì khi người này thoát được luân hồi sẽ không thể trả được các món nợ, đứng chờ nơi đây cũng vô ích.

Các oan hồn sẽ có hai lựa chọn, một là đi đòi nợ ngay lập tức, hai là đi đầu thai chuyển kiếp chớ không đứng nơi đây chờ đợi người này chết nữa. Thường thì họ chọn cách đầu tiên, có nợ thì phải đòi. Thế là hành giả phải chịu khảo đảo từ nhiều phía trên bước đường tu tập, thế lực tà quái lẫn các chủ nợ của mình. Các khảo đảo sẽ trở nên ngày càng khốc liệt, dồn dập tới tấp nhằm đánh đổ người tu bằng nhiều hình thức: tai nạn, bệnh tật, bị xung quanh đối xử không tốt, người thân trong gia đình bị tai nạn, bệnh tật... buộc người tu phải chìm đắm trong luân hồi mà chịu khổ. Phải như vậy thì mới đúng luật Công Bình Nhân Quả.

Khi người tu có ý chí kiên định, biết dùng tình thương yêu và công chánh để vượt qua các thử thách này và hướng tâm về Đạo Pháp thì khi ấy, các loài tà quái theo quấy rối lẫn các oan hồn có oan khiên với người tu sẽ chán nản mà bỏ cuộc, hoặc là khi đòi hết nợ thì chúng sẽ bỏ đi.

Có những người tu đức hạnh cao trọng có thể cảm hóa được tà quái và các oan hồn chủ nợ của

mình. Khi ấy, tà quái và oan hồn vì kính phục đức độ, đạo hạnh cao thâm của người này mà trở thành lực lượng ủng hộ, giúp đỡ cho người tu, để cho bản thân họ có điều kiện gần gũi người có đạo đức cao trọng mà học hỏi về trí thức tinh thần, đạo đức và tình thương yêu, công chánh. Cả hai ngày ngày cùng nhau tinh tấn, trở nên tốt đẹp mà thoát khỏi luân hồi, lập vị nơi cõi thiêng liêng, nâng cao sự tiến hóa trên phẩm vị linh hồn.

Những ai đã quyết chí trên con đường trở về nguồn cội cần mở rộng lòng mình bằng tình thương yêu, công chánh mà chào đón các thử thách từ những người bạn đặc biệt của chúng ta. Khi hoàn thành điều đó rồi, ta sẽ giúp đỡ được cho nhiều anh em chưa được tiến hóa về trí thức tinh thần, đạo đức, còn mang vô minh, thù hận trong lòng được thấy ánh sáng của tình thương yêu mà chính Thượng Đế đã ban cho chúng sinh, các con cái thương yêu của Người. Mở rộng vòng tay yêu thương với sự chân thành và đạo đức để tiếp nhận thử thách, ta sẽ có thêm được nhiều người anh em thiện lành trong gia tộc thiêng liêng đó vậy.

Vấn đáp #5

Vấn:

Chào anh. Việc những người còn sống hành hương, làm từ thiện, họ lấy danh nghĩa hay ghi cảm tạ tên những người đã khuất, thì những người ấy có được hưởng phần công đức ấy không ạ?

Đáp:

Cảm ơn câu hỏi của em. Về việc này, cộng nghiệp thì có một chút không nhiều.

Còn tùy vào việc tiền làm từ thiện đó mức độ liên quan nhiều ít ra sao đến tâm ý người làm từ thiện, vì cầu phúc báo hay vì thương người mà làm. Phúc báo thì có, còn thiện đức thì không nếu đó là việc làm mà cầu cho người này người kia hay bản thân được phúc báo.

Chung

Chân thành cảm ơn quý đạo hữu đã dành thời gian thưởng thức Tam Giới Toàn Thư 6. Chân thành cảm ơn các nhà hảo tâm, quý bằng hữu, chư huynh đệ tử muội đã đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua, góp sức chung tay đem ấn phẩm này đến với mọi người.

Mọi sự công hiến dù ít dù nhiều, dù bằng tịnh tài hay sức lực, tinh thần đều rất đáng được hoan nghênh và trân trọng. Đó là nguồn động lực to lớn giúp chúng tôi vững bước trên con đường chông gai phía trước, gìn giữ nền Chánh Pháp đang dần mai một theo thời gian, lan tỏa những giá trị Đạo Pháp chân thật, thiện lành, tốt đẹp. Hy vọng rằng qua đó, mỗi người trong chúng ta sẽ rút ra được cho mình những bài học bổ ích, từ đó thay đổi lối sống của mình trở nên tích cực hơn, sống an vui, nhân ái giữa cuộc đời.

Bên cạnh Tam Giới Toàn Thư 6, Tàng Kinh Các Đại Đạo còn phát hành nhiều tác phẩm tu học phong phú thông qua nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với từng mục đích, sở vọng, tâm nguyện cũng như quá trình học tập nghiên cứu của mỗi người. Thân mời quý đạo hữu cùng ghé thăm:

Ứng dụng Cứu Thiên Toàn Chí

Người bạn đồng hành trên bước đường tu Đạo
bit.ly/cuuthientoanchi

Tủ sách Tàng Kinh Các Đại Đạo

Hệ thống trang web lưu giữ các tác phẩm về
đường tu Đạo

many.link/tangkinhcacdaidao

Trong quá trình học tập, nghiên cứu các tác phẩm tu học do chúng tôi lưu giữ, có bất kỳ điều chi khúc mắc, chưa thông suốt, quý đạo hữu có thể chia sẻ với chúng tôi để được giải đáp. Hoặc trong quá trình thưởng thức, quý đạo hữu có đặc biệt yêu thích, tâm đắc với bất kỳ nội dung gì, có thể tự nhiên đăng tải thông qua các trang mạng internet. Kính mong quý vị ghi rõ nguồn tác giả, tác phẩm và không thay đổi, chỉnh sửa bất kỳ nội dung gì chúng tôi lưu giữ.

Đôi dòng chia sẻ giải bày cùng quý đạo hữu. Mến chúc quý vị cùng thân quyến thân tâm an lạc, thường tinh tấn. Chúng ta hãy cùng sống an vui, tinh thức trong tình yêu thương đại đồng nhé.

Mục lục

Lời tựa 5

Giữa biển đời bất tận, con thuyền từ thông dong nhẹ lướt cứu độ chúng sinh thoát khỏi trầm luân...

Đào Viên - Đào Nguyên 6

Nơi Tào Hóa Huyền Thiên, ở gần Dao Trì Cung có một vườn Đào Tiên rộng lớn vĩ đại vô cùng...

Hội Bàn Đào - Hội Yến Dao Trì Cung 16

Hội Yến Dao Trì Cung hay Hội Bàn Đào là lễ yến hội được Đức Dao Trì Kim Mẫu khai mở định kỳ...

Mộc Tinh Tử - Mộc Thân - Mộc Quỷ 23

Mộc Tinh Tử là các loài thảo mộc sinh sống nơi thế gian hữu tình, nhưng ở nơi sinh tồn của mình ...

Tộc Mệnh Linh Thụ - Tộc Mệnh Sâm Lâm 32

Tộc Mệnh Linh Thụ là phần tử trong bộ Linh Thụ Tiên. Đây là những Cây Thần, Đại Linh Thụ...

Thiên Địa Thụ - Thánh Mẫu Thụ 44

Từ thuở xa xưa, trong vũ trụ xuất hiện một Đại Linh Thụ vĩ đại vô cùng tận, bất khả tư nghị...

Văn Minh Điện 49

Mỗi năm đến rằm tháng 8, Đức Hộ Pháp đều cho tổ chức Văn Minh Điện để giúp vui trong cuộc lễ...

Khô tận cam lai 62

Sự khô của chúng sinh chốn trần cấu là vô cùng vô tận, như những đợt sóng triều mãi miết vỗ đập...

Ba chặng đường tu tập của hành giả 64

Phần chia sẻ này, trên quan điểm của người là hành giả tu Đạo, nhìn về khía cạnh hòa đồng tôn giáo...

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời 117

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời là những điều răn được khắc trên bia đá, do Đức Chúa Trời...

Minh thệ - Thệ nguyện 125

Minh thệ là lời thệ nguyện, tự hứa với lòng mình về một mục tiêu mà bản thân hành giả quyết tâm...

Tịnh tam nghiệp - Thiện nghiệp - Ác nghiệp 129

Tam nghiệp là những hành động của thân, khẩu, ý. Ở mỗi nghiệp này sẽ đều có hai khía cạnh là...

Cộng nghiệp 141

Cộng nghiệp là những nghiệp chung của một người với các mối quan hệ tập thể, khi tham gia sinh hoạt...

Năng lượng phúc đức trong Tam Giới 146

Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta thường trao đổi các dạng năng lượng có giá trị khác nhau...

Nhân quả tuần hoàn 154

Khi người ta thấy một chú chó bị bạo hành, hoặc bị giết thịt. Người ta nói: Mấy thằng hành hạ sát mạng...

Ăn chay 155

Ngày nay, có nhiều người theo xu hướng làm đồ ăn chay sao cho giống với đồ mặn, làm cho giống với...

Tám chạng đường trai tịnh ẩm thực 170

Từ thuở xa xưa, các hành giả tu tập Đạo Gia Khí Công Dưỡng Sinh cần thực hiện các bài tập...

Thiền tịnh 181

Thiền, theo nghĩa cơ bản nghĩa là vắng lặng suy xét, phủi sạch, quét sạch...

Thông Linh Chỉ 189

Từ thời Tội Cổ, chư hành giả Đạo Gia thường dùng những chiếc nhẫn làm cầu nối, sợi dây liên kết...

Linh Phan - Hoa Cái Trường Phan 193

Linh Phan hay Trường Phan là cảnh phước dài linh diệu, có nhiều công năng đặc biệt...

Tản Nhân 200

Nỗi lòng của những người có điều kiện nhưng chẳng mua được vé về quê nhà...

Tin thờ tà quái cúng mạng chúng sinh 205

Có nhiều người tin thờ tà thần tinh quái, mà nhận lầm tưởng là Chánh Thần...

Ngũ Quỷ - Ngũ Tính Quỷ 207

Khởi nguyên Ngũ Quỷ được Đại Tiên Kim Quang Sứ tinh luyện từ những bảo vật của...

Đê Đầu Quỷ 212

Chúng sinh khi mang thân xác hữu hình thường xuyên cúi đầu vì nhiều lý do khác nhau...

Thất Miên Quỷ 217

Thất Miên Quỷ là một chủng loại thuộc Nga Quỷ Bộ...

Độc Quỷ - Độc Trung Quỷ 221

Độc Quỷ hay Độc Trung Quỷ là một thành viên thuộc Ôn Bộ. Đây là chủng loại quỷ mang nơi mình...

Nhật Thường Vấn Đáp 226

Chuyên mục tổng hợp các câu hỏi thắc mắc của quý đạo hữu gửi về trang Tam Giới Toàn Thư...

Lời tri ân 236

Chân thành cảm ơn quý đạo hữu đã dành thời gian thưởng thức Tam Giới Toàn Thư 6...

Sách ấn tống không bán
Bản thảo lưu hành nội bộ trong quá trình
chỉnh sửa bổ sung

